TU TẬP
BÁT CHÁNH ĐẠO
HỮU LẬU
và
BÁT CHÁNH ĐẠO
VÔ LẬU

TU TẬP BÁT CHÁNH ĐẠO HỮU LẬU
& BÁT CHÁNH ĐẠO VÔ LẬU

Bản quyền tiếng Việt © 2025, Thích Thắng Giải

Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu.

Thái Hà Books trân trọng cảm ơn mọi ý kiến đóng góp của độc giả.
Mọi thông tin xin gửi về:

- Góp ý về biên tập: publication@thaihabooks.com
- Tư vấn dịch vụ xuất bản: dichvuxuatban@thaihabooks.com

THÍCH THẮNG GIẢI

TU TẬP BÁT CHÁNH ĐẠO HỮU LẬU và BÁT CHÁNH ĐẠO VÔ LẬU

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
THAIHABOOKS
Phụng sự để dẫn đầu

MỤC LỤC

Lời thưa 9

Chương 1
TỨ THÁNH ĐẾ

A. Nội dung Tứ Diệu Đế 27

I. Khổ Thánh Đế 27

1. Sinh là khổ 27

2. Già là khổ 31

3. Bệnh là khổ 32

4. Chết là khổ 33

5. Thương yêu mà xa lìa là khổ 35

6. Mong cầu không được là khổ 36

7. Oan gia mà đối đầu hay vì phải gặp, gần gũi những người mình không ưa nên khổ 37

8. Năm thủ uẩn là khổ 38

II. Tập Thánh Đế 48
III. Diệt Thánh Đế 49
IV. Đạo Thánh Đế 52
1. Bát Chánh đạo 63
2. Tứ Niệm Xứ 130
3. Tứ Chánh Cần 138
4. Tứ Như Ý Túc 142
5. Ngũ Căn 146
6. Ngũ Lực 150
7. Thất Giác Chi 153
B. Luận nghĩa Tứ Thánh Đế 164

Chương 2

PHÁP MƯỜI HAI DUYÊN KHỞI

I. Nội dung mười hai chi duyên khởi 183
1. Vô minh 184
2. Hành 186
3. Thức 186

4. Danh sắc 191
5. Lục nhập (Lục xứ) 191
6. Xúc 191
7. Thọ 192
8. Ái 192
9. Thủ 192
10. Hữu 193
11. Sinh 195
12. Lão – tử 196
II. Dòng lưu chuyển sinh tử 196
1. Vô minh và hành là nhân quá khứ (Tập đế) 197
2. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ là quả hiện tại (Khổ đế – năm thủ uẩn) 198
3. Ái, thủ và hữu là nhân hiện tại (Tập đế) 199
4. Sinh và lão – tử là quả vị lai (Khổ đế – năm thủ uẩn) 201

III. Dòng hoàn diệt 202

IV. Luận nghĩa giáo pháp mười hai duyên khởi 203

Chương 3

NHÂN QUẢ VÀ NGHIỆP BÁO

I. Nhân quả 209

1. Nhân quả đồng thời 210

2. Nhân quả khác thời 211

II. Nghiệp báo 214

1. Định nghĩa 216

2. Phân loại nghiệp 217

3. Các loại nghiệp dẫn sinh khi chết 238

Lời kết *253*

Tài liệu tham khảo *255*

LỜI THƯA

Giáo lý Tứ Thánh đế là giáo pháp quan trọng bậc nhất đối với những người tu học theo lời dạy của Đức Phật. Vì vậy, dù chúng ta thuộc truyền thống Phật giáo Nguyên thuỷ hay truyền thống Phật giáo Đại thừa cũng đều bắt đầu tu học từ nơi nền tảng của giáo pháp này. Tứ Thánh đế bao gồm Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Tuy đạo Thánh đế gồm 37 pháp nhưng trong đó Bát Chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất vì nó thâu tóm tất cả đạo đế còn lại. Cho nên, trong *Tạp A-hàm,* kinh *Lục Nhập Xứ* số 305, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch, Đức Phật dạy: "Khi tu tập tám Thánh đạo đã đầy đủ rồi thì bốn Niệm xứ cũng tu tập đầy đủ và bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần cũng tu tập đầy đủ". Cũng như trong kinh *Đại Thiên Nại Lâm, Trung A-hàm,* số *67,* Đức Phật dạy: "Nay Như Lai trao pháp Bát Chánh đạo cho A-nan, thầy A-nan phải gìn giữ và trao truyền lại, để cho chánh pháp không bị diệt vong".

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Sa-môn Pháp Sa-môn Quả* số 765, Đức Phật dạy pháp và quả của Sa-môn: "Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám chi Thánh đạo, từ Chánh kiến… cho đến Chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si còn mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não".

Cũng vậy, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo* số *785,* do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và trong kinh *Trung Bộ III, Đại Kinh bốn mươi,* do Hòa thượng Minh Châu dịch, Đức Phật dạy: "Bát Chánh đạo gồm có hữu lậu và vô lậu". Theo *Từ Điển Phật Học* giải thích nghĩa của hữu lậu là chảy mất, rò rỉ ra, phiền não, Khổ đế – Tập đế; vô lậu là không có sự rò rỉ, chảy ra, Diệt đế – Đạo đế (vô lậu). Từ đó, chúng ta biết rằng: tất cả chúng ta đều vốn có tâm hữu lậu (hay vọng tâm) và tâm vô lậu

(hay chân tâm). Trong đó, tâm hữu lậu là Khổ đế – Tập đế. Còn tâm vô lậu là Diệt đế – Đạo đế vô lậu.

Vì thế, tất cả phương pháp tu tập của hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa đều tu tập giáo pháp Bát Chánh đạo. Trong Bát Chánh đạo: Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện); còn Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng*, *Trung Bộ I*, số *44)*. Nghĩa là, trong Bát Chánh đạo thì năm chi Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc về tâm và phân làm hai nhóm: nhóm định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và nhóm tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy); ba chi còn lại Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc về thân và khẩu được gom chung làm nhóm giới. Như vậy, chúng ta tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nghĩa là tâm an trụ trong định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) – tuệ

hữu lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Còn các bậc Thánh giả (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả và Tứ quả) tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu có nghĩa là các ngài sống trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Cho nên, người xuất gia và cư sĩ tại gia đều dựa vào sự tu tập Bát Chánh đạo để thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật. Như trong *Trường A-hàm,* Đức Phật dạy cho ngài Tu-bạt-đà-na: "Trong giáo pháp nào có Thánh đạo tám chi thì ở đó có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có Thánh đạo tám chi nên có quả vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư". Còn trong *Trung A-hàm,* kinh *Thánh Đạo, số 189,* Đức Phật dạy: "Bậc Thánh Hữu học thành tựu tám chi phần Bát Chánh đạo; còn bậc Thánh Vô học thành tựu mười chi, thêm hai chi nữa là

Chánh giải thoát và Chánh trí". Vì vậy, trong lộ trình tu chứng của các Thánh quả, bậc Thánh Sơ quả đã đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên gọi là Thất lai. Bậc Thánh Nhị quả làm giảm, mỏng tham, sân và si câu sinh đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn nên gọi là Nhất lai. Bậc Thánh Tam quả đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên gọi là Bất lai. Bậc Thánh A-la-hán đoạn trừ chấp ngã (phiền não chướng) nên thành tựu Niết-bàn Hữu dư y và Niết-bàn Vô dư y. Đức Thế Tôn đã đoạn trừ chấp ngã (Phiền não chướng) và chấp pháp (Sở tri chướng) nên thành tựu Vô trụ xứ Niết-bàn.

Chính ý nghĩa quan trọng này, mỗi chúng ta cần phải không ngừng nỗ lực tu tập Bát Chánh đạo Hữu lậu và Bát Chánh đạo Vô lậu để thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật.

Mùa Phật Đản PL 2566 – 15.05.2022

Với tất cả tấm lòng trân trọng,

Thích Thắng Giải

1

TỨ THÁNH ĐẾ

Chúng ta biết rằng, giáo lý Tứ Thánh đế là một trong những nền tảng giáo pháp quan trọng bậc nhất để học hỏi, tư duy và thực tập. Bởi vì nội dung của Tứ Thánh đế đã bao hàm tất cả các phương pháp tu tập của cả hai truyền thống Phật giáo Nguyên thuỷ và Phật giáo Đại thừa. Chính ý nghĩa quan trọng đó nên trong *Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*, Đức Phật đã chỉ dạy như sau:

"Đây là pháp được tuyên thuyết chân chánh vận hành, tức là Tứ Thánh đế. Trong quá khứ, các Đức Như Lai cũng có chánh pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh đế. Trong đời vị lai, các Đức Như Lai cũng có sự công bố chánh pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh đế. Trong đời hiện tại, ta là Như Lai cũng có sự công bố chánh pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh đế" (Trích *Trung A-hàm*,

kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế* – Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Trong kinh *Tượng Tích Dụ*, ngài Xá-lợi-phất dạy:

"Này chư Hiền, nếu có vô lượng thiện pháp thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế. Nghĩa là trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất. Vì sao thế? Vì nó nhiếp thọ tất cả các thiện pháp.

Này chư Hiền, cũng như trong các dấu chân của loài thú vật, dấu chân voi là bậc nhất. Vì sao thế? Vì dấu chân voi rất là to lớn vậy. Cũng vậy, này chư Hiền, có vô lượng thiện pháp thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế. Nghĩa là trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất".

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Chuyển Pháp Luân*, Đức Phật đã chuyển vận Pháp luân Tứ Thánh đế ba lần với mười hai hành tướng. Với ý nghĩa này, theo luận *Câu-xá* giải nghĩa như sau: "Ba lần vận

chuyển các Chân đế, mười hai hành tướng? Ba lần tác động bốn Chân đế.

Thế nào gọi là chuyển? Vận chuyển pháp môn Tứ Thánh đế này tiến vào trong thân tâm tương tục của người khác, vì khiến cho hiểu nghĩa".

Thị chuyển

Thị chuyển nghĩa là Đức Phật dạy Tứ Thánh đế lần thứ nhất cho năm anh em ngài Kiều Trần Như như sau: "Đây là Khổ Thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh thì phát sanh nhãn, trí, minh, giác. Đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh thì phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Nhận thức đúng như thật về Tứ Thánh đế chính là bước căn bản đầu tiên của những người học Phật. Để có được Chánh kiến này, chúng ta cần phải nghe Phật pháp thông qua lời dạy của các bậc Thiện tri thức như quý thầy, quý sư, quý sư cô và những cư sĩ nam, cư sĩ nữ có tu học Phật pháp, đọc các sách viết về Phật học, cũng như dịch thuật và nghiên cứu những lời dạy của Đức Phật qua các

bộ kinh, luật và các bộ luận thuộc cả hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa. Nhờ vậy, chúng ta mới có được nhận thức đúng đắn về Tứ Thánh đế. Đây chính là Chánh kiến của văn tuệ.

Chúng ta nhận thức đúng đắn về Tứ Thánh đế: đó là nhận thức về Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế và Đạo Thánh đế.

Nhận thức đúng đắn về Khổ Thánh đế: Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; thương yêu mà xa lìa là khổ; mong cầu không được là khổ; oan gia mà đối đầu hay những người mình không ưa mà gặp, gần gũi nên khổ; tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Đây chính là quả sinh tử khổ đau của tất cả chúng sanh trong các giới loại.

Nhận thức đúng đắn về Tập Thánh đế: Vô minh, tham ái, chấp thủ năm thủ uẩn làm thực ngã là nguyên nhân dẫn sinh quả khổ đau của tất cả chúng sanh trong các giới loại.

Nhận thức đúng đắn về Diệt Thánh đế: Duy chỉ Niết-bàn mới hạnh phúc an lạc tuyệt đối.

Nhận thức đúng đắn về Đạo Thánh đế: Đó là 37 pháp thuộc về Đạo đế. Trong 37 pháp Đạo đế thì Bát Chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất. Lại nữa, Bát Chánh đạo gồm có Bát Chánh đạo Hữu lậu và Bát Chánh đạo Vô lậu.

Chúng ta tu học Phật pháp, không phải chỉ cho đời này, mà nó còn làm nhân duyên tốt lành cho những đời kế tiếp. Việc học này sẽ tiếp tục cho đến khi thành tựu các bậc đại Bồ-tát và cho đến lúc thành Phật. Vì vậy, những người xuất gia phải lấy việc học Phật pháp để làm sự nghiệp trí tuệ của chính mình. Những người cư sĩ tại gia cũng cần phải học và thảo luận Phật pháp. Việc học này sẽ vun bồi trí tuệ cho mình và làm phương tiện để chia sẻ Phật pháp cho người. Nhờ đó, chúng ta mới có thể tiến tới trong việc tư duy, thực hành và chứng nghiệm Phật pháp. Khi hiểu được như vậy, chúng ta mới có thể phát khởi sự nỗ lực chuyên cần với việc học Phật pháp.

Khuyến chuyển

Khuyến chuyển nghĩa là Đức Phật khuyên dạy Tứ Thánh đế lần thứ hai cho năm anh em ngài

Kiều Trần Như như sau: "Đây là Khổ Thánh đế đã biết, cần phải biết, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, cần phải đoạn, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, cần phải tác chứng; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, cần phải tu, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác".

Từ Chánh kiến của văn tuệ, chúng ta cần phải tiếp tục tư duy để hiểu rõ sâu sắc hơn về ý nghĩa của Tứ Thánh đế. Đây chính là Chánh kiến của giai đoạn tư tuệ.

Chúng ta tư duy về Khổ Thánh đế: Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; thương yêu

mà xa lìa là khổ; mong cầu không được là khổ; oan gia mà đối đầu hay những người mình không ưa mà gặp, gần gũi nên khổ; tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Nhờ đó, chúng ta mới có nhận thức đúng đắn, sâu sắc hơn về sự sinh tử khổ đau của mình và tất cả chúng sanh trong các giới loại.

Chúng ta tư duy về Tập Thánh đế: Vô minh, tham ái, chấp thủ năm thủ uẩn làm thực ngã là nguyên nhân để dẫn sinh quả khổ đau sinh tử. Nhờ đó, chúng ta mới nhận thức được sự sai biệt về quả của tất cả chúng sanh trong các giới loại chính là do sự sai biệt về nhân.

Chúng ta tư duy về Diệt Thánh đế: Duy chỉ có Niết-bàn (tâm vô lậu) mới hạnh phúc tuyệt đối.

Chúng ta tư duy về đạo Thánh đế: Đó là 37 pháp thuộc đạo Thánh đế. Nhờ đó, chúng ta mới nhận thức rằng, chỉ có tu tập đạo Thánh đế mới dẫn sinh quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật.

Nhờ Chánh kiến của tư tuệ nên chúng ta mới khởi tâm dũng mãnh tu tập đạo Thánh đế nhằm đoạn trừ Khổ Thánh đế – Tập Thánh đế để thành

tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật.

Chứng chuyển

Chứng chuyển là chứng nghiệm về Tứ Thánh đế, cho nên Đức Phật dạy Tứ Thánh đế lần thứ ba cho năm anh em ngài Kiều Trần Như như sau: "Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế đã biết, đã xuất, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Lại nữa, đây là Khổ tập Thánh đế đã biết, đã đoạn, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Lại nữa, đây là Khổ diệt Thánh đế đã biết, đã tác chứng, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế đã biết, đã tu, đã xuất; là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác".

Bởi vì Chánh kiến của giai đoạn văn tuệ và tư tuệ chỉ dừng lại ở việc nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của Tứ Thánh đế. Do đó, chúng ta phải nỗ lực tu tập Bát Chánh đạo Hữu lậu và cho đến Bát Chánh đạo Vô lậu để chứng nghiệm như thật Tứ Thánh đế ở nơi chính mình. Đây chính là Chánh kiến của giai đoạn tu tuệ. Chánh kiến này gồm Chánh kiến Hữu lậu và Chánh kiến Vô lậu.

Thế nào là Chánh kiến Hữu lậu thuộc tu tuệ?

Chánh kiến Hữu lậu thuộc tu tuệ chính là chúng ta sống trong Chánh kiến Hữu lậu để tu tập các thiện pháp qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả các học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm hữu lậu thuộc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích đạt được Kiến đạo, tức bước tới tu tập Bát Chánh đạo Vô lậu.

Khi chúng ta chú tâm vào các công việc như quét nhà, nấu ăn, rửa chén bát, làm vườn,… thì sẽ nhận thấy tâm tập khởi thiện ác hỗn tạp dẫn sinh qua lời nói của miệng và hành động của thân

(Tam nghiệp). Bởi vì đối tượng chú tâm luôn thay đổi nên định tâm sẽ không chuyên chú vào một đối tượng duy nhất. Nhiều lúc, chúng ta nhận thấy tâm bất thiện sinh khởi nhiều hơn tâm thiện. Tùy thuộc vào tâm thiện và bất thiện ấy để hình thành nên nhân cách đạo đức của mỗi con người (nhân tính) trong đời sống hiện tại. Cho nên, chúng ta cần phải chọn một phương pháp để thực tập định tâm. Nhờ đó, thiện tâm mới được tăng trưởng để thành tựu thiện pháp của nhân tính cho đến thiên tính.

Để có được định tâm thì chúng ta phải chọn một pháp môn để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, một vị đại Bồ-tát hoặc niệm một câu thần chú.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì Chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm và Chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến là nhận biết được hơi thở

vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ vậy, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ được tham, sân, si đối với năm thủ uẩn nên đem lại sự an lạc của thân tâm. Đây chính là Chánh kiến thuộc về tu tuệ, chứ không phải Chánh kiến của văn tuệ và tư tuệ trước đó.

Thế nào là Chánh kiến Vô lậu thuộc tu tuệ?

Để thành tựu được Chánh kiến Vô lậu thuộc tu tuệ thì chúng ta phải Kiến đạo tức lãnh hội Chánh kiến Vô lậu hay tâm vô lậu. Nhờ đó, hành giả đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu Thánh quả Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc Thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong Chánh kiến Vô lậu để nỗ lực tu tập làm vơi mỏng tham, sân và si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên đạt được bậc Thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc Thánh Tư-đà-hàm lại tiếp tục an trụ trong Chánh kiến Vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên đạt được Thánh quả A-na-hàm, gọi là

Bất lai. Bậc Thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong Chánh kiến Vô lậu để nỗ lực tu tập đoạn trừ hoàn toàn Khổ đế – Tập đế nên thành tựu quả vị A-la-hán. Tuy nhiên, nếu y cứ vào kinh và luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì bậc Thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nhưng các ngài vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng). Còn theo lộ trình tu chứng của Tứ Thánh quả Thanh văn và năm mươi mốt địa vị Bồ-tát thì bậc Thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát địa ở trong hàng Thập địa. Vì thế, bậc Thánh A-la-hán vẫn tiếp tục tu tập đoạn trừ chấp pháp (sở tri chướng) để thành tựu các bậc đại Bồ-tát như hàng Bồ-tát thuộc Thiện Tuệ địa (địa thứ 9), Pháp Vân địa (địa thứ 10) và cho đến hàng Bồ-tát Đẳng Giác, Diệu Giác (Phật). Duy chỉ có Đức Phật mới đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng). Cho nên, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Vô Gián Đẳng*, ngài Xá-lợi-phất dạy: "A-la-hán lại cũng tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì để được điều chưa được, để chứng

pháp chưa chứng, để có hiện pháp lạc trú". Đây chính là Chánh kiến Vô lậu tu tuệ của Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

A. NỘI DUNG TỨ DIỆU ĐẾ

Tứ là bốn, diệu là cao quý, mầu nhiệm, đế là sự thật, chân lý. Tứ Diệu Đế còn được gọi là Tứ Chân đế, Tứ Thánh đế, tức bốn chân lý chân thật.

I. Khổ Thánh Đế

"Này chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế? Đó là sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, oán tắng hội là khổ, ái biệt ly là khổ, sở cầu không toại là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ". (*Trung A-Hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế).*

1. Sinh là khổ

Tất cả chúng sinh đều do nghiệp lực dẫn sinh quả báo nên gọi sinh là khổ. Nghĩa là, do chúng ta và tất cả chúng sinh sống với vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã nên mới tạo tác những nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), để rồi phải

thọ quả sinh tử khổ đau trong các giới loại. Đây chính là quả khổ đau của sinh, lão, bệnh, tử,… của chúng ta và tất cả chúng sinh. Vì thế, Đức Phật dạy: "Này chư Hiền, nói sinh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, sinh là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, sanh thì sanh, xuất hiện thì xuất hiện, hình thành thì hình thành, hiện khởi năm uẩn đã có mạng căn. Như vậy gọi là sanh". (*Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế).*

Chính ý nghĩa sinh tử khổ đau trong các giới loại như vậy nên trong kinh *Mẫu Nhũ*, Đức Phật dạy:

"Phật nói với các Tỳ-kheo: Sữa mẹ mà các ngươi đã uống trong vòng sinh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và nước bốn biển lớn. Vì sao? Các ngươi đã từng hoặc sinh trong loài voi, uống sữa mẹ vô lượng, vô số; hoặc sinh làm lạc đà, ngựa, trâu, lừa v.v. các loài cầm thú uống sữa mẹ vô lượng vô số. Các ngươi đã từng bỏ thân nơi gò mả, máu mủ cũng tuôn chảy vô lượng; hoặc đọa

Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, máu tủy tuôn chảy cũng như vậy.

Này các Tỳ-kheo, các ngươi sanh tử từ vô thủy đến nay, chẳng biết biên tế của khổ". (*Tạp A-hàm*, kinh *Mẫu Nhũ*, số *1320*, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Bởi vì sự lưu chuyển sinh tử khổ đau của tất cả chúng sinh trong các giới loại là do sai biệt về nhân và quả nên tuổi thọ của chúng sinh nơi mỗi quốc độ cũng có sự khác nhau. Sự sai biệt về tuổi thọ của chúng sinh nơi các quốc độ ấy được Đức Phật dạy trong kinh *Thế Kỷ* như sau:

"Tuổi thọ của người Diêm-phù-đề (Nam thiện bộ châu) là một trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Câu-da-ni (Tây ngưu hóa châu) là hai trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Phất-vu-đãi (Đông thắng thần châu) là ba trăm năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của người Uất-đan-việt (Bắc câu lô châu) là một nghìn năm, không có tăng hay giảm. Tuổi thọ của Ngạ quỷ là bảy vạn năm, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của loài

rồng và Kim-sí-điểu là một kiếp hoặc có giảm đi. Tuổi thọ của A-tu-la là một nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Tứ thiên vương là năm trăm năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Đao-lợi thiên là một nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Diệm-ma thiên là hai nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Đâu-suất thiên là bốn nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Hóa tự tại thiên là tám nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Tha hóa tự tại thiên là sáu nghìn năm của cõi trời, ít ai vượt qua khỏi, mà phần nhiều là dưới. Tuổi thọ của Phạm-ca-di thiên là một kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quang âm thiên là hai kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Biến tịnh thiên là ba kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Quả thật thiên là bốn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tưởng thiên là năm trăm kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô tạo thiên là một nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô nhiệt thiên

là hai nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Thiện kiến thiên là ba nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Đại thiện kiến thiên là bốn nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Sắc cứu cánh thiên là năm nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Không vô biên xứ thiên là một vạn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Thức vô biên xứ thiên là hai vạn một nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Vô sở hữu xứ thiên là bốn vạn hai nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Tuổi thọ của Phi tưởng phi phi tưởng thiên là tám vạn bốn nghìn kiếp hoặc có giảm bớt. Trong giới hạn ấy được gọi là chúng sinh; trong giới hạn ấy được gọi là tuổi thọ; trong giới hạn ấy được gọi là thế giới; trong giới hạn ấy là sự luân chuyển của tập hợp uẩn, xứ, giới, qua lại trong các cõi, sinh, già, bệnh, chết". (*Trường A-hàm*, kinh *Thế Kỷ*, Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch).

2. Già là khổ

Già là một sự thật được diễn ra ở nơi thân thể của mỗi chúng ta và tất cả chúng sinh hữu tình. Vì thế, Đức Phật dạy: "Này chư Hiền, nói già là khổ;

nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, già nghĩa là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, kẻ kia trở nên già yếu, đầu bạc răng rụng, sự cường tráng ngày càng suy yếu, thân cong, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, phải chống gậy mà đi, thịt rút, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn hư hoại, nhan sắc xấu xí. Như vậy gọi là già.

Này chư Hiền, già là khổ, là chúng sanh khi già thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện". (*Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*).

3. Bệnh là khổ

Bệnh là một sự thật đang diễn ra hoặc sẽ xảy đến ở nơi thân thể của chúng ta và tất cả chúng sinh hữu tình. Vì vậy, Đức Phật dạy: "Này chư Hiền, nói bệnh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, bệnh là đầu đau, mắt đau, tai đau, mũi đau, mặt đau...

Này chư Hiền, bệnh khổ là: chúng sanh khi bệnh thì thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện" (*Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*).

4. Chết là khổ

Chết là một sự thật sẽ xảy đến đối với chúng ta và tất cả chúng sinh hữu tình. Cho nên, Đức Phật dạy: "Này chư Hiền, nói chết là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, chết là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, mạng chung, vô thường, chết chôn, tan rã, tuổi thọ chấm dứt, hủy hoại, mạng căn bế tắc, như vậy gọi là chết.

Này chư Hiền, chết là khổ. Đó là chúng sanh khi chết thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện" (*Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*).

Thật vậy, khi chúng ta chết thì các căn sẽ bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không hoạt động, khi ấy chỉ y vào hữu (chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức thứ tám) làm nhân để dẫn sinh thức A-lại-da vào trong các giới loại để hình thành danh sắc (năm thủ uẩn). Đây chính là quả khổ của sự lưu chuyển sinh tử.

Theo Duy Thức, thức thứ tám chấp thọ chủng tử, thân căn và y xứ. Cho nên trong giai đoạn chúng ta xả bỏ báo thân thì các căn sẽ bắt đầu biến hoại,

sáu chuyển thức không tập khởi, lúc đó chỉ tồn tại hai thức là thức thứ tám và thức thứ bảy. Khi ấy, thức thứ tám bắt đầu xả bỏ báo thân hiện tại dần dần và cho đến lúc xả bỏ hoàn toàn thì đây gọi là chết. Lúc đó, y vào hữu (chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức thứ tám) làm nhân dẫn sinh thức A-lại-da vào trong các giới loại để hình thành danh sắc (năm thủ uẩn) thì đây gọi là sinh. Như vậy, chết chính là để sinh, tức xả bỏ báo thân cũ để tiếp nối một báo thân mới.

Bởi thức thứ tám có tính chất hằng chuyển nên nó không phải đoạn diệt cũng không phải thường hằng. Chính thức thứ tám làm nền tảng căn bản cho các chuyển thức hiện hành và hình thành báo thân của tất cả chúng sinh hữu tình trong các giới loại. Vì vậy, chúng ta đã từng sinh ra đời trong các giới loại (ví như trong nhân gian) nhưng rồi sau đó cũng phải dẫn đến già, bệnh và chết hàng triệu triệu lần. Trong tiến trình ấy, mỗi khi chúng ta xả bỏ báo thân thì đây gọi là chết. Lúc đó, tuy sáu chuyển thức không tập khởi nhưng thức thứ tám vẫn hằng chuyển không gián đoạn.

Với sự thật đó, chúng ta đã chứng kiến tất cả mọi người trong quá khứ sinh ra đời nhưng rồi sau đó cũng phải dẫn đến già, bệnh và chết; mọi người ở hiện tại và trong tương lai đều cũng như vậy.

Bởi vì sự lưu chuyển sinh tử khổ đau đó nên chúng ta cần phải tu tập đạo Thánh đế để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật.

5. Thương yêu mà xa lìa là khổ

Ái biệt ly là khổ. Đây là một sự thật khổ đau được tập khởi nơi tâm của chúng ta và tất cả chúng sinh hữu tình. Vậy nên, Đức Phật dạy: "Này chư Hiền, nói ái biệt ly khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, ái biệt ly khổ, đó là chúng sanh thật có sáu xứ bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn khả ái, nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ứng, biệt ly không tụ hội, không gắn bó, không tập hợp, không hòa hợp, đó là khổ.

Này chư Hiền, ái biệt ly khổ nghĩa là chúng sanh khi xa cách nhau, thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện, cảm thọ, cảm thọ toàn diện" (*Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*).

6. Mong cầu không được là khổ

Chúng ta và tất cả chúng sinh do sống với vô minh, tham ái chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo tác những nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), để rồi phải thọ quả sinh tử khổ đau trong các giới loại. Tuy vậy, chúng ta lại ước muốn đừng bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết, đừng có sự ưu sầu, buồn lo, khổ não, thì điều này không thể được. Vì thế, Đức Phật dạy: "Này chư Hiền, nói sở cầu không toại là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, nghĩa là chúng sanh lệ thuộc vào sanh pháp, không thể xa lìa sanh pháp, nhưng lại ước muốn rằng: Mong tôi không sanh ra. Điều ấy quả thật không thể muốn mà được. Với sự già, sự chết, sự u sầu, buồn lo mà ước muốn rằng: Mong tôi không có buồn lo. Điều ấy không thể muốn mà được" (*Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*).

7. Oan gia mà đối đầu hay vì phải gặp, gần gũi những người mình không ưa nên khổ

Bởi vì nghiệp lực trong đời quá khứ dẫn sinh báo thân hiện tại của chúng ta không được khả ái nên tâm sinh khổ đau. Cũng vậy, khi chúng ta gần gũi với những người mà mình không ưa, hay khi mắt nhìn thấy các sắc, tai nghe các âm thanh, mũi ngửi các hương, lưỡi nếm các vị, thân xúc chạm các vật không vừa ý nên khiến tâm sinh ưu sầu khổ não. Vì vậy, Đức Phật dạy: "Này chư Hiền, nói oán tắng hội là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, oán tắng hội nghĩa là chúng sanh thật có sáu nội xứ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn không khả ái mà chúng cùng tụ hội ở một chỗ có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp. Sự hòa hợp ấy là khổ. Cũng vậy, các ngoại xứ: Xúc, thọ, tưởng, tư ái cũng lại như vậy.

Này chư Hiền, oán tắng hội là khổ, đó là chúng sanh khi có sự tụ hội của những oán ghét, thân tâm nhiếp thọ khổ, nhiếp thọ toàn diện; cảm thọ, cảm thọ toàn diện" (*Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*).

8. Năm thủ uẩn là khổ

Tuy nói rằng sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội là khổ; nhưng tất cả chính là năm thủ uẩn của tất cả chúng ta. Do đó, Đức Phật dạy: "Này chư Hiền, nói lược năm thủ uẩn là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Đó là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói năm thủ uẩn là khổ". (*Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*).

Theo *Pháp Uẩn Túc Luận* giải thích năm thủ uẩn là khổ: "Vì nhân duyên gì lược nói toàn bộ năm thủ uẩn là khổ? Năm thủ uẩn chuyển động vô thường, mệt nhọc, suy yếu, là pháp tan hoại, thay đổi không ngừng, hư hoại, mục nát, không còn mãi, không thể tin cậy, là pháp biến hoại, có tăng có giảm, tạm trụ rồi nhanh chóng diệt, trước không nay có, có rồi hoàn không. Do nhân duyên này lược nói toàn bộ năm thủ uẩn là khổ".

Năm thủ uẩn

Năm thủ uẩn gồm sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Uẩn là tập hợp, tụ hợp, tích hợp, nhóm; hoặc có khi các ngài dịch là ấm, ấm nghĩa là ngăn che, che phủ.

Sắc uẩn

Đó là yếu tố vật chất gồm: địa, thủy, hỏa, phong.

Theo *Câu-xá Luận*, trang 99, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, giải thích nghĩa sắc uẩn là gì? "Sắc là chỉ cho năm căn, năm cảnh cùng vô biểu. Nói năm căn, đó là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân. Nói năm cảnh, đó là sắc, thanh, hương, vị và xúc. Cùng với vô biểu, tức vô biểu sắc. Chỉ trong giới hạn ấy lập danh sắc uẩn".

"Vô biểu sắc là sắc không biểu hiện cụ thể cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân tiếp xúc. Đó là chỉ cho pháp trần, nó là đối tượng phân biệt của ý thức". (Trích *Bát-nhã Tâm Kinh*, trang 66, Hòa thượng Thái Hòa dịch và chú giải)

Thọ uẩn

Thọ là nhóm cảm giác gồm khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ (cảm giác không vui không khổ).

Tưởng uẩn

Theo *Câu-xá Luận*: "Tưởng chính là nắm bắt tín hiệu. Sự nắm bắt các tín hiệu xanh, vàng, dài, ngắn, nam, nữ, khổ và phi khổ các thứ, đó là tưởng uẩn".

Còn theo luận *Thành Duy Thức*: "Tưởng, tự tính của nó là tiếp thu ảnh tượng nơi đối tượng. Chức năng của nó là quy ước các loại danh ngôn khác nhau. Nghĩa là cần phải ấn định hình thái giới hạn của đối tượng mới có thể tùy theo đó phát khởi các danh ngôn khác nhau".

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Trách Chư Tưởng,* số 272, Đức Phật dạy về tưởng như sau: "Này các Tỳ-kheo, có ba pháp bất thiện, đó là tham, nhuế, hại. Ba pháp này là do tưởng mà sanh khởi. Thế nào là tưởng? Tưởng có vô lượng thứ: Tham tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng… Các pháp bất thiện từ đây mà sanh khởi".

Bởi tưởng là tâm sở cho nên tưởng không thể sinh khởi độc lập mà không có thọ, hành và thức. Nghĩa là mỗi khi tưởng tập khởi tức năm thủ uẩn sẽ tập khởi. Vì vậy, Đức Phật dạy tưởng

có vô lượng thứ như tham tưởng, sân tưởng, hại tưởng… và khi tưởng tập khởi thì khi nào cũng có đối tượng của chính nó. Ví như khi chúng ta ngắm vườn hoa huệ thì tâm ưa thích (tham) là hành, còn tâm nhận biết để gọi tên vườn hoa huệ là chức năng của tưởng. Hoặc sân là tâm hành bất thiện, còn tâm nhận biết về đối tượng mà chúng ta đang sân có tên gì là chức năng của tưởng. Hoặc hại là tâm hành bất thiện, còn tâm nhận biết về đối tượng bị hại có tên gì là chức năng của tưởng.

Lại nữa, tưởng và trí tập khởi có trước sau. Vì sao? Như đã phân tích ở trên mỗi khi tưởng tập khởi thì khi nào cũng có thọ, hành và thức cùng tập khởi (năm thủ uẩn). Sự tập khởi của năm thủ uẩn (Khổ đế – Tập đế) chính là phiền não chướng tức vô minh; trí tức minh là chỉ cho đạo Thánh đế. Bởi vì khổ đau (Khổ đế – Tập đế) cho nên chúng ta mới khởi tâm dũng mãnh tu tập đạo Thánh đế nhằm để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế. Cho nên, tưởng có trước (Khổ đế – Tập đế); sau đó mới có trí (Đạo đế). Vì vậy, trong kinh *Bố-tra-bà-lâu* có một Phạm-chí thưa với Đức Thế Tôn rằng:

"Là một tưởng, hay nhiều tưởng?

Phật nói: Có một tưởng. Không có nhiều tưởng.

Phạm-chí lại thưa: Trước có tưởng sinh sau đó mới trí? Hay trước có trí sinh sau đó mới tưởng? Hay tưởng và trí cùng sinh một lượt?

Phật dạy: Trước có tưởng sinh, sau đó mới trí. Do tưởng mà có trí" (*Trường A-hàm, Kinh Bố-tra-bà-lâu* số 28, Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch).

Hành uẩn

"Này các Tỳ-kheo! Thế nào là hành? Có sáu tư thân: tư sắc, tư thanh, tư hương, tư vị, tư xúc và tư pháp. Đây gọi là hành". (Kinh *Tương Ưng Bộ*).

Tư chính là động lực quyết định, là ý muốn để dẫn tâm theo hướng thiện hay bất thiện.

Tư gồm có thẩm tư lự, quyết định tư và phát động bởi tư.

Tư chính là hành. Hành uẩn chính là các tâm hành thiện và bất thiện tạo tác nghiệp để dẫn đến quả báo của nghiệp.

Hành uẩn là những tâm hành thuộc tâm sở. Duy thức chia thành 51 tâm sở gồm cả thọ và tưởng.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu-hy-la*, số 211, Tôn giả Đại Câu-hy-la dạy thọ, tưởng và tư hợp nhất không riêng biệt như sau: "Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt".

Thức uẩn

Theo Duy Thức, thức có tám loại: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, thức thứ bảy và thức thứ tám. Thức là nền tảng của thọ, tưởng và hành. Thức là tâm vương, còn thọ, tưởng, hành là tâm sở. Tâm vương và tâm sở được ví như mặt trời và ánh sáng. Tâm vương ví cho mặt trời, còn tâm sở ví cho ánh sáng.

Bởi vì tất cả chúng ta sống với với vô minh, tham ái chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã nên mới có sự chấp thủ. Còn những bậc Thánh giả

thuộc hàng Hữu học (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm) chưa đoạn trừ hoàn toàn Khổ đế – Tập đế nên vẫn còn sự chấp thủ bởi vô minh. Chỉ có những bậc Thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh Văn thừa), Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa), hàng Bồ-tát Bát địa (Bồ-tát thừa) đã đoạn trừ hoàn toàn Khổ đế – Tập đế nên đạt được Niết-bàn. Từ đó, các ngài đã từ trong định – tuệ vô lậu để nguyện lực sinh thân (ý thành thân) trong ba cõi để giáo hóa chúng sinh nên thân ấy hoàn toàn không bị chấp thủ. Vì thế, trong kinh *Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc* có đề cập việc bà Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư hỏi Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc như sau: "Uẩn nói là thủ uẩn, thủ uẩn nói là uẩn. Uẩn tức là thủ uẩn, hay thủ uẩn tức là uẩn? Uẩn khác với thủ uẩn chăng?"

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: "Hoặc uẩn tức là thủ uẩn. Hoặc uẩn chẳng phải là thủ uẩn. Thế nào là uẩn tức là thủ uẩn? Sắc hữu lậu, được chấp thủ; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, được chấp thủ, nói uẩn tức là thủ uẩn.

"Thế nào nói uẩn tức chẳng phải là thủ uẩn? Sắc vô lậu, không bị chấp thủ, nói uẩn chẳng phải

là thủ uẩn" (*Trung A-hàm*, kinh *Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc*, số 210, Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch).

Cùng với ý nghĩa trên, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Tiễn*, số *469*, Đức Phật dạy: "Này các Tỳ-kheo, phàm phu ngu si không học, vì thân xúc chạm sanh các thọ, tăng thêm các khổ đau, cho đến bị cướp mất mạng sống, sầu bi, thán oán, khóc lóc, kêu gào, tâm sanh cuồng loạn. Ngay lúc đó hai thọ tăng trưởng, là thân thọ và tâm thọ. Như có người thân bị trúng hai mũi tên độc, vô cùng đau đớn. Phàm phu ngu si không học lại cũng như vậy. Hai thọ tăng trưởng: thân thọ, tâm thọ vô cùng đau đớn, khổ sở. Vì sao? Vì phàm phu ngu si không học này vì không biết rõ nên ở nơi Ngũ dục mà phát sanh cảm xúc lạc thọ, lãnh thọ năm thứ dục lạc. Do lãnh thọ năm thứ dục lạc nên bị tham sử sai khiến. Vì xúc chạm cảm thọ khổ nên sanh sân nhuế. Vì nổi sân nhuế nên bị nhuế sử sai khiến. Nếu đối với sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại và xuất ly của hai thọ này mà không biết như thật; vì không biết như thật nên sanh cảm thọ không khổ không lạc, bị si sử sai khiến. Nó bị lạc thọ

trói buộc, mãi không thể lìa; bị khổ thọ trói buộc, trọn không thể lìa; bị cảm thọ không khổ không lạc trói buộc, cuối cùng không thể lìa.

Cái gì trói buộc? Bị tham, nhuế, si trói buộc; bị sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trói buộc.

Đa văn Thánh đệ tử, thân xúc sanh khổ thọ, khổ lớn bức bách… cho đến cướp mất sanh mạng, mà không khởi lo buồn, thán oán, khóc lóc, kêu gào, loạn tâm phát cuồng. Ngay lúc đó chỉ sanh một thứ thọ, đó là thân thọ, chứ không sanh tâm thọ.

Như người bị một mũi tên độc, không bị mũi tên độc thứ hai, ngay khi đó chỉ sanh có một cảm thọ, đó là thân thọ mà không sanh tâm thọ. Khi xúc chạm lạc thọ, không nhiễm dục lạc. Vì không nhiễm dục lạc nên đối với lạc thọ này, tham sử không sai khiến. Khi xúc chạm khổ thọ không sanh sân nhuế. Vì không sanh sân nhuế nên nhuế sử không thể sai khiến. Nếu đối với sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại, sự xuất ly của hai sử này mà biết như thật; vì biết như thật cảm thọ không khổ không lạc nên si sử không thể sai khiến được.

Đối với lạc thọ được giải thoát, không bị trói buộc; khổ thọ, không khổ không lạc thọ cũng được giải thoát, không bị trói buộc.

Không bị cái gì trói buộc? Tham, nhuế, si không trói buộc; sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não không trói buộc".

Cũng như trong *Tạp A-hàm*, kinh *Trưởng Giả*, số 109, Ngài Xá-lợi-phất dạy:

"Lành thay! Gia chủ, nay ông hãy lắng nghe, tôi sẽ vì ông mà nói. Kẻ phàm phu ngu si không học, đối với sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, sự tai hại của sắc, vị ngọt của sắc, sự xuất ly sắc không biết như thật. Vì không biết như thật nên ái lạc sắc, nói rằng sắc là ngã, là ngã sở, rồi chấp thủ, nhiếp thủ. Khi sắc này hoặc bị hư hoại, hoặc bị biến đổi; tâm thức cũng tùy theo mà biến chuyển, khổ não liền sanh. Khi khổ não đã sanh thì phát sinh sự sợ hãi, sự chướng ngại, sự hoài vọng, sự lo nghĩ buồn khổ tham luyến. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là bệnh khổ của thân tâm.

Thế nào là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự

tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về xuất ly của sắc. Khi đã biết như thật rồi thì không sanh ra ái lạc, thấy sắc là ngã, hay ngã sở. Sắc này nếu biến dịch hay đổi khác đi nữa thì tâm cũng không thay đổi theo mà sanh ra khổ não. Khi tâm đã không biến chuyển theo mà sanh ra khổ não rồi, thì được sự không sợ hãi, chướng ngại, tiếc nuối, lo nghĩ, buồn khổ, tham luyến. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là thân bị bệnh khổ mà tâm không bị bệnh khổ".

II. Tập Thánh Đế

Tập đế là nguyên nhân dẫn sinh quả khổ đau. Trong các kinh, Đức Phật đều dạy: Do vô minh, tham ái và chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã là nguyên nhân tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) làm nhân nên mới dẫn sinh quả khổ đau. Hay nói cách khác, do vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), khi ấy thức thứ tám liền lưu giữ tất cả các loại nghiệp đó. Đây

chính là những nghiệp nhân dẫn sinh quả sinh tử khổ đau của tất cả chúng ta trong các giới loại. Như vậy, Tập đế là nhân và Khổ đế là quả. Sự sai biệt về quả (Khổ đế) là do sự sai biệt nhân (Tập đế). Nhân và quả này đã làm nhân duyên cho nhau để tạo thành dòng sinh tử khổ đau của sinh, già, bệnh, chết vô tận trong các giới loại. Cho nên, Đức Phật dạy: "Cái gì là Ái tập khổ tập Thánh đế? Nghĩa là chúng sanh thật có sáu xứ tham ái bên trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Trong đó nếu có ái, có cấu bẩn, có ô nhiễm, có đắm trước, đó gọi là tập.

Này chư Hiền, chúng sanh quả thật có sáu giới tham ái: Đất, nước, lửa, gió, hư không, thức giới, trong đó nếu có ái, có cấu bẩn, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập" (*Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế).*

III. Diệt Thánh Đế

Diệt đế là Niết-bàn, là sự vắng mặt hoàn toàn Khổ đế và Tập đế (sự tập khởi của năm thủ uẩn).

Niết-bàn còn được gọi bằng nhiều danh từ như: tịch diệt, viên tịch, vô lậu, tịch tĩnh, chân như, thật tướng, pháp thân v.v..

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, Phẩm 30, kinh số 1, Đức Phật dạy: "Vô lậu là Niết bàn".

Theo luận *Thành Duy Thức* giải thích về ý nghĩa sai biệt của Niết-bàn có bốn:

- "Tự tính Niết-bàn: Tất cả chúng sinh hữu tình vốn sẵn có tự tính Niết-bàn, tức tâm vô lậu.
- Niết-bàn hữu dư y, tức chân như đã xuất ly phiền não chướng, tuy còn có sở y của khổ mờ nhạt chưa bị diệt nhưng chướng thì đã vĩnh viễn bị dập tắt, do đó nói là Niết-bàn.
- Niết-bàn vô dư y, tức chân như đã xuất ly khổ sinh tử, phiền não đã hoàn toàn bị diệt tận không còn, dư y cũng diệt, mọi thứ khổ bị dập tắt, nên được gọi là Niết-bàn.
- Vô trụ xứ Niết-bàn: Vì Đức Thế Tôn đã đoạn trừ hoàn toàn phiền não chướng (chấp ngã) và sở tri chướng (chấp pháp) nên đạt Vô trụ xứ Niết-bàn".

Hết thảy hữu tình đều có Niết-bàn thứ nhất. Hàng Nhị thừa vô học có ba Niết-bàn đầu. Duy chỉ nơi Đức Phật Thế Tôn mới đầy đủ cả bốn.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế,* Đức Phật dạy: "Này chư Hiền, thế nào là Ái diệt khổ diệt Thánh đế? Nghĩa là chúng sanh thật có sáu xứ tham ái bên trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý xứ. Chúng sanh ấy giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn vô dục, diệt tận, tịch tĩnh; đó gọi là khổ diệt".

Trong kinh điển thuộc truyền thống Nguyên thủy và truyền thống Đại thừa, Đức Phật dạy: Tất cả chúng ta đều vốn sẵn có tâm vô lậu (đạo đế vô lậu), đây là một chân lý. Nếu chúng ta không có tâm vô lậu thì làm sao có thể tu tập đoạn trừ được tâm hữu lậu (Khổ đế – Tập đế) để thành tựu Tứ thánh quả.

Khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được tâm vô lậu thì đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc Thánh Sơ quả, gọi là Thất lai. Bậc Thánh Nhị quả đã làm giảm, mỏng tham, sân và si câu sinh đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn

nên gọi là Nhất lai. Bậc Thánh Tam quả đã đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên gọi là Bất lai. Cả ba bậc Thánh này đều thuộc vào hàng Hữu học nên chưa đạt được Niết-bàn. Chỉ có những bậc Thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh Văn thừa), hàng Độc Giác (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát địa trở lên (Bồ-tát thừa) đã đoạn tận Khổ đế – Tập đế (phiền não chướng) nên mới đạt được Niết-bàn.

IV. Đạo Thánh Đế

Đạo đế gồm 37 pháp nhưng trong đó tám Thánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất, vì nó thâu tóm ý nghĩa của các đạo đế còn lại như Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực và Thất giác chi. Cho nên, trong kinh *Lục Nhập Xứ,* Đức Phật dạy: "Khi tu tập tám Thánh đạo đã đầy đủ rồi thì bốn Niệm xứ cũng tu tập đầy đủ và bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần cũng tu tập đầy đủ".

(*Tạp A-hàm*, kinh *Lục Nhập Xứ*, số 305, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Trong kinh *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo số 189*, Đức Phật đã dạy về ý nghĩa của Bát Chánh đạo như sau:

"Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại nước Câu-lâu-sấu, ở Kiếm-ma-sắt-đàm, đô ấp của Câu-lâu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

Có một con đường khiến chúng sanh được thanh tịnh, xả bỏ ưu sầu, than khóc, dứt hết buồn khổ ảo não, chứng được như pháp. Đó là Thánh Chánh định, có tập, có trợ và cũng có cụ, bao gồm bảy chi.

Thế nào là Thánh Chánh định nói tập, nói trợ và nói cụ gồm bảy chi? Đó là Chánh kiến, Chánh chí, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh phương tiện, Chánh niệm. Nếu do bảy chi này mà có tập, có trợ và có cụ, khéo hướng đến tâm chuyên nhất, đó gọi là Thánh Chánh định có tập, có trợ và có cụ. Vì sao vậy? Chánh kiến sanh Chánh chí, Chánh chí sanh Chánh ngữ, Chánh ngữ sanh

Chánh nghiệp, Chánh nghiệp sanh Chánh mạng, Chánh mạng sanh Chánh phương tiện, Chánh phương tiện sanh Chánh niệm, Chánh niệm sanh Chánh định. Hiền Thánh đệ tử tâm được Chánh định như vậy lập tức dứt sạch dâm, nộ, si. Hiền Thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như thế, lập tức biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

Trong các chi ấy, Chánh kiến đứng ngay hàng đầu. Nếu thấy rõ tà kiến là tà kiến thì đó gọi là Chánh kiến. Nếu thấy rõ Chánh kiến là Chánh kiến thì đó cũng gọi là Chánh kiến.

Thế nào là tà kiến?

Đó là cho rằng không có bố thí, không có trai tự, không có chú thuyết, không có thiện, ác nghiệp, không có quả báo của thiện, ác nghiệp, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ, không có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, trong đời này hay đời sau mà tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là tà kiến.

Thế nào gọi là Chánh kiến?

Đó là thấy rằng có bố thí, có trai tự, có chú thuyết, có thiện, ác nghiệp, có quả báo của thiện, ác nghiệp, có đời này đời sau, có cha có mẹ, có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là Chánh kiến.

Đó gọi rằng thấy tà kiến là tà kiến thì đó là Chánh kiến. Thấy Chánh kiến là Chánh kiến; đó cũng gọi là Chánh kiến. Khi biết rõ như thế, liền phải cầu học, muốn đoạn trừ tà kiến, thành tựu Chánh kiến. Đó gọi là Chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm về sự đoạn trừ nơi tà kiến, thành tựu Chánh kiến; đó gọi là Chánh niệm. Cả ba chi này đi theo kiến phương tiện, do phương tiện của kiến. Vì thế cho nên bảo Chánh kiến là đứng ngay ở hàng đầu.

Nếu thấy tà chí là tà chí thì đó là Chánh chí. Nếu thấy Chánh chí là Chánh chí thì đó cũng là Chánh chí.

Thế nào gọi là tà chí? Đó là niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, được gọi là tà chí.

Thế nào gọi là Chánh chí? Đó là niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, được gọi là Chánh chí.

Thấy rõ tà chí là tà chí, thì đó là Chánh chí. Thấy rõ Chánh chí là Chánh chí thì đó cũng là Chánh chí. Biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà chí, thành tựu Chánh chí. Đó gọi là Chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà chí, thành tựu Chánh chí. Đó gọi là Chánh niệm.

Tất cả ba chi này đi theo Chánh chí, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo Chánh kiến đứng hàng đầu.

Nếu thấy rõ tà ngữ là tà ngữ thì đó là Chánh ngữ. Nếu thấy Chánh ngữ là Chánh ngữ, thì đó cũng là Chánh ngữ.

Sao gọi là tà ngữ? Nói dối, nói hai lưỡi, lời nói thô ác, lời nói thêu dệt, đó gọi là tà ngữ.

Thế nào là Chánh ngữ? Xa lìa sự nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, thêu dệt, đó gọi là Chánh ngữ.

Đó cũng gọi là thấy tà ngữ là tà ngữ, thì gọi là Chánh ngữ. Thấy Chánh ngữ là Chánh ngữ, cũng gọi là Chánh ngữ. Biết như vậy rồi liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà ngữ, thành tựu Chánh ngữ. Đó là Chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà ngữ, thành tựu Chánh ngữ, gọi là Chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh ngữ, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo Chánh kiến đứng hàng đầu.

Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì đó là Chánh nghiệp. Nếu thấy Chánh nghiệp là Chánh nghiệp, thì đó cũng chánh là Chánh nghiệp.

Thế nào gọi là tà nghiệp? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là tà nghiệp. Thế nào gọi là Chánh nghiệp? Lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là Chánh nghiệp. Đó gọi rằng thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì gọi là Chánh nghiệp. Thấy Chánh nghiệp là Chánh nghiệp, cũng gọi là Chánh nghiệp. Biết như thế rồi liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu Chánh nghiệp, gọi là Chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà nghiệp, thành tựu Chánh nghiệp, gọi là

Chánh niệm. Cả ba chi này đi theo Chánh nghiệp, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo Chánh kiến đứng hàng đầu.

Nếu thấy tà mạng là tà mạng, thì đó gọi là Chánh mạng. Nếu thấy Chánh mạng là Chánh mạng, thì cũng gọi là Chánh mạng.

Thế nào là tà mạng? Nếu có sự mong cầu mà không mãn ý; bằng nhiều loại chú thuật súc sanh, bằng tà mạng mà nuôi sống. Nó không như pháp mà tìm kiếm áo chăn, mà lại bằng phi pháp; không như pháp mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, mà bằng phi pháp. Đó là tà mạng. Thế nào là Chánh mạng? Nếu không có sự mong cầu không mãn ý; không dùng các thứ chú thuật, tà mạng để nuôi sống. Người ấy như pháp mà tìm kiếm áo chăn, thì đó là pháp vậy; như pháp mà mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, thì đó là pháp vậy. Đó gọi là Chánh mạng. Đó là nói rằng, thấy tà mạng là tà mạng thì gọi là Chánh mạng; thấy Chánh mạng là Chánh mạng, cũng gọi là Chánh mạng. Kia biết như vậy rồi, bèn cầu học để đoạn trừ tà mạng,

thành tựu chánh mạng; đó là Chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm nơi sự đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng, đó gọi là Chánh niệm. Ba chi này đi theo chánh mạng, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo Chánh kiến đứng hàng đầu.

Thế nào là Chánh phương tiện? Tỳ-kheo để đoạn trừ ác pháp đã sanh mà phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm trừ diệt; vì để ác pháp chưa sanh thì không sanh, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; để pháp thiện chưa sanh thì sanh nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm trừ diệt; để thiện pháp đã sanh tồn tại, không bị quên, không thoái thất, càng lúc càng phát triển rộng rãi, tu tập biến mãn đầy đủ, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; đó gọi là Chánh phương tiện.

Thế nào là Chánh niệm? Tỳ-kheo quán nội thân như thân; quán cho đến thọ, tâm, pháp như pháp; đó gọi là Chánh niệm.

Thế nào là Chánh định? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ; đó gọi là Chánh định.

Thế nào là Chánh giải thoát? Tỳ-kheo, tâm giải thoát khỏi dục, tâm giải thoát khỏi nhuế, si; đó gọi là Chánh giải thoát. Thế nào là Chánh trí? Tỳ-kheo biết tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si; gọi là Chánh trí.

Đó là bậc Hữu học thành tựu tám chi. Lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi.

Thế nào là Hữu học thành tựu tám chi? Là học từ Chánh kiến cho đến Chánh định. Đó là Hữu học thành tựu tám chi.

Thế nào là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi? Đó là Vô học Chánh kiến cho đến Vô học Chánh trí. Đó là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi. Vì sao vậy? Vì Chánh kiến là đoạn trừ tà kiến. Nếu nhân tà kiến sanh vô lượng ác pháp bất thiện, vị ấy phải đoạn trừ nó. Nếu nhân Chánh kiến sanh ra vô lượng thiện pháp, vị ấy tu tập được sung mãn. Cho đến Chánh trí đoạn trừ tà trí. Nếu nhân tà trí sanh vô lượng pháp ác bất thiện, vị ấy đoạn trừ nó.

Nếu nhân Chánh trí sanh vô lượng pháp thiện, vị ấy tu tập để được sung mãn.

Đó là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Tức là tuyên thuyết bốn mươi đại pháp phẩm được chuyển vận nơi Phạm luân mà không một ai có thể chế ngự mà bài xích, dù là Sa-môn, Phạm-chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác.

Đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân ấy, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm-chí, chư Thiên và Ma, Phạm và các loại thế gian khác; mà nếu có Sa-môn, Phạm-chí nào phi bác, người ấy đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích.

Những gì là mười? Hoặc chê bai Chánh kiến, khen ngợi tà kiến. Nếu có Sa-môn, Phạm-chí nào có tà kiến, mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm-chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế

gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Phạm-chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp đây là trường hợp thứ nhất đáng bị chỉ trích.

Hoặc chê bai, cho đến Chánh trí, khen ngợi tà trí. Nếu có Sa-môn, Phạm-chí nào có tà trí mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm-chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Phạm-chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp đây trường hợp thứ mười đáng bị chỉ trích.

Đó gọi là đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích. Nếu có Sa-môn, Phạm-chí nào đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết, được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm-chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà phi bác; thì người ấy đối với như pháp có mười điều bị chỉ trích.

Lại có những Sa-môn, Phạm-chí khác sống ngồi chồm hỗm, thuyết giảng sự ngồi chồm hỗm. Sống vô sở hữu, thuyết giảng vô sở hữu, thuyết vô nhân, thuyết vô tác, thuyết vô nghiệp; nghĩa là đối với thiện ác được tạo tác bởi người này hay người kia mà chủ trương đoạn tuyệt, phá hoại ở kia hay ở đây, những người ấy đối với bốn đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm-chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác, những người ấy cũng có sự chỉ trích, lo lắng, sợ hãi.

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành".

1. Bát Chánh đạo

Tám Thánh đạo chính là con đường Thánh gồm tám yếu tố hay tám thành phần. Tám yếu tố này đã tạo thành con đường tu tập để đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật.

Với ý nghĩa đó, trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Thiên Nại Lâm*, số 67, Đức Phật dạy: "Nay Như Lai trao pháp Bát Chánh đạo cho A-nan , thầy A-nan phải gìn giữ và trao truyền lại, để cho chánh pháp không bị diệt vong".

Trong *Trường A-hàm*, Đức Phật dạy cho ngài Tu-bạt: "Trong giáo pháp nào có Thánh đạo tám chi thì ở đó có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có Thánh đạo tám chi nên có quả vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư".

Theo ý nghĩa trên, trong *Tăng Nhất A-hàm,* phẩm Tám Nạn, *kinh số 3,* Đức Phật dạy: "Ta không thấy ai là Sa-môn, Bà-la-môn. Trong các đại chúng nào mà không có tám đạo Hiền thánh thì ở đó không có bốn quả Sa-môn. Này Tu-bạt, đó gọi là thế gian trống rỗng, không có ai là chân nhân đắc đạo. Trong đạo Hiền thánh nào có pháp Hiền thánh thì ở đó có bốn kết quả Sa-môn. Vì sao vậy? Sở dĩ có bốn kết quả Sa-môn là do có tám phẩm đạo Hiền thánh. Này Tu-bạt, nếu như Ta mà không đắc đạo Vô thượng chánh chơn, ấy là do

không có tám phẩm đạo Hiền thánh. Do có tám phẩm đạo Hiền thánh nên Ta mới thành Phật đạo. Cho nên, Tu-bạt, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu đạo Hiền thánh".

a. Nội dung tám chi phần của Bát Chánh đạo

Chánh kiến

Chánh kiến là nhận thức đúng đắn về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

Chánh kiến chính là nhận biết rõ Chánh kiến và tà kiến, Chánh tư duy và tà tư duy, Chánh ngữ và tà ngữ, Chánh nghiệp và tà nghiệp, Chánh mạng và tà mạng, Chánh tinh tấn và tà tinh tấn, Chánh niệm và tà niệm, Chánh định và tà định, Chánh giải thoát và tà giải thoát, Chánh trí và tà trí. Ngược lại, tà kiến là không nhận thức rõ Chánh kiến và tà kiến, Chánh tư duy và tà tư duy, Chánh ngữ và tà ngữ, Chánh nghiệp và tà nghiệp, Chánh mạng và tà mạng, Chánh tinh tấn và tà tinh tấn, Chánh niệm và tà niệm, Chánh định và tà định, Chánh giải thoát và tà giải thoát, Chánh trí và tà trí. Cho nên, trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*,

Đức Phật dạy: "Đây là bốn mươi đại pháp mà không một ai có thể chế ngự, bài xích, phỉ bác".

Lại nữa, Chánh kiến gồm Chánh kiến thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Ý nghĩa Chánh kiến của ba giai đoạn này, người viết đã trình bày ở phần thị chuyển, khuyến chuyển và chứng chuyển.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu-hi-la*, số 29, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Đại Câu-hi-la:

"Này Hiền giả Đại Câu-hi-la, có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó mà Tỳ-kheo thành tựu kiến, được Chánh kiến?

Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời rằng: "Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết bất thiện và biết căn của bất thiện. Đó là có Tỳ-kheo biết thiện và biết căn của thiện.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được Chánh kiến.

Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo".

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, phẩm Hữu Vô, kinh số 10, Đức Phật dạy: "Có hai nhân duyên khởi lên Chánh kiến. Những gì là hai? Nhận pháp giáo hóa, bên trong tư duy chỉ quán. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai nhân duyên khởi lên Chánh kiến".

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu-Hy-La*, số 211, Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời Tôn giả Xá-lợi-phất: "Có hai nhân duyên sanh Chánh kiến. Những gì là hai? Một là duyên từ người khác, hai là nội tâm tư duy. Đó là có hai nhân duyên sanh Chánh kiến".

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Phù-di*, số 173, Đức Phật dạy:

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn Chánh kiến, Chánh kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh nên tất sẽ chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì tất sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh là đúng đường lối".

Trong *Trung Bộ Kinh*, kinh *Phù-di*, số 126, Đức Thế Tôn dạy:

"Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì cớ sao? Đây là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị".

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh kiến như sau: "Thế nào là Chánh kiến? Chánh kiến có hai: Chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh kiến vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Nếu người nào thấy có bố thí… cho đến biết thế gian có A-la-hán… Đó là Chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện. Thế nào

là Chánh kiến vô lậu của bậc Thánh, không thủ, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu, quán sát tỏ ngộ. Đó gọi là Chánh kiến vô lậu, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ".

Chánh tư duy

Chánh tư duy là tư duy, chiêm nghiệm đúng đắn về Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế và Đạo Thánh đế. Chánh tư duy gồm có Chánh tư duy hữu lậu và Chánh tư duy vô lậu. Do đó, nếu Chánh kiến hữu lậu sinh khởi thì sẽ dẫn sinh Chánh tư duy hữu lậu. Còn nếu Chánh kiến vô lậu sinh khởi thì sẽ dẫn sinh Chánh tư duy vô lậu.

Thế nên trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh tư duy như sau:

"Thế nào là Chánh tư duy? Chánh tư duy có hai loại: Chánh tư duy hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh tư duy vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh tư duy hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Chánh tư duy về xuất yếu, vô nhuế, bất hại. Đó gọi là Chánh tư duy thuộc về hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là Chánh tư duy vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ưng với tư duy vô lậu. Đó gọi là Chánh tư duy vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ".

Chánh ngữ

Chánh ngữ là lời nói đúng đắn với sự thật của Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

Chánh ngữ là không nói dối, không nói thêm thắt (thêu dệt), không nói lời ly gián (hai lưỡi), không nói lời thô ác.

Nếu chúng ta an trụ trong Chánh kiến và Chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh Chánh ngữ. Còn nếu chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà ngữ.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh ngữ như sau:

"Thế nào là Chánh ngữ? Chánh ngữ có hai loại: Chánh ngữ hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh ngữ hữu lậu, hướng đến đường lành? Lời nói đúng, xa lìa lời nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời nói thêu dệt. Đó là Chánh ngữ hữu lậu, hướng đến đường lành.

Thế nào là Chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu, viễn ly, không dính trước. Đó gọi là Chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ".

Chánh nghiệp

Chánh nghiệp là hành động đúng đắn. Đó là hành động không sát sanh, không trộm cắp và không tà dâm.

Nếu chúng ta an trụ trong Chánh kiến và Chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh Chánh nghiệp. Còn nếu chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà nghiệp.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh nghiệp như sau:

"Thế nào là Chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai loại: Chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Xa lìa sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đó gọi là Chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là Chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng vô lậu, viễn ly, không dính trước. Đó gọi là Chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ".

Chánh mạng

Chánh mạng nghĩa là sống, hay nuôi dưỡng sinh mạng một cách đúng đắn, hợp lý, tức những phương tiện mưu sinh, nghề nghiệp chân chánh, không sống bằng những nghề phi pháp.

Chánh mạng là nuôi dưỡng sinh mạng đúng đắn bằng đoàn thực, xúc thực, ý tư thực, thức thực, cũng như sử dụng y phục, trú xứ, dược liệu trị bệnh đúng đắn, hợp lý. Hoặc đời sống thiểu dục, tri túc. Thiểu dục là ít ham muốn đối với tiền tài, sắc dục, danh lợi, thực (ăn uống), thùy (ngủ nghỉ); tri túc là biết đủ với những nhu yếu của đời sống. Hoặc nuôi dưỡng sinh mạng bằng giới, định, tuệ hữu lậu và giới, định, tuệ vô lậu, chứ không nuôi dưỡng sinh mạng bằng các dục hay ép xác khổ hạnh.

Theo Luận *Thành Duy Thức* giải thích bốn loại thức ăn:

- Đoàn thực, đặc tính của nó là biến hoại. Đó là ba thứ hương, vị, xúc trong Dục giới hệ. Khi biến hoại chúng được dùng làm thức ăn.

- Xúc thực, mà đặc tính là xúc chạm đối tượng. Xúc hữu lậu, khi tiếp thu đối tượng, làm phát sinh hỷ các thứ, bấy giờ nó trở thành thức ăn. Xúc này tương ưng với tất cả các thức. Theo *Câu-xá luận*: "Xúc phát sinh từ tổ hợp ba". Theo bài viết "Thức ăn để tồn tại" của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ: "Thức ăn do tiếp xúc, do xúc chạm. Hình thái của xúc là tiếp xúc ngoại cảnh, tức căn và cảnh tiếp xúc nhau ngay khi đó nhận thức khởi lên. Căn, cảnh, thức, ba thứ này hòa hiệp thành tổ hợp xúc. Xúc trong căn, cảnh, thức mới là xúc thực".
- Ý tư thực, có đặc tính là hy vọng. Đó là tư hữu lậu, cùng vận hành với dục. Khi nó hy vọng đối tượng khả ái, bấy giờ nó trở thành thức ăn. Tư này tuy tương ưng với tất cả thức, nhưng đặc biệt khi liên hệ với ý thức nó mới trở thành thức ăn. Theo *Câu-xá luận*: Tư thực là ý nghiệp.
- Thức thực, có đặc tính là chấp trì. Đó là thức hữu lậu. Theo chú thích 190 trong luận

Thành Duy Thức: "Thức thực, do lực chấp trì của thức A-lại-da mà thân tồn tại".

Nếu chúng ta an trụ trong Chánh kiến và Chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh Chánh mạng. Còn nếu chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà mạng.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh mạng như sau:

"Thế nào là Chánh mạng? Chánh mạng có hai loại: có loại Chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Tìm cầu y, thực, ngọa cụ, thuốc thang theo bệnh đúng như pháp, chứ không phải không như pháp. Đó gọi là Chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là Chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế;

tâm tương ưng vô lậu. Đó gọi là Chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ".

Chánh tinh tấn

Chánh tinh tấn là sự nỗ lực đúng đắn. Nó được biểu hiện qua bốn phạm trù (Tứ Chánh cần):

Nỗ lực đoạn trừ những điều ác đã sinh, khiến cho chúng vĩnh viễn bị đoạn trừ.

Nỗ lực làm cho những điều ác chưa sinh khởi, khiến cho chúng không thể sinh khởi.

Nỗ lực phát triển những điều thiện chưa sinh, khiến cho chúng sinh khởi.

Nỗ lực làm cho những điều thiện đã sinh, khiến cho chúng được tăng trưởng.

Nếu chúng ta an trụ trong Chánh kiến và Chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh Chánh tinh tấn. Còn nếu chúng ta sống tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh ra sự giải đãi, tức tăng trưởng bất thiện.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh tinh tấn như sau:

"Thế nào là Chánh tinh tấn? Chánh tinh tấn có hai loại: Chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; có Chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Tinh tấn, xác lập vững chắc thường không ngừng nghỉ. Đó gọi là Chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là Chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu, thường không ngừng nghỉ. Đó gọi là Chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ".

Chánh niệm

Chánh niệm là sự nhớ nghĩ đúng đắn.

"Chánh niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm hơi thở, niệm thân vô thường, niệm chết, niệm Niết-bàn" (Kinh *Tăng Nhất A-hàm,* phẩm Một pháp).

Luận Thành Duy Thức giải thích về niệm, định và tuệ như sau:

"Niệm là gì? Tự tính của nó là sự nhớ rõ không quên mất của tâm đối với cảnh đã quen thuộc. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho định. Tức là thường xuyên ghi nhớ cảnh đã từng được tiếp nhận không để cho quên mất, có thể dẫn đến định. Đối với cảnh mà thể và loại của nó chưa hề được tiếp nhận, niệm hoàn toàn không phát khởi. Giả sử đối tượng đã từng được tiếp nhận nhưng không được ghi nhận rõ ràng, niệm cũng không phát sinh.

Định là gì? Tự tính của nó là khiến cho tâm chuyên chú trên đối tượng được quan sát mà không phân tán. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho trí.

Tuệ là gì? Tính giản trạch đối với đối tượng được quan sát. Nghiệp dụng của nó là đoạn trừ nghi".

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật dạy về Chánh niệm như sau:

"Thế nào là Chánh niệm? Chánh niệm có hai loại: Chánh niệm hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện;

Chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh niệm hữu lậu, hướng đến đường lành? Hoặc niệm, hoặc tùy niệm, không quên lãng. Đó gọi là Chánh niệm hữu lậu, hướng đến đường lành.

Thế nào là Chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu. Đó gọi là Chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ".

Chánh định

Chánh định là sự an trú tâm vào một đối tượng thuần nhất, không dao động.

Theo luận *Thành Duy Thức:* "Định là gì? Tự tính của nó là khiến cho tâm chuyên chú trên đối tượng được quán sát mà không phân tán. Nghiệp dụng của nó là sở y cho trí".

Vì vậy, bất cứ loại định nào được dẫn sinh từ Chánh kiến và Chánh tư duy thì loại định đó mới

gọi là Chánh định. Vì chính nó (Chánh định) mới có khả năng điều phục, đoạn trừ được Khổ đế – Tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật. Còn bất cứ loại định nào được dẫn sinh từ tà kiến và tà tư duy thì loại định đó gọi là tà định. Bởi vì chính nó không thể đoạn trừ được Khổ đế – Tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên và Tứ Thánh quả.

Lại nữa, Chánh định gồm hai loại: Chánh định thuộc về hữu lậu và Chánh định thuộc về vô lậu.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh định như sau:

"Thế nào là Chánh định? Chánh định có hai loại: Chánh định hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh định vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh định hữu lậu, hướng đến đường lành? Tâm trụ không loạn, không động, nhất tâm. Đó gọi là Chánh định hữu lậu, hướng đến đường lành?

Thế nào là Chánh định vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ưng với tư duy vô lậu, an trụ không tán loạn, nhất tâm. Đó gọi là Chánh định vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ".

b. Tu tập Bát Chánh đạo

Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu

Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là chúng ta sống trong Chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả các học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm hữu lậu thuộc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích đạt được Kiến đạo, tức bước tới tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Khi chúng ta chú tâm vào nơi các công việc như quét nhà, nấu ăn, rửa chén bát, làm vườn,… thì sẽ nhận thấy tâm tập khởi thiện ác hỗn tạp dẫn sinh qua lời nói của miệng và hành động của thân (tam nghiệp). Bởi vì đối tượng chú tâm luôn thay

đổi nên định tâm sẽ không được chuyên chú vào một đối tượng duy nhất. Nhiều lúc, chúng ta sẽ nhận thấy tâm bất thiện sinh khởi nhiều hơn tâm thiện. Tùy thuộc vào tâm thiện và bất thiện ấy để hình thành nên nhân cách đạo đức của mỗi con người (nhân tính) trong đời sống hiện tại. Cho nên, chúng ta cần phải chọn một phương pháp để thực tập định tâm. Nhờ đó, thiện tâm mới được tăng trưởng để thành tựu thiện pháp của nhân tính cho đến thiên tính.

Để có được định tâm thì chúng ta cần phải chọn cho mình một phương pháp để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, một vị Bồ-tát, một câu thần chú. Rồi sau đó, chúng ta cần phải ứng dụng phương pháp ấy vào trong đời sống để tu tập thì mới có thể điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn. Do đó, việc đoạn trừ tham, sân và si đối với năm thủ uẩn chính là nhờ Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến, chứ không phải là hơi thở, hoặc danh hiệu của Đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc một câu thần chú. Vì vậy, chúng ta

là những người tu tập thì nhất định phải hiểu rõ được ý nghĩa này.

Bởi vì Chánh niệm và Chánh định thuộc về nhóm định nên chúng sẽ có chung đối tượng duy nhất là pháp môn đã chọn, còn đối tượng của tuệ là tri nhận tất cả các pháp xảy ra làm sở duyên cho nó. Vả lại, Chánh định và Chánh tuệ được ví như ngọn đèn và ánh sáng, ngọn đèn ví cho định, còn ánh sáng ví cho tuệ.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì Chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm và Chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ vậy, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành, thức (năm thủ uẩn) nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi chúng ta thực tập Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt của Chánh tinh tấn và Chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của Chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức Chánh niệm, Chánh định, Chánh kiến và Chánh tư duy. Trong Bát Chánh đạo: Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng*, *Trung Bộ I*, số *44)*. Nghĩa là, trong Bát Chánh đạo thì năm chi là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc về tâm và phân làm hai nhóm: nhóm định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và nhóm tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy); ba chi còn lại là Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc về thân và khẩu được gom chung làm nhóm giới. Cho nên, khi chúng ta an trụ trong định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nơi

hơi thở vào ra nên sẽ dẫn sinh giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Như vậy, chúng ta tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nghĩa là tâm luôn an trụ trong định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ hữu lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu

Để tu tập Bát Chánh đạo vô lậu thì chúng ta phải Kiến đạo tức là cần phải lãnh hội Chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu. Muốn chứng nghiệm được chân lý đó, chúng ta cần phải nỗ lực tu tập để lãnh hội, chứ không thể dừng lại ở trên mặt nhận thức, tư duy thuộc về khái niệm.

Chúng ta biết rằng, sáu căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn) là gốc của sinh tử (tâm hữu lậu), nhưng cũng chính ngay nơi sáu căn để lãnh hội tâm vô lậu.

Thế nào là tâm hữu lậu (hay vọng tâm) và tâm vô lậu (hay chân tâm) ở nơi sáu căn? Khi nhãn căn

của chúng ta nhìn thấy các sắc pháp như ngôi nhà, đám mây, bầu trời xanh, dòng sông, mọi người đi lại… mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, thì đây chính là cái thấy của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nhìn thấy các cảnh vật đó, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi nhĩ căn của chúng ta nghe các âm thanh như tiếng chim hót, tiếng chuông ngân… mà trong cái nghe chỉ là cái nghe, thì đây chính là cái nghe của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nghe các âm thanh đó, mà tâm hữu lậu tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi tỷ căn của chúng ta ngửi các hương trần như trầm hương, hương của các loài hoa… mà trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, thì đây chính là cái ngửi của tâm vô lậu. Hoặc khi ta ngửi các mùi hương đó, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi thiệt căn của chúng ta tiếp xúc với các vị trần như chua, cay, mặn, đắng… mà trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, thì đây chính là cái nếm vị của tâm vô lậu.

Hoặc khi chúng ta nếm các vị trần đó, mà tâm hữu lậu tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi thân căn của chúng ta tiếp xúc với các xúc trần như trơn, nhám, cứng, mềm, lạnh, nóng… mà trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, thì đây chính là cái xúc chạm của tâm vô lậu. Hoặc khi ta xúc chạm các xúc trần ấy, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tạp niệm chỉ là tạp niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nhắm mắt lại, tâm hữu lậu tập khởi suy tư, phân biệt, nhớ nghĩ về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị và xúc, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu.

Nghĩa của Kiến đạo tuy chỉ có một nghĩa nhưng tuỳ theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận để có sự quy ước tên gọi khác nhau. Ví như trong giáo lý Tứ Thánh đế gọi là *Kiến đế*. Trong pháp mười hai nhân duyên gọi là *minh*. Trong kinh *Vô Tri* gọi là *như thật tri*. Trong kinh *Vô Minh* gọi là *minh*. Trong kinh *Bahiya* gọi là *trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái*

nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết. Trong kinh *Lăng Nghiêm* gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong *Bát-nhã Tâm Kinh* và trong kinh *Kim Cang* gọi là *trí vô lậu (Bát-nhã)*. Theo luận *Thành Duy Thức* gọi là *trí vô phân biệt.*

Tiếp theo ý nghĩa trên, trong *Trung A-hàm,* kinh số *30,* Đức Phật dạy: "Ai thấy được duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được duyên khởi". Ý nghĩa của "thấy được pháp" ở đây là chỉ cho Kiến đạo.

Nghĩa của Kiến đạo cũng được mô tả qua các bài kệ truyền pháp của các Tổ sư như sau:

Tổ Bà-tu-bàn-đầu truyền lại cho tổ Ma-noa-la:

Tâm theo muôn cảnh chuyển,
Chỗ chuyển thật kín sâu,
Theo dòng nhận được tánh,
Không mừng cũng không lo.

(Hoà thượng Thích Thanh Từ dịch)

Tổ Sư-tử truyền lại cho tổ Bà-xá-tư-đa:

Thánh nhân nói tri kiến,
Ngay cảnh không phải quấy,
Nay ta ngộ tánh ấy,
Không đạo cũng không lý

(Hoà thượng Thích Thanh Từ dịch)

Nghĩa của Kiến đạo cũng được diễn tả thông qua các công án của các bậc Thánh nhân như sau:

Ngài Triệu Châu bèn chỉ lửa hỏi vị thị giả rằng:

- Này con! Đây là lửa nhưng con không được gọi là lửa, thầy đã dạy cho con xong rồi vậy.

Vị thị giả không hiểu được.

Ngài Triệu Châu đến gắp lửa lên liền hỏi:

- Con có hội chăng?

Vị thị giả thưa:

- Dạ, con chẳng lãnh hội.

Hoà thượng Thường Quán hỏi một vị thầy:

- Thầy từ đâu đến?

Vị thầy thưa:

- Con từ trang trại đến.

Hoà thượng hỏi:

- Thầy có thấy trâu không?

Vị thầy thưa:

- Bạch Hoà thượng con có thấy.

Hoà thượng hỏi:

- Con thấy sừng bên trái hay sừng bên phải?

Vị thầy không đáp được. Hoà thượng Thường Quán liền nói:

- Này con! Cái thấy không phải trái.

Khi hành giả Kiến đạo tức lãnh hội được Chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Chính tâm vô lậu (hay chân tâm) là định – tuệ đồng thời. Tâm này thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy có trí tuệ nhận biết được tâm thường rỗng lặng, cũng như các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v. gọi là tuệ. Trong Bát Chánh đạo: Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh

mạng thuộc nhóm giới (thiện); Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định. Vì thế, khi các bậc Thánh giả an trụ trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến và Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Do đó, các bậc Thánh giả tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu nghĩa là các ngài sống trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các ngài vẫn chưa sống được hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Chỉ có những bậc Thánh Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên

các ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng).

Tu tập Bát Chánh đạo chính là tu tập giới – định – tuệ

Trong Bát Chánh đạo: Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ (quán); Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện); Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định (chỉ) (*Tiểu Kinh Phương Quảng*, *Trung Bộ I*, số *44)*.

Như vậy, chúng ta tu tập Bát Chánh đạo chính là tu tập giới – định – tuệ. Cũng vậy, chúng ta tu tập giới – định – tuệ nghĩa là tu tập Bát Chánh đạo. Giới – định – tuệ gồm giới – định – tuệ hữu lậu và giới – định – tuệ vô lậu.

Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu

Để tu tập giới – định – tuệ hữu lậu thì chúng ta phải chọn một phương pháp để tu tập như phương

pháp niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu một Đức Phật, một vị Bồ-tát, một câu thần chú, v.v. Rồi từ đó, chúng ta cần phải thực tập phương pháp ấy trong đời sống hằng ngày mỗi khi đi, đứng, nói năng hay im lặng.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì Chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm và Chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ đó, chúng ta mới có thể điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành, thức (tức năm thủ uẩn) nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi thực tập Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt của Chánh tinh tấn và Chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của Chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và

si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức Chánh niệm, Chánh định, Chánh kiến và Chánh tư duy. Trong Bát Chánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng thuộc nhóm giới; Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng*, *Trung Bộ I*, số *44)*. Cho nên, khi chúng ta an trụ trong định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Đây chính là giới – định – tuệ hữu lậu.

Nhờ chúng ta thực tập Chánh định và Chánh tuệ nơi hơi thở vào ra được thuần thục nên đạt được các tầng định tâm như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền. Sơ thiền gồm có năm chi là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Nhị thiền gồm có ba chi là hỷ, lạc và nhất tâm. Tam thiền gồm có hai chi là lạc và nhất tâm. Tứ thiền chỉ có một chi là nhất tâm và tương ưng với xả thọ. Có nghĩa là, hành giả an trụ trong định và tuệ hữu lậu tương ưng với các

cõi trời thuộc về Sắc giới. Như ba cõi trời thuộc Sơ thiền là Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại phạm thiên; ba cõi trời thuộc Nhị thiền là Thiểu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Quang âm thiên; ba cõi trời thuộc Tam thiền là Thiểu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên; bốn cõi trời thuộc Tứ thiền là Vô văn thiên, Phúc sinh thiên, Quảng quả thiên, Vô tưởng thiên. Rồi từ đó, chúng ta an trụ trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và Chánh tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy) như vậy nên sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Đây cũng chính là giới – định – tuệ hữu lậu.

Bởi vì giới – định – tuệ hữu lậu không thể đoạn trừ Khổ đế – Tập đế để đạt được các Thánh quả, nên có những vị tuy tu tập đạt được các tầng thiền định như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền nhưng rồi sau đó vẫn dẫn đến việc phải xả giới và từ bỏ đời sống tu tập của người xuất gia. Chính ý nghĩa này nên trong kinh Đức Phật dạy như sau:

"Này chư Hiền, hoặc có một người vừa được Sơ thiền; được Sơ thiền rồi, người ấy liền an trú chứ

không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy, sau đó thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có một người được Nhị thiền; được Nhị thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì sanh tâm tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi liền xả giới bỏ đạo.

Này chư Hiền, lại nữa, hoặc có một người được Tam thiền; được Tam thiền rồi, người ấy liền an

trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có một người được Tứ thiền; được Tứ thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo".

(Trích *Trung A-hàm*, kinh *Chi-ly-di-lê*,
số 82, Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch).

Bởi ý nghĩa đó nên trong kinh *Ngũ Hạ Phần Kết* Đức Phật dạy: "Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo phan duyên vào sự yểm ly, y trên sự yểm ly, an trụ nơi yểm ly, do làm an tịnh thân ác, do tâm nhập ly định, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó, tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

Rồi vị ấy giác quán tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ với Chánh niệm Chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói

là được Thánh xả, với niệm an trú lạc, chứng đắc Tam thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy diệt lạc, diệt khổ, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu ngại tưởng, không suy niệm đến bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng vô lượng không xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này

mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Nơi vị ấy nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, khổ, hoặc không lạc, không khổ, vị ấy quán sát cảm thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy quán thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau khi không còn

chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật 'Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'".

(Trung A-hàm, kinh *Ngũ Hạ Phần Kết,*
số 205, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch*)*

Theo ý nghĩa của bản kinh nêu trên, Đức Phật dạy: khi chúng ta tu tập đạt được định tâm của Sơ thiền, Nhị thiền… thì hãy an trụ trong các định tâm ấy để quán sát cảm thọ là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả để kiến đạo tức lãnh hội Chánh kiến vô lậu. Từ đó, chúng ta an trụ trong Chánh kiến vô lậu tu tập để hướng đến quả Tư-đà-hàm và đạt được quả Tư-đà-hàm; hướng đến quả A-na-hàm và đạt được quả A-na-hàm; hướng đến quả A-la-hán và đạt được quả A-la-hán (chứng đắc lậu tận).

Vì thế, chúng ta tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nghĩa là tâm luôn an trụ trong định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ hữu lậu (Chánh kiến,

Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Vì vậy, nếu y cứ vào ý nghĩa của Bát Chánh đạo thì chúng ta sẽ khẳng định rằng: Chính tâm an trú trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và Chánh tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Hay nói cách khác, do chúng ta sống trong định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nhận thức được những điều thiện (y vào các giới học) và những điều bất thiện (trái với các giới học) nên mới dẫn sinh đến việc giữ giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Như vậy, từ nơi định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Chứ không phải từ nơi giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng) để dẫn sinh ra Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và Chánh tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy). Cho nên, Trong

Trung A-hàm, kinh *Ngũ Chi Vật Chủ*, số 179, Đức Thế Tôn đã dạy: "Này Vật chủ, thế nào gọi là giới thiện? Thân hành thiện, miệng, ý hành thiện. Đó gọi là giới thiện.

Giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Tâm là thế nào? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ tâm này".

Bởi vì giới – định – tuệ hữu lậu không thể đoạn trừ được Khổ đế – Tập đế để đạt được Diệt Thánh đế cho nên chúng ta phải tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Chỉ có giới – định – tuệ vô lậu mới đoạn trừ được Khổ đế – Tập đế để đạt được Tứ Thánh quả. Vì vậy, trong *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Chi Vật Chủ*, Đức Phật dạy: "Này Vật chủ, giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nếu Đa văn Thánh đệ tử hành trì giới mà không dính trước nơi giới, đây là giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật giới thiện, biết đúng như thật giới thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật giới thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới thiện.

Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm thiện, biết đúng như thật niệm thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm thiện".

Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu

Các bậc Thánh nhân an trụ trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến và Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các ngài vẫn chưa sống được hoàn

toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Chỉ có những bậc Thánh Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Cho nên, trong *Trung A-hàm,* kinh *Thánh Đạo, số 189,* Đức Phật dạy: "Bậc Thánh Hữu học thành tựu tám chi phần Bát Chánh đạo; còn bậc Thánh Vô học thành tựu mười chi, thêm hai chi nữa là Chánh giải thoát và Chánh trí".

Với ý nghĩa đó nên chúng ta hiểu rằng tâm vô lậu của các bậc Thánh A-la-hán không chỉ thành tựu mười chi vô lậu mà còn thành tựu Lục độ Ba-la-mật, hoặc Thập độ Ba-la-mật. Cho nên, trong *Tăng Nhất A-hàm*: "Tôn giả Ca-diếp hỏi Tôn giả A-nan: Trong bài kệ nào mà xuất sinh 37 phẩm và các pháp?

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền nói bài kệ:

Chớ làm các điều ác,
Vâng làm các điều thiện.
Tự thanh tịnh tâm ý,
Là lời chư Phật dạy.

Thế nào, A-nan? Chỉ có *Tăng Nhất A-hàm* mới xuất sinh 37 phẩm và các pháp, hay là bốn bộ *A-hàm* khác cũng xuất sinh?

Tôn giả A-nan đáp: Trong bài kệ này đã thâu tóm đầy đủ giáo nghĩa của chư Phật, Thanh Văn, Bích Chi Phật và giáo nghĩa của bốn bộ *A-hàm*". (Kinh *Tăng Nhất A-hàm*, phẩm Tựa, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

c. Tu tập Bát Chánh đạo liên hệ với sự tu tập Tứ vô lượng tâm

Tứ vô lượng tâm là tâm từ vô lượng, tâm bi vô lượng, tâm hỷ vô lượng và tâm xả vô lượng.

Tâm từ vô lượng

Chúng ta an trụ trong định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ hữu lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) để nhận biết Khổ đế

– Tập đế của chính mình và tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển trong vòng sinh tử khổ đau trong các giới loại nên dẫn sinh tâm từ.

Cũng vậy, các bậc thánh nhân an trụ trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) để quán sát Khổ đế – Tập đế của tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển trong vòng sinh tử khổ đau trong các giới loại nên dẫn sinh tâm từ vô lượng.

Tâm bi vô lượng

Chúng ta an trụ trong định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ hữu lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) để quán sát Khổ đế – Tập đế của chính mình và tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển trong sinh tử khổ đau trong các giới loại nên dẫn sinh tâm từ. Từ nơi tâm từ sẽ dẫn sinh tâm bi, đó là tâm nguyện muốn cứu giúp mọi người. Tâm bi ấy được biểu hiện cụ thể qua Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc hữu lậu.

Cũng vậy, các bậc thánh nhân an trụ trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định)

và tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) để quán sát Khổ đế – Tập đế của tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại nên dẫn sinh tâm từ vô lượng. Bởi vì từ nơi tâm từ vô lượng nên dẫn sinh tâm bi vô lượng, đó chính là tâm nguyện muốn cứu giúp tất cả chúng sinh. Tâm bi ấy được biểu hiện cụ thể qua hành động của Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc vô lậu. Có nghĩa là, các ngài đã dùng tài thí và pháp thí (thuyết pháp) để dạy dỗ cho tất cả chúng sinh biết tu tập tất cả thiện pháp.

Chính ý nghĩa đó nên những bậc A-la-hán, các bậc đại Bồ-tát và Đức Thế Tôn đều từ trong định vô lậu và tuệ vô lậu để nguyện lực sinh thân trong ba cõi nhằm giáo hoá chúng sinh với những phương tiện như tài thí và pháp thí.

Tâm hỷ vô lượng

Nhờ chúng ta an trụ trong định hữu lậu và tuệ hữu lậu nên dẫn sinh hỷ thọ và lạc thọ. Từ đó, chúng ta mới vui thích, hoan hỷ trước tất cả nhân thiện và quả lành của mọi người.

Cũng vậy, các bậc thánh nhân an trụ trong định vô lậu và tuệ vô lậu nên dẫn sinh hỷ thọ và lạc thọ thuộc về vô lậu. Cho nên, các ngài luôn hoan hỷ khi thấy tất cả chúng sinh biết tu tập các thiện pháp và thọ quả lành.

Tâm xả vô lượng

Theo luận *Thành Duy Thức:* "Hành xả là gì? Đó là tinh tấn cùng với ba thiện căn".

Nhờ chúng ta an trụ trong định hữu lậu và tuệ hữu lậu nên mới điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn.

Cũng vậy, bậc Thánh Tu-đà-hoàn đã xả ly được thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Bậc Thánh Tư-đà-hàm đã làm mỏng, giảm tham, sân và si câu sinh đối với năm thủ uẩn. Bậc Thánh A-na-hàm đã xả ly được năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới). Bậc Thánh A-la-hán đã xả ly hoàn toàn Khổ đế – Tập đế (chấp ngã). Duy chỉ có Đức Thế Tôn mới xả ly hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng)

nên Ngài đã thành tựu viên mãn tâm đại từ, tâm đại bi, tâm đại hỷ và tâm đại xả.

d. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu liên hệ với sự thành tựu Tứ Thánh quả

Thánh quả Tu-đà-hoàn (Thất lai)

Nghĩa của Kiến đạo tuy chỉ có một nghĩa nhưng tuỳ theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận để có sự quy ước tên gọi khác nhau. Ví như trong giáo lý Tứ Thánh đế gọi là *Kiến đạo* tức lãnh hội *Chánh kiến vô lậu*. Trong pháp mười hai nhân duyên gọi là *minh*. Trong kinh vô tri gọi là *như thật tri*. Trong kinh *Vô Minh* gọi là *minh*. Trong kinh *Bahiya* gọi là *trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*. Trong kinh *Lăng Nghiêm* gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong *Bát-nhã Tâm Kinh* và kinh *Kim Cang* gọi là *trí vô lậu (Bát-nhã)*. Theo luận *Thành Duy Thức* gọi là *trí vô phân biệt*.

Khi hành giả Kiến đạo tức lãnh hội được Chánh kiến vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc Thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai.

- Thân kiến là gì? Đó là cho rằng sắc, thọ, tưởng, hành và thức là tự ngã và tự ngã chính là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Lê-tê-đạt-đa, số 570*, Tôn giả Lê-tê-đạt-đa dạy:

" - Thế nào là thân kiến?

Phàm phu ngu si không học thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thức khác ngã, thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Này Trưởng giả, đó gọi là thân kiến.

- Làm thế nào để không có thân kiến này?

Đa văn Thánh đệ tử chẳng thấy sắc là ngã, chẳng thấy sắc khác ngã, chẳng thấy sắc trong ngã, ngã trong sắc; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chẳng thấy thức khác ngã, chẳng thấy thức trong ngã, ngã trong thức; đó gọi là không có thân kiến."

Cũng vậy, Đức Phật dạy: "Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Này Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương có ngã, tất cả y trên năm thọ ấm này mà chủ trương có ngã. Những gì là năm? Các Sa-môn, Bà-la-môn, ở nơi sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau". (*Tạp A-hàm*, kinh *Phân Biệt*, số 54)

- Giới cấm thủ là gì? Đó là không phải nhân mà thấy là nhân; không phải đạo mà thấy là đạo. Đây gọi là giới cấm thủ. Ví như Đại Tự Tại Thiên, Sinh Chủ không phải là nhân của thế giới mà cho đó là nhân. Hoặc những hành vi như nhảy vào lửa, nhảy xuống sông… không phải là nguyên nhân để sinh lên cõi Thiên, mà cho đó là nguyên nhân để sinh Thiên. Hoặc cho rằng phải khổ hạnh, ép xác hành hạ thân thể để đền bù tội lỗi trong quá khứ và sau khi chết sẽ thọ quả báo ở chư Thiên… Đó gọi là giới cấm thủ.

- Nghi là gì? Đó là nghi Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới. Nhiều kinh chỉ ghi gọn là nghi Tứ Thánh đế.

Vì sao bậc thánh Sơ quả đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi? Bởi vì bậc thánh Sơ quả an trú trong Chánh kiến vô lậu nhận biết được như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn là pháp duyên sinh, vô thường, khổ và vô ngã nên đoạn trừ được thân kiến. Nhờ đó, bậc Thánh Tu-đà-hoàn nhận biết được như thật Khổ đế – Tập đế cần phải đoạn, diệt đế cần phải chứng và đạo đế cần phải tu tập nên đoạn trừ được Giới cấm thủ. Chính vì Chánh kiến vô lậu nhận biết được sự tập khởi của năm thủ uẩn thì đây là nhận biết được như thật Khổ đế và Tập đế. Còn tâm nhận biết được như thật về Khổ đế và Tập đế thì đây chính là Chánh kiến vô lậu tức Đạo đế vô lậu. Có nghĩa là, bậc Thánh Tu-đà-hoàn đã nhận biết như thật Khổ đế – Tập đế và chứng nghiệm Đạo đế vô lậu tu tập để đạt Diệt đế nên đoạn trừ được tâm nghi về giáo pháp Tứ Thánh đế. Bởi vì không còn nghi về giáo pháp Tứ Thánh đế nên bậc Thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả) sẽ không

còn nghi Phật, nghi Tăng và nghi Thánh giới. Cho nên, Đức Phật dạy: "Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đó gọi là, Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại Trời, Người, rồi cứu cánh biên tế khổ". (Trích *Tạp A-hàm*, kinh *Hồ Nghi Đoạn*, số 137)

Bậc Thánh Tu-đà-hoàn chỉ còn lại với thời gian tối đa bảy lần qua lại giữa các cõi Trời và cõi Người (trong Dục giới) tu tập để thành tựu quả vị A-la-hán. Vì thế, Đức Phật dạy: "Ta chưa từng thấy một người đệ tử của ta Kiến đế mà phải trải qua đến đời thứ tám". Như trong *Trung A-hàm*, kinh *Thủy Dụ*, Đức Phật dạy: "Ba kết đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến Chánh giác, đời sau thọ sanh tối đa bảy lần,

qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng; rồi chứng đắc biên tế của sự khổ".

Theo luận *Câu-xá*, trang 392, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, luận giải thích về ý nghĩa "Thất lai" của bậc thánh Sơ quả (Tu-đà-hoàn) như sau: "Ở đây chứng cứ nào nói mỗi thú bảy lần chứ không phải bảy lần trong cả hai. Trong khi kinh được đọc như vậy: "Bảy lần chư Thiên và loài người".

Các vị *Ẩm Quang Bộ* (tức Luận chủ đã dẫn *Ẩm Quang Bộ*) cũng đọc "bảy lần chư Thiên và loài người" như là "mỗi thú" riêng biệt". Ở đây không nên cố chấp.

Vị đắc quả dự lưu giữa loài người sẽ trở lại đây mà nhập Niết-bàn. Nếu đắc quả giữa chư thiên, cũng sẽ trở lại nơi ấy."

Trong *Tạp A-hàm*, *kinh số 398 – 399 – 401*, Đức Phật dạy:

"Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc Dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

'Như một cục bông gòn nhỏ hay cục bông kiếp-bối đặt ở ngã tư đường, khi bốn phương gió thổi, thì tùy theo chiều gió mà bông bay về một hướng. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này thường hay nhìn mặt người và thường hay nói theo người. Vì không biết như thật, nên nghe người khác nói, hướng theo lời nói đó mà thọ nhận, nên biết người này đời trước không tu tập trí tuệ.

Giống như cây trụ nhân-đà-la dùng đồng, thiếc làm nên, rồi đem cắm sâu xuống đất, dù bốn phương gió mạnh cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này không xem mặt người, không nói theo người; vì Sa-môn, Bà-la-môn này là người có trí tuệ vững chắc. Vì người này trước kia đã tùy tu tập nên không theo

lời nói của người. Cho nên các Tỳ-kheo đối với Tứ Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học'.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành", *(Kinh Nhân-đà-la-trụ,* số 398*)*

"Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc Dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

'Giống như trụ đá dài mười sáu khuỷu tay, được cắm sâu xuống đất tám khuỷu tay, dù bốn phương có gió thổi cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, Sa-môn, Bà-la-môn này có đến các chỗ luận nghị mà không thể bị khuất phục, tâm người này giải thoát, tuệ giải thoát, có thể khiến cho Sa-môn, Bà-la-môn khác ngược lại sanh ra lo khổ. Biết như thật, thấy như thật như vậy đều là do tập hành của đời trước nên khiến trí tuệ không thể khuynh động. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với

Tứ Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học'.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành". *(*Kinh *Luận Xứ, số 399)*

"Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc Dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

'Giống như có người sống lâu trăm tuổi, có người nói với người ấy rằng: 'Ông nếu muốn nghe pháp thì mỗi ngày ba thời phải chịu khổ: Sáng sớm chịu khổ của trăm mũi thương đâm vào; trưa, chiều lại cũng như vậy. Trong một ngày, chịu khổ ba trăm mũi thương đâm; như vậy ngày nào cũng tiếp tục cho đến trăm năm rồi sau đó nghe pháp, được hiện quán. Ông có thể chịu như vậy được không?' Bấy giờ, người này vì muốn nghe pháp nên có thể chịu đựng tất cả. Vì sao? Vì con người sanh ra ở thế gian luôn luôn chịu khổ ở trong ba đường ác, khi thì Địa ngục, khi thì Súc sanh, khi thì Ngạ quỷ, mà không cảm nhận các thứ khổ, cũng không nghe pháp. Cho nên nay vì muốn được hiện quán,

nên chẳng cho rằng cái khổ ba trăm mũi thương đâm vào người trọn đời là cái khổ lớn. Thế nên các Tỳ-kheo nếu đối với Tứ Thánh đế mà chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành". *(*Kinh *Bách Thương*, số 401*)*

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Xá-lợi-phất*, số 844, Ngài Xá-lợi-phất đã trả lời Đức Thế Tôn như sau:

"Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: 'Bảo là dòng; thế nào là dòng?'

Xá-lợi-phất bạch Phật: 'Bạch Thế Tôn, nói là dòng, đó là nói tám Thánh đạo.

Lại hỏi Xá-lợi-phất: 'Gọi là Nhập lưu phần, vậy thế nào là Nhập lưu phần?'

Xá-lợi-phất bạch Phật: 'Bạch Thế Tôn, có bốn thứ Nhập lưu phần. Những gì là bốn? Thân cận

thiện nam tử, nghe Chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp.'

Lại hỏi Xá-lợi-phất: 'Người Nhập lưu phải thành tựu bao nhiêu pháp?'

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: 'Có bốn phần để người Nhập lưu thành tựu. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới.'

Phật bảo Xá-lợi-phất: 'Như những gì thầy đã nói, dòng tức là tám Thánh đạo. Nhập lưu phần có bốn pháp là thân cận thiện nam tử, nghe Chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp. Người Nhập lưu thành tựu bốn pháp, là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới.'

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành".

Thánh quả Tư-đà-hàm (Nhất lai)

Bậc Thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham,

sân và si câu sinh đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn nên thành tựu quả vị Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Nghĩa là, khi bậc Thánh xả bỏ báo thân thì ngài sẽ sinh lên nơi các cõi Trời thuộc Dục giới. Sau khi xả bỏ báo thân ở nơi các cõi Trời đó, ngài sẽ sinh lại trong nhân gian để tiếp tục nỗ lực tu tập cho đến khi thành tựu quả vị A-la-hán.

Theo luận *Câu-xá*, trang 399, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, luận giải thích về ý nghĩa "Nhất lai" của bậc Thánh Nhị quả (Tư-đà-hàm) như sau: "Đây là đắc quả thứ hai, gọi là quả Nhất lai, vì sau khi sinh lên chư Thiên, rồi sinh trở lại nhân gian một lần duy nhất, sau đó không còn đời nào nữa. Kinh nói là làm mỏng tham, sân và si".

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Thủy Dụ*, Đức Phật dạy về bậc Thánh Tư-đà-hàm như sau:

"Thế nào là người ra rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn quanh rồi lội qua. Đó là người trỗi được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố không mất, trú trong thiện pháp.

Biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, ba kết liền dứt sạch. Đó là, thân kiến, giới thủ, nghi; ba kết đã dứt sạch. Dâm, nộ, si vơi mỏng. Còn phải một lần vãng lai trong nhân gian, thiên thượng. Sau khi qua lại một lần đó rồi liền diệt tận biên tế khổ. Đó là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Như người chìm trong nước, ngoi rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ năm của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy".

Thánh quả A-na-hàm (Bất lai)

Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ được năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc Thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Nghĩa là, khi bậc Thánh xả bỏ báo thân thì ngài sẽ sinh lên các cõi Trời thuộc Sắc giới như: Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên, Thiện hiện thiên, Thiện kiến thiên và Sắc cứu cánh thiên (thuộc tầng

thiền thứ tư trong Sắc giới). Ở nơi các cõi Trời đó, các ngài tiếp tục tu tập để đoạn trừ hoàn toàn Khổ đế – Tập đế nên thành tựu bậc Thánh A-la-hán.

Với ý nghĩa đó nên chúng ta hiểu rằng, bậc Thánh A-na-hàm sẽ đạt được định tâm thuộc Tứ thiền vô lậu, chứ không phải định hữu lậu.

Bậc Thánh Tu-đà-hoàn đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi thuộc phân biệt ngã chấp. Còn bậc Thánh A-na-hàm đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi thuộc câu sinh ngã chấp. Trong giai đoạn tu đạo của các bậc thánh giả: bậc Thánh Tu-đà-hoàn an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị Tư-đà-hàm, rồi thành tựu quả vị Tư-đà-hàm; bậc Thánh Tư-đà-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị A-na-hàm, rồi thành tựu quả vị A-na-hàm; bậc Thánh A-na-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị A-la-hán; trong các tiến trình ấy, các ngài chỉ đoạn trừ được phần nào chứ chưa đoạn trừ được hoàn toàn ngã chấp câu sinh.

Cho đến quả vị A-la-hán thì các ngài mới đoạn trừ hoàn toàn loại ngã chấp câu sinh này.

Mặt khác, loại ngã chấp câu sinh này luôn cùng tồn tại với chúng ta tức vốn sẵn có, mà không cần phải chịu ảnh hưởng sự huân tập của ngoại giáo. Cho nên, trong kinh *Ngũ Hạ Phần Kết*, Đức Phật dạy: "Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngủ, trong ý còn không có ý tưởng về dục tưởng, há lại có quấn chặt nơi dục chăng? Nhưng kết sử nằm trong bản tính của chúng nên nói là dục tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về chúng sanh còn không có, há lại có tâm bị quấn chặt nơi sân nhuế chăng? Nhưng do kết sử nằm trong bản tính của nó, nên nói là nhuế tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về tự thân còn không có, há lại có quấn chặt nơi thân chăng? Nhưng do kết sử ở nơi bản tính của nó nói là thân kiến tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về giới còn không có, há lại có tâm quấn chặt nơi giới chăng?

Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là giới thủ tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, ý tưởng về pháp còn không có, há lại có tâm quấn chặt nơi pháp chăng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là nghi tùy miên". *(Trung A-hàm,* kinh *Ngũ Hạ Phần Kết,* số 205, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Thiện Nhân Vãng*, số 6, Đức Phật dạy có bảy bậc Thánh Tam quả:

"Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ nhất, thế gian quả thực có người như vậy.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy; còn chút mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ hai, thế gian quả thực có người như vậy.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ

đi đến của bậc thiện nhân thứ ba, thế gian quả thực có người như vậy.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Sanh Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ tư, thế gian quả thực có người như vậy.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ năm, thế gian quả thực có người như vậy.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Vô hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ sáu, thế gian quả thực có người như vậy.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Thượng lưu A-ca-nị-trá Niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ bảy, thế gian quả thực có người như vậy".

Thánh quả A-la-hán (Vô học)

Bậc Thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn tận Khổ đế – Tập đế nên đạt được Niết-bàn, tức thành tựu quả vị A-la-hán.

Bởi vì, các bậc Thánh như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm chưa đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên thuộc hàng Hữu học. Còn bậc Thánh A-la-hán đã đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên thuộc hàng Vô học. Với sự thành tựu đó nên các ngài xứng đáng cho chư Thiên, loài người đảnh lễ và cúng dường.

Các bậc Thánh Hữu học chưa thành tựu được Tam minh. Những bậc Thánh Vô học mới thành tựu được Tam minh. Cho nên, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Vô Học Tam Minh*, số 871, Đức Phật dạy: "Bậc Vô học có ba minh. Những gì là ba? Túc mạng trí chứng thông của bậc Vô học, Sanh tử trí chứng thông của bậc Vô học, Lậu tận trí chứng thông của bậc Vô học.

Thế nào là Túc mạng chứng trí thông của bậc Vô học? Thánh đệ tử biết tất cả sự từ những đời trước.

Từ một đời đến trăm, ngàn, vạn, ức đời; cho đến số kiếp thành hoại rằng: 'Các đời sống trước của ta và chúng sanh, có những tên như vậy, sanh ra như vậy, dòng họ như vậy, ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ dài như vậy, sống lâu như vậy, chịu giới hạn như vậy. Ta và chúng sanh chết ở chỗ này, sanh ra chỗ khác; chết chỗ khác sanh ra chỗ này, có hành như vậy, nhân như vậy, tín như vậy.' Tất cả các việc đã trải qua trong đời sống trước đều biết rõ ràng. Đó gọi là Trí túc mạng chứng minh.

Thế nào là Sanh tử trí chứng minh? Thánh đệ tử, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt qua đối với mắt người, thấy các chúng sanh lúc chết, lúc sanh, đẹp, xấu, thượng sắc, hạ sắc, theo nghiệp mà thọ sanh vào đường ác. Biết như thật rằng như chúng sanh này thành tựu thân ác hành, thành tựu miệng, ý ác hành, hủy báng Thánh nhân, tà kiến, nhận lãnh tà pháp; do nhân duyên này sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường ác Địa ngục. Chúng sanh này do thành tựu thân thiện hành, thành tựu miệng, ý thiện hành, không hủy báng Thánh nhân, đã thành tựu Chánh kiến, nên sau

khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường Trời, Người. Đó gọi là Trí sanh tử chứng minh.

Thế nào là Lậu tận trí chứng minh? Thánh đệ tử biết như thật, 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo.' Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát Dục hữu lậu, tâm giải thoát Hữu hữu lậu, tâm giải thoát Vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, biết rằng, 'Ta, sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đó gọi là Lậu tận chứng trí minh".

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Sa-môn Pháp Sa-môn Quả,* số 765, Đức Phật dạy pháp và quả của Sa-môn:

"Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám chi Thánh đạo, từ Chánh kiến… cho đến Chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si còn mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả

A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não".

2. Tứ Niệm Xứ

Tạp A-hàm, kinh *Tứ Niệm Xứ*, số 575

"Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: 'Có bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là Niệm xứ quán thân trên thân; Niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp".

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành".

Tạp A-hàm, kinh *Tứ Niệm Xứ*, số 576

"Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

'Có bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, Niệm xứ quán thân trên thân; Niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.

Như vậy, Tỳ-kheo đối với bốn Niệm xứ này, tu tập đầy đủ, tinh cần phương tiện, Chánh niệm, Chánh tri, cần phải học'.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành".

***Tạp A-hàm*, kinh *Chánh Niệm*, số 580**

"Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

'Ta sẽ dạy về sự tu tập bốn Niệm xứ. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

Thế nào là tu bốn niệm xứ? Sống Chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, Chánh niệm, Chánh tri, điều phục lo buồn của thế gian. Sống quán ngoại thân, nội ngoại thân, tinh cần phương tiện, Chánh niệm, Chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian. Cũng vậy sống Chánh niệm quán thọ, tâm, pháp, nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, tinh cần phương tiện, Chánh niệm Chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian, đó gọi là Tỳ-kheo tu bốn Niệm xứ'.

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành".

Thời quá khứ, vị lai, tu bốn Niệm xứ cũng được thuyết như vậy.

a. Nội dung Tứ Niệm xứ:

Niệm thân

Thân ở đây là thân thể của chính mình. Thân thể này là do bốn đại tạo thành. Trong *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Chuyển*, Đức Phật dạy: "Pháp gì do bốn đại tạo thành gọi là sắc".

Niệm thọ

Thọ có ba loại: Khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ. Thọ của tiền ngũ thức, hoặc thọ của ý thức, hoặc thọ của thức thứ bảy và thọ của thức thứ tám. Thọ là thuộc về tâm sở. Tâm sở và tâm vương không tách rời nhau ví như mặt trời và ánh sáng, mặt trời ví cho tâm vương, còn ánh sáng ví cho tâm sở. Cho nên, khi thọ tập khởi chính là lúc tưởng, hành và thức cũng tập khởi, tức toàn bộ năm thủ uẩn đồng thời tập khởi. Vì thế, trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu-hy-la*, số 211,

Tôn giả Đại Câu-hy-la dạy thọ, tưởng và tư hợp nhất không riêng biệt:

"Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt".

Niệm tâm

Tâm ở đây là chỉ cho các tâm vương và tâm sở. Duy Thức học cho rằng có 8 thức tâm vương và 51 tâm sở (thiện tâm sở và bất thiện tâm sở).

Niệm pháp

Pháp ở đây gồm sắc pháp và tâm pháp. Sắc pháp gồm nội sắc và ngoại sắc. Nội sắc là bốn đại bên trong thuộc thân thể của mỗi chúng ta và ngoại sắc chính là sắc, thanh, hương, vị và xúc. Theo *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Chuyển*, Đức Phật dạy: "Pháp gì do bốn đại tạo thành gọi là sắc". Như vậy, sắc pháp là pháp do bốn đại tạo thành. Còn tâm pháp chính là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Vì vậy, nội thân, nội thọ, nội tâm và nội pháp chính là năm thủ uẩn của chính mình (Khổ đế – Tập đế). Còn ngoại thân, ngoại thọ, ngoại tâm và ngoại pháp chính là năm thủ uẩn của tất cả chúng sinh hữu tình (Khổ đế – Tập đế).

Trong các kinh *Tứ Niệm Xứ* có các từ như "niệm", "quán", "biết", "Chánh tri" về thân, thọ, tâm và pháp, đây chính là Chánh niệm và Chánh kiến trong Bát Chánh đạo. Lại nữa, Bát Chánh đạo gồm Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu. Theo *Tăng Nhất A-hàm*, phẩm 30, kinh số 1, Đức Phật dạy: "Vô lậu là Niết-bàn".

Như vậy, ý nghĩa của niệm thân, niệm thọ, niệm tâm và niệm pháp bao gồm ý nghĩa của Tứ Thánh đế. Bởi vì thân, thọ, tâm và pháp chính là năm thủ uẩn nên thuộc Khổ đế và Tập đế. Còn các từ như "niệm", "quán", "biết", "Chánh tri" ở đây chính là ý nghĩa của Bát Chánh đạo. Bát Chánh đạo gồm Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu. Trong đó, Bát Chánh đạo vô lậu chính là Niết-bàn. Tuy nhiên, những bậc Thánh thuộc hàng Hữu học vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn

chấp ngã (phiền não chướng) nên chưa đạt được Niết-bàn. Chỉ có những bậc Thánh thuộc hàng Vô học đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các ngài mới đạt được Niết-bàn.

b. Tu tập Tứ Niệm xứ:

Với ý nghĩa đó nên Đức Phật dạy: chúng ta cần phải tu tập Bát Chánh đạo để quán sát nội thân, nội thọ, nội tâm, nội pháp (Khổ đế – Tập đế) của chính mình và ngoại thân, ngoại thọ, ngoại tâm, ngoại pháp (Khổ đế – Tập đế) của tất cả chúng sinh, cũng như các đối tượng thuộc về sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nhờ đó, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ được thân, thọ, tâm và pháp, tức Khổ đế – Tập đế của chính mình. Với ý nghĩa tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu và tu tập Bát Chánh đạo vô lậu, người viết đã chia sẻ ở phần tu tập Bát Chánh đạo.

Trung A-hàm, trích kinh *Niệm Thân*, số 81, Đức Phật dạy:

"Tỳ-kheo tu tập niệm thân như thế nào? Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đang đi, đứng thì biết mình đang đứng, ngồi thì biết mình đang ngồi,

nằm thì biết mình đang nằm, ngủ thì biết mình đang ngủ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạ của tâm và được định tâm. Khi được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo tỉnh giác khi vào, khi ra, khéo phân biệt khi nhìn, khi co, lúc duỗi, khi cúi, lúc ngước; nghi dung chững chạc, khoác y Tăng-già-lê ngay ngắn, ôm bát chỉnh tề; đi đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng, đều biết rõ như thực".

Giải nghĩa

Y cứ vào ý nghĩa của đoạn văn kinh nêu trên thì chúng ta có thể phân tích qua hai cái biết: Một, cái hiểu biết của những người không tu tập. Hai, cái biết của những người có tu tập. Cái biết của những người có tu tập lại có hai: Một, cái biết thuộc Chánh kiến hữu lậu; hai, cái biết thuộc Chánh kiến vô lậu.

Vậy, thế nào là cái hiểu biết của những người không tu tập? Những người không tu tập đạo Thánh đế mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ,… thì họ cũng nhận thức rõ ràng là đang đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ và phân biệt các sự vật như con người, ngôi nhà, rừng cây, các màu sắc như xanh, đỏ, tím, vàng… Đây chính là sự hiểu biết thuộc về vô minh, tham ái, chấp thủ (Tập đế) vào năm thủ uẩn (Khổ đế) làm thực ngã.

Thế nào là cái nhận biết thuộc Chánh kiến hữu lậu? Đây là chỉ cho những người tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Vì thế, những vị ấy mới an trụ trong định – tuệ thuộc hữu lậu để đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ,… thì những vị đó cũng nhận biết là đang đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ và nhận biết các sự vật như con người, ngôi nhà, rừng cây, các màu sắc như xanh, đỏ, tím, vàng… Đây chính là cái nhận biết thuộc Chánh kiến hữu lậu. Với ý nghĩa tu tập Bát Chánh

đạo hữu lậu, người viết đã trình bày ở phần tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu.

Thế nào là cái nhận biết thuộc Chánh kiến vô lậu? Đó là những bậc Thánh giả đang tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Vì vậy, những bậc Thánh giả đã an trụ trong định – tuệ vô lậu để đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ,… thì các ngài cũng nhận biết là đang đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ và nhận biết các sự vật như con người, ngôi nhà, rừng cây, các màu sắc như xanh, đỏ, tím, vàng… Đây chính là cái nhận biết thuộc Chánh kiến vô lậu. Với ý nghĩa tu tập Bát Chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở phần tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

3. Tứ Chánh Cần

***Tạp A-hàm*, kinh *Tứ Chánh Đoạn*, số 863**

"Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

'Có bốn Chánh đoạn. Những gì là bốn? Một là đoạn đoạn, hai là luật nghi đoạn, ba là tùy hộ đoạn, bốn là tu đoạn.

Thế nào là đoạn đoạn? Tỳ-kheo, pháp ác bất thiện đã khởi thì đoạn trừ, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là đoạn đoạn.

Thế nào là luật nghi đoạn? Pháp ác bất thiện chưa khởi thì không cho khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là luật nghi đoạn.

Thế nào là tùy hộ đoạn? Pháp thiện chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn.

Thế nào là tu đoạn? Pháp thiện đã khởi, khiến tu tập thêm ích lợi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tu đoạn.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành".

a. Nội dung Tứ Chánh cần:

Tứ Chánh cần là bốn cách thức tu tập để đoạn trừ những điều bất thiện và phát triển các thiện pháp.

Nỗ lực đoạn trừ những điều ác đã sinh, khiến cho chúng vĩnh viễn bị đoạn diệt.

Nỗ lực làm cho những điều ác chưa sinh, khiến cho chúng không thể sinh khởi.

Nỗ lực làm cho các điều thiện chưa sinh, khiến cho chúng sinh khởi.

Nỗ lực làm cho các điều thiện đã sinh, khiến cho chúng được tăng trưởng.

b. Tu tập Tứ Chánh cần:

Chúng ta nỗ lực tu tập để đoạn trừ những điều bất thiện đã sinh khởi, tức tham, sân và si (Tập đế) đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn (Khổ đế); ngăn ngừa những điều bất thiện chưa sinh khởi, tức tham, sân và si đang ở dạng chủng tử. Còn chúng ta nỗ lực phát khởi những điều thiện chưa sinh thì khiến cho chúng được sinh khởi và

tăng trưởng, tức tu tập đạo Thánh đế. Tu tập đạo Thánh đế gồm đạo Thánh đế hữu lậu và đạo Thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo Thánh đế hữu lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo Thánh đế vô lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu nghĩa là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu để đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật. Như vậy, nhờ chúng ta tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu nên mới điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn để thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật. Về ý nghĩa tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu và tu tập Bát Chánh đạo vô lậu, người viết đã chia sẻ ở phần tu tập Bát Chánh đạo.

4. Tứ Như Ý Túc

Tạp A-hàm, kinh *Dục Định*, số 181

"Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

'Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?'

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

'Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

'Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì để đoạn trừ lửa vô thường, nên tu dục định đoạn hành thành tựu Như ý túc. Vậy nên đoạn trừ những pháp vô thường nào? Để đoạn trừ sắc vô thường; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường; cho nên tu dục định đoạn hành thành tựu Như ý túc.'

Chi tiết như kinh đã nói (kinh 175)... cho đến:

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành".

Như kinh tu dục định, thì ba mươi hai kinh nói về tinh tấn định, ý định, tư duy định cũng như vậy.

a. Nội dung Tứ Như ý túc:

Tứ Như ý túc là bốn pháp tu tập thành tựu định tâm để có khả năng sinh khởi thần lực, nên còn được gọi là Tứ Thần túc.

Dục như ý túc

Do năng lực của ước muốn tu tập nên đạt được các tầng thiền định.

Niệm như ý túc

Do năng lực của chánh niệm nên đạt được các tầng thiền định.

Tấn như ý túc

Do năng lực của chánh tinh tấn nên đạt được các tầng thiền định.

Tư duy như ý túc

Do năng lực của chánh tư duy nên đạt được các tầng thiền định.

Tứ như ý túc là dục định, tinh tấn định, tâm định và tư duy định.

"Nếu hành giả nương vào dục mà được định, được nhất tâm thì gọi là dục định. Nếu hành giả nương vào tinh tấn được định, được nhất tâm thì gọi là tinh tấn định. Nếu hành giả nương vào tư duy được định, được nhất tâm, đây gọi là tâm định, cũng gọi là tư duy định". (Trích *Phật Học Khái Luận,* Hòa thượng Chơn Thiện, trang 357)

Trong kinh *Tương Ưng Bộ V*, Bà-la-môn Unnàtha đã thắc mắc vấn đề dục định, sợ rằng không phù hợp với mục tiêu của Phạm hạnh. Tôn giả A-nan đã giải thích cho Unnàtha rằng:

"Do trước có lòng dục thúc đẩy ông đến đây…

Do trước có tinh tấn thúc đẩy ông đến đây…

Do trước có tâm thúc đẩy ông đến đây…

Do trước có tư duy thúc đẩy ông đến đây…

Sau khi đến đây rồi, dục, tinh tấn, tâm và tư duy của ông được tịnh chỉ, cũng vậy, vị A-la-hán thì lòng dục, tinh tấn, tâm và tư duy được tịnh chỉ".

b. Tu tập Tứ Như ý túc:

Để đạt được các tầng thiền định thuộc hữu lậu và vô lậu thì chúng ta phải tu tập đạo Thánh đế. Đạo Thánh đế gồm đạo Thánh đế hữu lậu và đạo Thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo Thánh đế hữu lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu nghĩa là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Còn tu tập đạo Thánh đế vô lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu nghĩa là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Bởi vì chúng ta đã tu tập đạo Thánh đế như vậy nên mới điều phục, đoạn trừ tham, sân, si (Tập đế) đối với năm thủ uẩn (Khổ đế). Do tham, sân, si đối với năm thủ uẩn được điều phục, đoạn trừ nên chúng ta thành tựu được các tầng thiền định và đạt tứ thần túc. Vì vậy, khi chúng ta nghiên cứu bốn bộ *A-hàm* thì sẽ nhận thấy ở trong các kinh có ghi lại Tứ Thần túc (thần thông) của

Đức Phật, các bậc Thánh A-la-hán thuộc câu phần giải thoát và Chuyển luân thánh vương. Ngoài ra, có những hành giả tu tập đạt Tứ thiền nên các vị ấy cũng thành tựu Tứ Thần túc (thần thông). Cho nên, ngài Xá-lợi-phất dạy: "Nếu có Tỳ-kheo nào tu tập thiền tứ, đạt được thần thông, tâm được tự tại, muốn biến cây khô này thành đất, thì cây sẽ thành đất liền. Vì sao? Vì trong cây khô này có địa giới. Cho nên Tỳ-kheo có sức thần thông, tâm muốn tạo ra đất, tức thì thành đất không khác. Nếu có Tỳ-kheo nào đạt được sức thần thông, tự tại như ý, mà muốn khiến cây này thành nước, lửa, gió, vàng, bạc v.v. tất cả đều thành tựu không khác". (*Tạp A-hàm*, kinh *Khô Thọ*, số 493)

Về ý nghĩa tu tập của Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu, người viết đã chia sẻ ở phần tu tập Bát Chánh đạo.

5. Ngũ Căn

***Tạp A-hàm*, kinh *Đương Tri*, số 614**

"Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

'Có năm căn. Những gì gọi là năm? Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ. Căn tín, nên biết, đó là bốn bất hoại tịnh. Căn tinh tấn, nên biết, đó là bốn Chánh đoạn. Căn niệm, nên biết, đó là bốn Niệm xứ. Căn định, nên biết, đó là bốn Thiền. Căn tuệ, nên biết, đó là bốn Thánh đế.'

Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành".

a. Nội dung Ngũ căn:

Ngũ căn là năm pháp tu tập để điều phục tham, sân và si đối với năm thủ uẩn.

Tín căn

Tín căn là căn bản của đức tin. Căn bản niềm tin của một người đệ tử Phật là nơi Đức Phật, giáo pháp của Đức Thế Tôn, Tăng và Thánh giới.

Tấn căn

Căn bản của tấn căn chính là Tứ Chánh cần, hoặc Chánh tinh tấn trong Bát Chánh đạo.

Niệm căn

Niệm là nhớ lại, nhớ đến, chú ý đến. Căn bản của niệm căn chính là Chánh niệm trong Bát Chánh đạo.

Định căn

Định là tập trung tâm ý vào một đối tượng thuần nhất, không giao động. Hán phiên âm là *Tam muội, Tam-ma-địa, Tam-ma-đề...* Định căn là căn bản của thiền định. Căn bản của thiền định chính là Chánh định trong Bát Chánh đạo.

Tuệ căn

Tuệ căn là căn bản của tuệ. Căn bản của tuệ chính là Chánh kiến và Chánh tư duy trong Bát Chánh đạo.

b. Tu tập Ngũ căn

Tu tập Ngũ căn chính là chúng ta sống trong Chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả các học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm hữu lậu thuộc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền,

Tứ thiền... nhằm mục đích để đạt được Kiến đạo, tức bước tới tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Để có được định tâm thì chúng ta phải chọn cho mình một phương pháp để thực tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, hay niệm một câu thần chú, v.v.. Rồi sau đó, chúng ta phải thực tập phương pháp ấy vào trong đời sống sinh hoạt mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng hay im lặng.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm danh hiệu của một Đức Phật để tu tập thì Chánh niệm là nhớ đến câu niệm Phật, nhờ có Chánh niệm nơi câu niệm Phật nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trụ nhất như nơi câu niệm Phật, nhờ có Chánh niệm và Chánh định nơi câu niệm Phật nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến là nhận biết được câu niệm Phật, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ đó, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ được Khổ đế – Tập đế nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi chúng ta thực tập Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến nơi câu niệm Phật, tức đang có mặt

Chánh tinh tấn và Chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của Chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức Chánh niệm, Chánh định, Chánh kiến và Chánh tư duy. Trong Bát Chánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc nhóm giới; Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định.

Nhờ chúng ta an trụ trong định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nơi câu niệm Phật nên dẫn sinh giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Như vậy, chúng ta tu tập Ngũ căn chính là tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu để đạt tới Bát Chánh đạo vô lậu, tức thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên và Tứ Thánh quả.

6. Ngũ Lực

Tạp A-hàm, kinh Ngũ Lực Đương Thành Tựu, số 642

"Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

'Có năm Lực. Những gì là năm? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.'

Các Tỳ-kheo nên học như vầy: 'Ta nên nỗ lực tinh tấn, thành tựu Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.'

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành".

a. Nội dung Ngũ lực:

Đó là năm sức mạnh được tăng trưởng từ Ngũ căn.

Tín lực

Tín lực là sức mạnh của đức tin nơi Đức Phật, giáo pháp của Đức Thế Tôn, Tăng và Thánh giới.

Tấn lực

Tấn lực là sức mạnh của Chánh tinh tấn trong Bát Chánh đạo.

Niệm lực

Niệm lực là sức mạnh của Chánh niệm trong Bát Chánh đạo.

Định lực

Định lực là sức mạnh của Chánh định trong Bát Chánh đạo.

Tuệ lực

Tuệ lực là sức mạnh của Chánh kiến và Chánh tư duy trong Bát Chánh đạo.

b. Tu tập Ngũ lực

Khi chúng ta tu tập Ngũ căn được thuần thục thì đây chính là tu tập Ngũ lực. Nghĩa là, giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng), định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy) được thuần thục, tăng trưởng và kiên cố.

Như vậy, do chúng ta tu tập Ngũ căn được thuần thục nên dẫn sinh Ngũ lực. Chúng ta tu tập Ngũ lực chính là đang tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu để đạt tới Bát Chánh đạo vô lậu, tức thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên và Tứ Thánh quả.

7. Thất Giác Chi

Tạp A-hàm, kinh *Thất Giác Chi*, số 677

"Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

'Nếu Tỳ-kheo chuyên nhất tâm mình, lắng nghe Chánh pháp, có thể đoạn năm pháp; tu tập bảy pháp khiến cho càng lúc càng thăng tiến mãn túc. Đoạn năm pháp gì? Là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái, đó gọi là đoạn năm pháp. Tu tập bảy pháp gì? Là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Nếu tu bảy pháp này thì càng lúc càng thăng tiến mãn túc'.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành".

a. Nội dung Thất Giác chi:

Thất Giác chi là bảy chi phần tu tập để điều phục, đoạn trừ tham, sân và si đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn.

Trạch pháp giác chi

Thế nào là Trạch pháp giác chi? Trong kinh, Đức Thế Tôn dạy: "Thánh đệ tử biết như thật pháp thiện, bất thiện; pháp hữu tội, vô tội; pháp nên tu, không nên tu; pháp hạ liệt, pháp thắng diệu; pháp đen, pháp trắng; pháp có đối nghịch; pháp duyên sinh". Như vậy, Trạch pháp giác chi chính là Chánh kiến và Chánh tư duy trong Bát Chánh đạo.

Niệm giác chi

Niệm giác chi chính là Chánh niệm trong Bát Chánh đạo.

Tinh tấn giác chi

Tinh tấn giác chi chính là nội dung của Tứ Chánh cần, hoặc Chánh tinh tấn trong Bát Chánh đạo.

Hỷ giác chi

Hỷ giác chi chính là sự vui thích.

Khinh an giác chi

Khinh an giác chi chính là trạng thái thân và tâm được thư thái, nhẹ nhàng.

Định giác chi

Định giác chi chính là Chánh định trong Bát Chánh đạo.

Xả giác chi

Theo luận *Thành Duy Thức*: hành xả chính là tinh tấn cùng với ba thiện căn. Cho nên, Xả giác chi chính là Chánh tinh tấn và tâm vô tham, vô sân, vô si. Chính vì vậy, Chánh tinh tấn và tâm vô tham, vô sân, vô si chính là thuộc về định và tuệ.

b. Tu tập Thất Giác chi

Tu tập Thất Giác chi chính là chúng ta sống trong Chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả các học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm hữu lậu thuộc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích để đạt được Kiến đạo, tức bước tới tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Để có được định tâm thì chúng ta phải chọn cho mình một phương pháp tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật,

danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc niệm một câu thần chú nào đó.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì Chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra (niệm giác chi), nhờ có Chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra (Định giác chi), nhờ có Chánh niệm và Chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến (Trạch pháp giác chi) là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của năm thủ uẩn. Nhờ đó, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ được Khổ đế – Tập đế nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi chúng ta tu tập Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt Chánh tinh tấn (Tinh tấn giác chi) và Chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của Chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển các thiện pháp, tức Chánh niệm, Chánh định, Chánh kiến và Chánh tư duy. Trong Bát

Chánh đạo: Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện); Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định.

Chính nhờ chúng ta an trụ trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và Chánh tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên dẫn sinh Hỷ giác chi, Khinh an giác chi và Xả giác chi. Theo luận *Thành Duy Thức:* "hành xả chính là tinh tấn cùng với ba thiện căn". Cho nên, Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và Chánh tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) chính là ý nghĩa của Xả giác chi.

Chính nhờ chúng ta an trụ trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và Chánh tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên dẫn sinh giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Như vậy, chúng ta tu tập Thất Giác chi có nghĩa là tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu để đạt tới Bát Chánh đạo vô lậu, tức thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên và cho đến Tứ Thánh quả.

Lời kết: Trong *Tạp A-hàm,* kinh *Lục Nhập Xứ,* số 305, Đức Phật dạy: "Khi tu tập tám Thánh đạo đã đầy đủ rồi thì bốn Niệm xứ cũng tu tập đầy đủ và bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần cũng tu tập đầy đủ". Với ý nghĩa này, theo luận *Câu-xá*, Tập IV, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, trang 489 và 490, "37 pháp đạo Thánh đế này gom thành mười pháp: tín, tinh tấn, ức niệm, tuệ, định, hỷ và xả, khinh an, giới và tư.

Mười thực thể này lập thành 37 giác phần như thế nào?

Tuệ chính là niệm trụ,

Tinh tấn là chánh đoạn,

Các định là thần túc,

Trong đây, tự thể của niệm trụ là tuệ, chánh đoạn là tinh tấn và thần túc là các định.

Theo đó, các căn cho đến các lực, căn cứ theo tên gọi, có năm thực thể: tín, tấn, niệm, định và tuệ.

Các niệm trụ, Trạch pháp giác chi và Chánh kiến (trong 8 chi đạo): thể chính là tuệ.

Các Chánh đoạn, Tinh tấn giác chi và Chánh tinh tấn (trong 8 chi đạo): thể chính là tinh tấn.

Các thần túc, Định giác chi, và Chánh định (trong 8 chi đạo): thể chính là định.

Niệm giác chi và Chánh niệm (trong 8 chi đạo): thể chính là niệm.

Còn lại là gì? Đó là ba giác chi Hỷ – Khinh an – Xả, Chánh tư duy và các giới chi. Những chi này chính là năm thực thể.

Như vậy các giác phần này có mười thực thể. Luận sư Tỳ-bà-sa nói có mười một. Vì thân nghiệp và ngữ nghiệp tách biệt nhau nên chi giới phân làm hai. Một số Luận sư khác nói có mười ba thực thể, vì tăng thêm dục và tầm".

Theo đó, chúng ta sẽ phân tích ý nghĩa liên hệ của 37 pháp đạo Thánh đế như sau: Tuệ căn, tuệ lực chính là Chánh kiến trong Bát Chánh đạo. Tư duy như ý túc, Trạch pháp giác chi nghĩa là Chánh tư duy trong Bát Chánh đạo. Tứ Chánh cần, Tấn như ý túc, tấn căn, tấn lực, Tinh tấn giác chi chính là Chánh tinh tấn trong Bát Chánh đạo. Tứ niệm xứ,

niệm như ý túc, niệm căn, niệm lực, niệm giác chi nghĩa là Chánh niệm trong Bát Chánh đạo. Định căn, định lực, Định giác chi chính là Chánh định trong Bát Chánh đạo. Như vậy, 37 pháp thuộc đạo Thánh đế gom thành 13 pháp: (1) tín gồm tín căn và tín lực, (2) dục như ý túc, (3) Chánh kiến, (4) Chánh tư duy, (5) Chánh ngữ, (6) Chánh nghiệp, (7) Chánh mạng, (8) Chánh tinh tấn, (9) Chánh niệm, (10) Chánh định, (11) Hỷ giác chi, (12) Khinh an giác chi, (13) Xả giác chi. 13 pháp này gom thành 8 pháp: (1) tín, (2) dục như ý túc; (3) giới gồm Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng; (4) Chánh định gồm Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định; (5) Chánh tuệ gồm Chánh kiến và Chánh tư duy, (6) Hỷ giác chi, (7) Khinh an giác chi, (8) Xả giác chi. Tám pháp này gom thành ba tụ: (1) giới, (2) định bao gồm ý nghĩa của hỷ, khinh an và xả; (3) tuệ bao gồm ý nghĩa của tín và dục như ý túc. Vì vậy, ý nghĩa chính yếu của tám pháp này chính là giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng) – định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) – tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy).

Bát Chánh đạo chính là giới – định – tuệ. Từ đó, chúng ta sẽ tiếp tục phân tích ý nghĩa của Bát Chánh đạo thâu tóm các Đạo đế còn lại, cũng như Tứ vô lượng tâm và Tứ nhiếp sự (hay Tứ nhiếp pháp). Nghĩa là, hành giả sống với định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) – tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy) tu tập để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nên dẫn sinh giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Hành giả sống với định – tuệ tu tập để điều phục, đoạn trừ năm thủ uẩn (Khổ đế – Tập đế), tức cũng chính là điều phục, đoạn trừ thân, thọ, tâm và pháp nên bao gồm ý nghĩa của Tứ niệm xứ. Hành giả sống với định – tuệ tu tập để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế, tức đoạn trừ điều ác và phát triển điều thiện nên bao gồm ý nghĩa của Tứ chánh cần. Hành giả sống với định và tuệ tu tập với ước muốn để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm đạt được các tầng định tâm và dẫn sinh thần lực nên bao gồm ý nghĩa của Tứ như ý túc. Với tín tâm nơi Tam bảo, hành giả đã sống với định – tuệ tu tập để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế và khi định – tuệ được tăng trưởng, kiên cố nên bao gồm ý

nghĩa của Ngũ căn và Ngũ lực. Hành giả sống với định và tuệ tu tập để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nên dẫn sinh hỷ thọ, khinh an và xả, tức bao gồm ý nghĩa của Thất giác chi. Hành giả sống với định và tuệ tu tập để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nên dẫn sinh tâm từ, tâm bi, tâm hỷ và tâm xả, tức bao gồm ý nghĩa của Tứ vô lượng tâm. Hành giả sống với định và tuệ tu tập để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nên dẫn sinh bố thí, ái ngữ, hành lợi và đồng lợi, tức bao gồm ý nghĩa của Tứ nhiếp sự.

Tuy nhiên, trong *Tăng Nhất A hàm:* "Tôn giả Ca Diếp hỏi tôn giả A-nan: Bài kệ nào mà xuất sinh 37 phẩm và các pháp?

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền nói bài kệ:

Chớ làm các điều ác,
Vâng làm các điều thiện.
Tự thanh tịnh tâm ý,
Là lời chư Phật dạy.

Thế nào, A-nan? Chỉ có *Tăng Nhất A-hàm* mới xuất sinh 37 phẩm và các pháp, hay là bốn bộ *A-hàm* khác cũng xuất sinh?

Tôn giả A-nan đáp: Trong bài kệ này đã thâu tóm đầy đủ giáo nghĩa của chư Phật, Thanh Văn, Bích Chi Phật và giáo nghĩa của bốn bộ *A-hàm*".

Như vậy, bài kệ nêu trên đã thâu tóm ý nghĩa của 37 pháp thuộc đạo Thánh đế, cũng như giáo nghĩa của chư Phật, Thanh Văn, Bích Chi Phật và bốn bộ *A-hàm*. Điều này có nghĩa là hành giả sống với tâm thanh tịnh để tu tập tất cả điều thiện, chứ không làm các điều ác. Tâm thanh tịnh gồm có tâm thiện hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm thiện hữu lậu chính là hành giả sống với định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) – tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy) hữu lậu nên dẫn sinh giới hữu lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Còn tâm vô lậu chính là các bậc Thánh nhân sống với định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định vô lậu) – tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy vô lậu) nên dẫn sinh giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng vô lậu).

B. LUẬN NGHĨA TỨ THÁNH ĐẾ

Khổ đau (Khổ đế) là một sự thật. Với sự thật này, cho dù Đức Phật có thị hiện hay không thị hiện ở nơi nhân gian này thì nó vẫn tồn tại như vậy. Vốn dĩ, chúng ta đã sống với sự thật này từ vô lượng kiếp, tức năm thủ uẩn của chính mình. Để thấu hiểu được điều đó, chúng ta phải dùng trí tuệ để quán chiếu lại thân tâm của mình và tất cả chúng sanh đang còn lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại. Cụ thể hơn, chúng ta hãy quán sát thân tâm của mình và tất cả loài người trên vũ trụ này, không có ai vượt ra ngoài sự thật khổ đau đó (Khổ đế).

Tuy nhiên, khi chúng ta quán sát quả báo của mình (năm thủ uẩn hiện tại) và quả báo của tất cả mọi người, mọi loài thì nhận thấy rằng tất cả đều không giống nhau. Sự sai biệt về quả (Khổ đế) như vậy là do sự sai biệt về nhân (Tập đế). Nhân (tập đế) và quả (khổ đế) này đã tạo thành dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau của chúng ta và tất cả chúng sanh trong các giới loại.

Do đó, tất cả các pháp được chia làm ba nhóm: sắc pháp, tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Sắc pháp là pháp do bốn đại tạo thành. Tâm hữu lậu chính là sự tập khởi của năm thủ uẩn nên thuộc Khổ đế – Tập đế (tạp niệm). Theo Duy Thức thì có tám thức tâm vương và 51 tâm sở (các tâm sở thiện và các tâm sở bất thiện). Sắc pháp và tâm hữu lậu là những pháp thuộc về duyên sinh nên vô thường và vô ngã. Còn tâm vô lậu chính là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Bởi vì tâm này là không, vô tướng và vô tác nên thuộc về Diệt đế. Chính tâm vô lậu là một sự thật vốn sẵn có nơi mỗi chúng sinh hữu tình. Ngoài ba sự thật ấy (Khổ đế, Tập đế và Diệt đế), còn một sự thật nữa đó là Đạo Thánh đế.

Vì vậy, Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế và Đạo Thánh đế chính là những sự thật vốn tồn tại ở nơi thân tâm của chúng ta và tất cả mọi người, cho dù chúng ta thuộc truyền thống đạo Phật, hoặc thuộc về truyền thống của một tôn giáo nào khác, hoặc không thuộc về truyền thống của một tôn giáo nào đi nữa.

Đạo Thánh đế gồm 37 pháp nhưng trong đó Bát Chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất, vì nó thâu tóm tất cả Đạo đế còn lại như Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi. Lại nữa, Bát Chánh đạo gồm Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu.

Trong đó, tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là chúng ta sống trong Chánh kiến hữu lậu để tu tập tất cả thiện pháp qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Tu tập tất cả thiện pháp nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại. Còn tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là các bậc Thánh giả sống trong Chánh kiến vô lậu để tu tập tất cả thiện pháp qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Tu tập tất cả thiện pháp nhằm thành tựu Tứ Thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật. Như vậy, thiện pháp hữu lậu và thiện pháp vô lậu chính là những chân lý vốn hiện hữu nơi mỗi chúng sanh hữu tình. Bởi vì là chân lý nên nó không chỉ dành riêng cho bất cứ ai hay một truyền thống nào.

Bởi vì thiện pháp hữu lậu là một chân lý cho nên bất cứ ai thực tập thiện pháp hữu lậu đều thuộc Đạo đế hữu lậu. Thiện pháp hữu lậu sẽ thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại. Do quả báo của Nhân và Thiên vẫn ở trong dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau của sinh, già, bệnh và chết cho nên những người theo truyền thống đạo Phật tu tập chính là muốn đạt được những quả báo tốt đẹp thù thắng hơn quả báo của Nhân, Thiên. Đó là muốn thành tựu được Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật.

Tuy thiện pháp hữu lậu và thiện pháp vô lậu chính là những chân lý vốn hiện hữu nhưng những người theo đạo Phật tu tập mới thấu hiểu và chứng nghiệm được như thật về ý nghĩa này. Đó là nhờ học tập theo lời dạy của Đức Phật, các bậc Thánh nhân, các bậc thiện tri thức như Tỳ-kheo tăng và Tỳ-kheo ni.

Bát Chánh đạo gồm Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu. Trong tám chi phần của Bát Chánh đạo thì Chánh kiến là chi đứng đầu. Cho nên, khi Chánh kiến sinh khởi thì bảy chi phần

còn lại cũng sinh khởi, tức cùng có mặt. Chánh kiến gồm có Chánh kiến văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ.

Để có được Chánh kiến này, chúng ta cần phải nghe Phật pháp qua lời dạy của các bậc thiện tri thức như quý thầy, quý sư, quý sư cô và những cư sĩ nam, cư sĩ nữ có tu học Phật pháp. Chúng ta đọc các sách viết về Phật học, cũng như dịch thuật và nghiên cứu những lời dạy của Đức Phật qua các bộ kinh, luật và các bộ luận thuộc cả hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa. Nhờ đó, chúng ta mới có được Chánh kiến đối với Tứ Thánh đế. Đây chính là chánh kiến thuộc về văn tuệ.

Từ nền tảng Chánh kiến của văn tuệ, rồi chúng ta tiếp tục tư duy về ý nghĩa của Tứ Thánh đế để hiểu rõ hơn về giáo pháp này. Đây chính là Chánh kiến thuộc về tư tuệ.

Khi chúng ta có Chánh kiến về văn tuệ và tư tuệ hữu lậu thì cũng đang có mặt các chi phần còn lại của Bát Chánh đạo.

Ví như khi chúng ta tư duy về ý nghĩa của Tứ Thánh đế thì lúc ấy sẽ có mặt Chánh niệm,

Chánh định và Chánh kiến. Bởi vì Chánh niệm là nhớ đến ý nghĩa của Tứ Thánh đế, nhờ Chánh niệm nơi ý nghĩa của Tứ Thánh đế nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trụ nhất như nơi ý nghĩa của Tứ Thánh đế, nhờ có Chánh niệm và Chánh định nơi ý nghĩa của Tứ Thánh đế nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến chính là nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của Tứ Thánh đế.

Khi chúng ta có Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến nơi ý nghĩa của Tứ Thánh đế thì cũng đang có mặt của Chánh tinh tấn và Chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của Chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân, si năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức Chánh niệm, Chánh định, Chánh kiến và Chánh tư duy. Trong Bát Chánh đạo: Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc về nhóm giới (thiện); Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định. Cho nên, khi chúng ta an trụ trong định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ (Chánh kiến,

Chánh tư duy) nơi ý nghĩa của Tứ Thánh đế nên sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng), tức thuộc Bát Chánh đạo hữu lậu. Bởi vì năm thủ uẩn vốn luôn tập khởi nên chúng ta không thể an trụ trong định và tuệ này được lâu dài mà chỉ tồn tại trong khoảnh khắc của những sát-na, từng giây, từng phút,... định tâm hoặc tán tâm. Do đó, chúng ta không dừng trụ ở nơi việc thực tập Bát Chánh đạo thuộc văn tuệ và tư tuệ, mà phải tiến tới thực tập Bát Chánh đạo thuộc tu tuệ. Tu tập Bát Chánh đạo gồm tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu và tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Trong đó, tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là chúng ta sống trong Chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Các thiện pháp bao gồm quy y Tam bảo, thực tập tất cả các học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm hữu lậu thuộc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích đạt được Kiến đạo, tức bước tới tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Khi chúng ta an trụ trong định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ hữu lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (tức Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Bởi vì định và tuệ hữu lậu là định – tuệ thuộc duyên sinh, vô thường cho nên chúng ta cũng không dừng trụ nơi định – tuệ này, mà phải tiến tới tu tập định và tuệ vô lậu, tức tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là bậc Thánh giả sống với định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) – tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Tuy vậy, bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Chỉ có những bậc Thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh Văn thừa),

hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát địa (Bồ-tát thừa) đã đoạn trừ hoàn toàn Khổ đế – Tập đế nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Tuy nhiên, theo kinh và luận thuộc truyền thống Đại thừa thì những bậc Thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh Văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát địa (Bồ-tát thừa) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng) nên các ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Duy chỉ Đức Thế Tôn mới đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng) nên Ngài mới sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng).

Chính vì vậy, chỉ có Đức Thế Tôn mới sống hoàn toàn trọn vẹn với Bát Chánh đạo vô lậu.

Để đúc kết lại ý nghĩa đã được trình bày như trên, chúng ta biết rằng: chúng ta vốn có thân thể (bốn đại), tâm hữu lậu và tâm vô lậu nên bao gồm ý nghĩa của Tứ Thánh đế. Thân và tâm hữu lậu là thuộc về Khổ đế và Tập đế. Tâm hữu lậu gồm có tâm hữu lậu bất thiện và tâm hữu lậu thiện. Trong đó, tâm hữu lậu bất thiện chính là tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà niệm và tà định nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng. Đây chính là Bát tà đạo. Tâm hữu lậu thiện chính là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc hữu lậu nên dẫn sinh Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc hữu lậu. Đây chính là Bát Chánh đạo hữu lậu. Còn tâm vô lậu chính là Diệt đế và Bát Chánh đạo vô lậu. Nghĩa là, các bậc Thánh giả sống trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định vô lậu) và tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy vô lậu) nên dẫn sinh giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng vô lậu). Đây chính là Bát Chánh đạo vô lậu.

Như vậy, do chúng ta và tất cả chúng sinh hữu tình sống với tâm hữu lậu nên mới tạo tác những nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), để rồi phải thọ quả sinh tử khổ đau trong các giới loại. Còn các bậc Thánh sống trong tâm vô lậu nên tạo thành chánh báo (thân) và hỗ trợ cho sự hình thành y báo (quốc độ) thù thắng trong các quốc độ.

2

PHÁP MƯỜI HAI DUYÊN KHỞI

Khi nghiên cứu bốn bộ *A-hàm*, tôi nhận thấy có rất nhiều bản kinh Đức Phật dạy về pháp mười hai duyên khởi. Cụ thể như trong bộ *Tăng Nhất A-hàm* có phẩm Sáu Trọng Pháp, kinh số 7; Trong bộ *Tạp A-hàm* có kinh *Sa Môn*, kinh *Lão Tử*, kinh *Tu Tập* và kinh *Thập Nhị Nhân Duyên*; Trong bộ *Trung A-hàm* có kinh *Đại Câu-hy-la*, kinh *Đại Nhân* và ở trong bộ *Trường A-hàm*, kinh *Đại Duyên Phương Tiện*, Đức Thế Tôn dạy rằng:

"Duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sinh, duyên sinh có già và chết, lo, rầu, khổ, não,

tập thành một khối đại hoạn. Đó là duyên của khối đại khổ uẩn vậy.

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn rằng: 'Hôm nay con một mình tĩnh toạ tại một nơi thanh vắng, tâm nghĩ như vậy: Kỳ diệu thay, duyên khởi này! Thật là vô cùng sâu sắc, nhưng con quan sát thấy rất nông cạn, rất nông cạn!'

Đức Phật dạy: 'A-nan, thầy chớ nghĩ rằng duyên khởi này rất nông cạn, rất nông cạn! Vì sao? Vì duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng thật là vô cùng sâu sắc.

Này A-nan, đối với duyên khởi này, vì không biết như thật, thấy như thật, không giác ngộ, không thấu triệt, nên khiến chúng sinh ấy dính móc nhau như khung cửi rối ren, như đám uẩn-mạn mọc chằng chịt, tấp nập huyên náo, đi từ đời này đến đời kia, qua rồi lại, lại rồi qua, không thể ra khỏi vòng sinh tử. A-nan, cho nên phải biết duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng rất là vô cùng sâu sắc" (*Trung A-hàm*, kinh *Đại Nhân*, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ dịch).

Trong *Trường A-hàm*, Đức Phật Tỳ-bà-thi đã quán chiếu mười hai chi duyên khởi theo dòng lưu chuyển và dòng hoàn diệt:

"Sau đó, Ngài được như chí nguyện, đi đến chỗ nhàn tịnh, chuyên tinh tu đạo. Ngài lại suy nghĩ: 'Chúng sinh thật đáng thương, thường ở trong tăm tối, mang lấy cái thân nguy khốn, mong manh, nào sinh, nào già, nào bệnh, nào chết, đủ mọi thứ khổ não. Chúng chết đây sinh kia, chết kia sinh đây, cứ duyên theo cái khổ uẩn này mà trôi nổi, không bao giờ cùng. Ta lúc nào mới có thể thấu triệt khổ uẩn, diệt hết sinh, già, chết?'

Ngài lại suy nghĩ rằng: 'Già – chết từ đâu, duyên cái gì mà có?' Ngài liền dùng trí tuệ quán sát nguyên do, thấy rằng do sinh mà có già và chết; sinh là duyên của già – chết. Sinh lại do hữu mà khởi; hữu là duyên của sinh. Hữu do thủ mà khởi; thủ là duyên của hữu. Thủ do ái mà khởi; ái là duyên của thủ. Ái do thọ mà khởi; thọ là duyên của ái. Thọ do xúc mà khởi; xúc là duyên của thọ. Xúc do sáu xứ mà có; sáu xứ là duyên của xúc. Sáu xứ do danh sắc mà khởi; danh sắc là duyên của

sáu xứ. Danh sắc do thức mà khởi; thức là duyên của danh sắc. Thức do hành mà khởi, hành là duyên của thức. Hành do vô minh mà khởi, vô minh là duyên của hành. Thế tức là do duyên là vô minh có hành, do duyên là hành có thức, do duyên là thức có danh sắc, do duyên là danh sắc có sáu xứ, do duyên là sáu xứ có xúc, do duyên là xúc có thọ, do duyên là thọ có ái, do duyên là ái có thủ, do duyên là thủ có hữu, do duyên là hữu có sinh, do duyên là sinh có già, bệnh, chết, sầu, buồn, khổ, não. Khổ uẩn này do duyên là sinh mà có. Chính đó là sự tập khởi của khổ.'

Khi Bồ-tát tư duy về sự tập khởi của khổ uẩn ấy, liền phát sinh trí, phát sinh con mắt, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng ngộ.

Bồ-tát lại suy nghĩ: 'Do cái gì không có mà già – chết không có? Do cái gì diệt thì già – chết diệt?' Rồi bằng trí tuệ, Ngài quán sát nguyên do, biết rằng, do sinh không có nên già – chết không có; do sinh diệt nên già – chết diệt; do hữu không có nên sinh không có, hữu diệt nên sinh diệt;

do thủ không có nên hữu không có, thủ diệt nên hữu diệt; do ái không có nên thủ không có, ái diệt nên thủ diệt; do thọ không có nên ái không có, thọ diệt nên ái diệt; do xúc không có nên thọ không có, xúc diệt nên thọ diệt; do sáu xứ không có nên xúc không có, sáu xứ diệt nên xúc diệt; do danh sắc không có nên sáu xứ không có, danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do thức không có nên danh sắc không có, thức diệt nên danh sắc diệt; do hành không có nên thức không có, hành diệt nên thức diệt; do vô minh không có nên hành không có, vô minh diệt nên hành diệt. Thế tức là vì vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên sáu xứ diệt, sáu xứ diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sinh diệt, sinh diệt nên già, chết, ưu, bi, khổ, não diệt.

Khi Bồ-tát suy nghĩ về sự diệt tận của khổ uẩn như thế liền phát sinh trí, phát sinh con mắt, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, sinh chứng.

Sau khi Bồ-tát quán mười hai chi duyên khởi theo hai chiều thuận nghịch, biết như thật, thấy như thật, tức thì ngay tại chỗ ngồi, Ngài chứng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-đề".

Trong *Tạp A-hàm,* kinh *Pháp Thuyết Nghĩa Thuyết,* số 336, Đức Phật dạy về pháp mười hai duyên khởi như sau:

"Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại xóm Điều Ngưu, Câu-lưu-sưu. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

'Nay Ta sẽ thuyết pháp, thuyết nghĩa về pháp duyên khởi, các ông hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

Thế nào là thuyết pháp về pháp duyên khởi? Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi. Tức là do duyên vô minh nên có hành… cho đến thuần một khối khổ lớn. Đó gọi là pháp thuyết về pháp duyên khởi.

Thế nào là thuyết nghĩa? Tức là, duyên vô minh nên có hành. Thế nào là vô minh? Nếu chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo;

chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, chẳng biết Tăng; chẳng biết Khổ, chẳng biết Tập, chẳng biết Diệt, chẳng biết Đạo; chẳng biết nhân, chẳng biết pháp sanh khởi bởi nhân; chẳng biết thiện, bất thiện, có tội, không tội, tập, không tập; hoặc kém, hoặc hơn; nhiễm ô, hoặc thanh tịnh; phân biệt duyên khởi, tất cả đều chẳng biết; đối với sáu xúc nhập xứ không giác tri như thật, đối với các pháp này không thấy không biết, không hiện quán, bị si ám, không có minh, tối mù mịt, đó gọi là vô minh.

Duyên vô minh nên có hành. Thế nào là hành? Hành gồm có thân hành, miệng hành, ý hành.

Duyên hành nên có thức. Thế nào là thức? Chỉ sáu thức thân: nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân.

Duyên thức có danh sắc; thế nào là danh? Chỉ bốn ấm vô sắc: thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm. Thế nào là sắc? Chỉ bốn đại, sắc do bốn đại tạo thành. Sắc này hợp cùng với danh đã nói ở trên, gọi là danh sắc.

Duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ. Thế nào là sáu nhập xứ? Sáu nội nhập xứ; nhãn nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập xứ.

Duyên sáu nhập xứ nên có xúc. Thế nào là xúc? Chỉ sáu xúc thân: nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân.

Duyên xúc nên có thọ. Thế nào là thọ? Ba thọ: thọ khổ, thọ vui, thọ chẳng khổ chẳng vui.

Duyên thọ nên có ái. Thế nào là ái? Ba ái: dục ái, sắc ái, vô sắc ái.

Duyên ái nên có thủ. Thế nào là thủ? Bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ.

Duyên vào thủ nên có hữu. Thế nào là hữu? Ba hữu: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

Duyên hữu nên có sanh. Thế nào là sanh? Nếu mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia, siêu việt, hòa hợp, xuất sanh, được ấm, được giới, được nhập xứ, được mệnh căn. Đó gọi là sanh.

Duyên sanh nên có già chết. Thế nào là già? Như tóc bạc đầu hói, da nhăn, các căn suy sụp,

tay chân yếu ớt, lưng còm, đầu cúi, rên rỉ, hơi thở ngắn, mệt nhọc, chống gậy đi, thân thể đen sạm, tay chân nổi ban đốm, lú lẫn, làm việc gì cũng khó khăn, kém cỏi. Đó gọi là già. Thế nào là chết? Là mỗi mỗi chúng sanh kia nơi mỗi mỗi chủng loại thân kia chết đi, tuổi thọ chấm dứt, thân hoại, đổi dời, hơi ấm lìa thân, mệnh sống kết thúc, là đã đến lúc từ bỏ cái ấm thân. Đó gọi là chết. Chết này cùng già đã nói ở trước, gọi chung là già – chết. Đó là thuyết nghĩa duyên khởi".

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành".

I. NỘI DUNG MƯỜI HAI CHI DUYÊN KHỞI

Như vậy, chúng ta biết rằng: do duyên vô minh mà hành sinh khởi, do duyên hành mà thức sinh khởi… cho đến duyên ái, thủ, hữu mà sinh và lão – tử sinh khởi. Đó là một khối sầu bi, khổ ưu não của năm thủ uẩn tập khởi, tức Khổ đế – Tập đế.

1. Vô minh

Vô minh chính là không thấy rõ Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế và Đạo Thánh đế.

Vô minh nghĩa là không thấy sắc, thọ, tưởng, hành và thức là vô thường, khổ và vô ngã.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Vô Minh*, số 750, Đức Phật dạy về vô minh và minh như sau:

"Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

'Nếu, Tỳ-kheo, các pháp ác bất thiện sanh khởi, tất cả đều do vô minh làm gốc, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh khởi. Vì sao? Vì vô minh là vô tri, không biết như thật đối với pháp thiện, pháp bất thiện; không biết như thật có tội, không có tội, pháp thấp, pháp cao, nhiễm ô, không nhiễm ô, phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi. Vì không biết như thật nên khởi lên tà kiến; khi đã khởi tà kiến rồi, thì có khả năng khởi

lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

Nếu các pháp thiện sanh, tất cả đều do minh làm gốc, minh tập, minh sanh, minh khởi. Vì minh, biết như thật đối với pháp thiện, bất thiện; tất cả đều biết như thật về tội, không tội, thân cận, không thân cận, pháp thấp, pháp cao, ô uế, bạch tịnh, có phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi, biết như thật, đó là Chánh kiến. Chánh kiến hay khởi lên Chánh chí, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh phương tiện, Chánh niệm, Chánh định. Khi đã khởi lên Chánh định rồi, Thánh đệ tử được Chánh giải thoát tham, nhuế, si; khi tham, nhuế, si đã giải thoát rồi, Thánh đệ tử được Chánh tri kiến: 'Ta, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau'.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành".

2. Hành

Hành có nghĩa là thân hành, khẩu hành và ý hành (các tâm hành thiện và các tâm hành bất thiện).

3. Thức

Thức chính là sự phân biệt, liễu biệt.

Theo Duy Thức, thức gồm có tám thức, là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, thức thứ bảy và thức thứ tám (thức A-lại-da). Vì vậy, thức ở trong pháp mười hai nhân duyên là chỉ cho thức A-lại-da, tức thức trong giai đoạn tái sinh.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Diệt*, số 37, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan dạy:

"Năm thủ uẩn này là cái được tạo tác bởi hành trước kia, là cái được ước nguyện trước kia, là pháp vô thường".

Trong *Trường A-hàm*, kinh *Đại Duyên Phương Tiện*, Đức Phật dạy thức duyên danh sắc như sau:

"'Này A-nan, duyên thức mà có danh sắc, là nghĩa thế nào? Nếu thức không nhập thai mẹ thì chừng có danh sắc không?'

Đáp: 'Không'.

'Nếu thức nhập thai mẹ rồi không sinh ra, thế thì có danh sắc không?'

Đáp: 'Không'.

'Nếu thức ra khỏi thai mẹ mà hài nhi bị hỏng thì danh sắc có được tăng trưởng không?'

Đáp: 'Không'.

'A-nan, nếu không có thức, thế thì có danh sắc không?'

Đáp: 'Không'.

'A-nan, Ta do lẽ đó, biết danh sắc do thức; duyên thức mà có danh sắc. Nghĩa của ta nói là ở đó'".

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, phẩm Tam Bảo, kinh số 3, Đức Phật dạy có ba nhân duyên thức thọ thai như sau:

"Có ba nhân duyên thức đến thọ thai. Những gì là ba? Ở đây, Tỳ-kheo, mẹ có dục ý, cha mẹ hội hợp ở một chỗ và cùng ngủ chung, nhưng thức bên ngoài chưa đến kịp lúc thì chẳng thành thai. Nếu thức muốn đến, nhưng cha mẹ không hội hợp một chỗ, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ cùng hợp một chỗ, cha mắc bệnh phong, mẹ mắc bệnh lãnh, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, mẹ bị bệnh phong, cha bị bệnh lãnh, chẳng thành thai. Nếu có khi cha mẹ hợp một chỗ, nhưng chỉ riêng thân cha thủy khí nhiều, mẹ không có chứng này, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, tướng cha có con, tướng mẹ không con, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, tướng mẹ có con, tướng cha không con, chẳng thành thai. Nếu khi tướng cha mẹ đều không con, chẳng thành thai. Nếu có khi thần thức đến thai, mà cha đi vắng, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ đáng hợp một chỗ, nhưng mẹ đi xa, không có mặt, không có thai. Nếu có lúc cha mẹ đáng hợp một chỗ, nhưng người cha gặp bệnh nặng, khi thần thức đến, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ đáng hợp một chỗ, thần thức có đến, song người mẹ

mắc bệnh nặng, chẳng thành thai. Nếu có lúc cha mẹ nên hợp một chỗ, thần thức đến, nhưng cha mẹ đều mắc bệnh, chẳng thành thai.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu cha mẹ hợp ở một chỗ, cha mẹ không chứng tật gì, thần thức đến, tướng cha mẹ đều có con, đây thành thai. Đó gọi là có ba nhân duyên thức đến thọ thai".

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Tư Lương*, số 361, Đức Phật dạy rằng:

"Nếu suy lường, vọng tưởng thì chắc chắn sẽ bị sai sử khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó nhập vào danh sắc. Vì nhập vào danh sắc nên có qua lại. Vì có qua lại nên có sanh tử. Vì có sanh tử nên có sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai và tập hợp thuần một khối khổ lớn như vậy.

Nếu không suy lường, không vọng tưởng thì sẽ không bị sai sử khiến thức duyên níu mà tồn tại. Vì không có chỗ duyên níu cho thức tồn tại nên nó không nhập vào danh sắc. Vì không nhập vào danh sắc nên không qua lại. Vì không qua lại nên không sanh tử. Vì không sanh tử nên sanh, lão,

bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở đời vị lai đều bị diệt và thuần một khối khổ lớn như vậy cũng bị diệt".

Trong phần lý chứng tồn tại thức thứ tám của luận *Thành Duy Thức*, các bậc Luận sư giải thích thức duyên danh sắc chính là thức thứ tám.

"Khế kinh nói, "Do duyên là thức mà có danh sắc. Do duyên là danh sắc mà có thức." Hai pháp ấy lần lượt y tựa lẫn nhau để đồng thời cùng vận hành, như hai bó lau. Nếu không tồn tại thức (thứ tám) này thì tự thể thức (duyên danh sắc) kia không tồn tại.

Kinh đã dẫn tự giải thích như thế này: danh là bốn uẩn phi sắc. Sắc là Kiết-la-lam các thứ (các giai đoạn thành hình trong thai). Hai thứ này cùng với thức y tựa lẫn nhau mà tồn tại như hai bó lau dựa vào nhau. Chúng làm duyên cho nhau, thường xuyên cùng lúc vận hành, không tách rời nhau. Các thức con mắt v.v. được bao hàm trong danh. Nếu không có thức này, không có cái gì để gọi là thức. Cũng không thể nói thức uẩn trong danh là năm thức; và thức là thức thứ sáu. Vì trong giai đoạn Kiết-la-lam, năm thức chưa xuất hiện.

Lại nữa, hoạt động của các chuyển thức có tính cách gián đoạn; chúng không đủ năng lực để thường xuyên duy trì danh – sắc, làm sao có thể nói chúng thường xuyên làm duyên cho danh sắc? Cho nên thức được nói đó chính là thức thứ tám". (Luận *Thành Duy Thức*)

4. Danh sắc

Sắc chính là tứ đại và những pháp do bốn đại tạo thành nên gọi là sắc.

Danh chính là bốn uẩn phi sắc tức thọ, tưởng, hành và thức.

5. Lục nhập (Lục xứ)

Lục nhập hay Lục xứ, chúng gồm nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn.

Theo *Câu-xá Luận:* Xứ nghĩa là sanh xuất tâm, tâm sở là nghĩa của xứ. Nghĩa là nó làm phát sinh tác dụng của tâm, tâm sở.

6. Xúc

Theo luận *Thành Duy Thức:* "Xúc nghĩa là sự phân biệt biến dị trong tổ hợp ba, mà tự tính làm

cho tâm và tâm sở tiếp xúc với cảnh; chức năng của nó làm sở y cho thọ, tưởng và hành.

Tổ hợp ba là sự hỗ tương tùy thuận của căn, cảnh và thức. Xúc y trên chúng mà phát sinh, làm cho chúng hòa hiệp. Trong trạng thái hòa hiệp, ba sự đều có công năng dẫn đến sự sinh khởi của tâm sở; đó gọi là 'biến dị'".

7. Thọ

Thọ gồm khổ thọ, lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ.

8. Ái

Ái là ái sắc, thọ, tưởng, hành và thức; hoặc ái sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp; hoặc dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

9. Thủ

Bởi vì ái đối với năm thủ uẩn nên mới dẫn sinh thủ, tức bám chặt, ôm chặt vào năm thủ uẩn, hoặc bám chặt vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Vì vậy, thủ là hoàn toàn lệ thuộc vào ái mà tập khởi.

10. Hữu

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Phả-cầu-na,* số 372, Đức Phật dạy hữu làm nhân cho sinh và lão – tử: "'Do duyên thủ nên có hữu; có thể chiêu cảm sự chuyển hiện của hữu trong vị lai.' Đó gọi là do có hữu nên có sáu nhập xứ; sáu nhập xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não và thuần một khối khổ tụ tập như vậy".

Theo *Tạp A-hàm,* kinh *Pháp Thuyết Nghĩa Thuyết,* số 336, Đức Phật dạy hữu có ba loại: "Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

- Dục hữu: Chính là những loại nghiệp nhân thuộc về Dục giới.
- Sắc hữu: Chính là những loại định tâm như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền thuộc về Sắc giới.
- Vô sắc hữu: Chính là những loại định tâm như Không vô biên xứ định, Thức vô biên

xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tưởng phi phi tưởng xứ định thuộc về Vô sắc giới.

Luận *Thành Duy Thức* và luận *Câu-xá* giải thích: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền và Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tưởng phi phi tưởng xứ định gọi là nghiệp bất động.

Trong *Pháp Uẩn Túc Luận* giải thích hữu như sau:

"Nghiệp dẫn đến hậu hữu gọi là hữu. Như Đức Thế Tôn nói với ngài A-nan, nghiệp chiêu cảm đời sau gọi là hữu.

Chính hữu là nghiệp nên gọi là nghiệp hữu. Nghĩa là nghiệp hữu làm phát khởi khuynh hướng tồn tại đời sau, đây chính là nói tùy miên làm căn bản của hữu, nó làm phát sinh nghiệp để dẫn sinh hậu hữu".

Luận *Thành Duy Thức* giải thích về "hữu chi tập khí" cũng như sự khác biệt ý nghĩa của nghiệp và tập khí như sau:

"Hữu chi tập khí, đó là chủng tử của nghiệp dẫn đến dị thục trong ba cõi. Hữu chi có hai: Một, thiện hữu lậu, tức nghiệp dẫn đến quả khả ái. Hai, bất thiện, tức nghiệp dẫn đến quả không khả ái. Tùy theo chủng tử được huân tập bởi hữu chi mà có sự sai biệt của các cõi do bởi nghiệp dị thục".

Các nghiệp ấy vừa được thực hiện thì liền diệt ngay, nhưng nó huân tập trong bản thức để sản sinh công năng của chính nó. Công năng ấy được gọi là tập khí của nghiệp. Tập khí tiếp nối vận chuyển cho đến khi chín muồi thì nó sản sinh ra quả dị thục.

11. Sinh

"Này chư Hiền, sinh là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, sanh thì sanh, xuất hiện thì xuất hiện, hình thành thì hình thành, hiện khởi năm uẩn đã có mạng căn. Như vậy gọi là sanh". (*Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế).*

12. Lão – tử

"Này chư Hiền, già nghĩa là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, kẻ kia trở nên già yếu, đầu bạc răng rụng, sự cường tráng ngày càng suy yếu, thân cong, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, phải chống gậy mà đi, thịt rút, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn hư hoại, nhan sắc xấu xí. Như vậy gọi là già.

Này chư Hiền, chết là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, mạng chung, vô thường, chết chôn, tan rã, tuổi thọ chấm dứt, hủy hoại, mạng căn bế tắc, như vậy gọi là chết". (*Trung A-hàm*, kinh *Phân Biệt Tứ Thánh Đế*).

II. DÒNG LƯU CHUYỂN SINH TỬ

Như vậy, vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão – tử chính là năm thủ uẩn của chúng ta và tất cả chúng sinh hữu tình. Chúng ta đã từng có mặt ở trong đời quá khứ, đang có mặt ở đời hiện tại và sẽ tiếp tục có mặt ở trong đời tương lai. Vì vậy, mười hai chi duyên khởi này đã được trường phái Hữu Bộ trong

Phật giáo phối hợp tam thế lưỡng trùng nhân quả như sau:

- Vô minh và hành là thuộc nhân quá khứ.
- Thức, danh sắc, Lục nhập, xúc, thọ là quả hiện tại.
- Ái, thủ, hữu là nhân hiện tại.
- Sinh, lão – tử là quả vị lai.

Y vào sự phân chia của phái Hữu Bộ nêu trên, chúng ta sẽ phân tích giáo pháp mười hai duyên khởi thuộc về Khổ đế – Tập đế qua ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai như sau:

1. Vô minh và hành là nhân quá khứ (Tập đế)

Trong đời quá khứ, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn tức Khổ đế. Tập đế chính là vô minh và hành. Hành bao gồm thân hành, khẩu hành và ý hành. Vô minh thuộc về ý nghiệp (tâm), chứ không phải thuộc về nơi thân và khẩu. Bởi vì vô minh chính là căn bản phiền não nên sẽ dẫn sinh tham ái và chấp thủ. Nghĩa là, do vô minh chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp

(thân, khẩu, ý), khi ấy thức thứ tám liền lưu giữ tất cả các loại nghiệp đó, gọi là *hữu* hay *hữu chi tập khí*. Đây chính là vô minh làm nhân duyên cho hành tập khởi (thân hành, khẩu hành và ý hành) và hành làm nhân duyên cho thức (thức A-lại-da lưu giữ tất cả chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp).

2. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ là quả hiện tại (Khổ đế – năm thủ uẩn)

Trong đời quá khứ ấy, khi chúng ta xả bỏ báo thân thì các căn sẽ bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không hoạt động (tùy thuộc báo thân nơi mỗi quốc độ), khi ấy chỉ y vào hữu hay hữu chi tập khí (tức chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức A-lại-da) làm nhân để dẫn sinh thức A-lại-da đi vào trong thai mẹ để hình thành danh sắc. Đây chính là dẫn nghiệp.

Khi thức thứ tám được dẫn sinh vào trong thai mẹ thì trong giai đoạn thai nhi này tối thiểu có bốn thức tồn tại đó là: thức thứ tám, thức thứ bảy, thức thứ sáu và thân thức. Trong giai đoạn này, thức duyên danh sắc và danh sắc duyên thức – Thức ở

đây chính là thức thứ tám, còn danh chính là thức thứ bảy, thức thứ sáu, thân thức và sắc là bốn đại của em bé đang ở trong bụng mẹ. Khi em bé sinh ra đời thì các căn đã được đầy đủ nên làm điều kiện cho các chuyển thức còn lại tập khởi. Nghĩa là, thức duyên danh sắc và danh sắc duyên thức mới thật sự được đầy đủ (năm thủ uẩn). Rồi từ đó, y vào sáu căn tiếp xúc với sáu trần dẫn sinh sáu thức, ba thứ căn, trần và thức hoà hợp dẫn sinh xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ. Chính giai đoạn này là thức (A-lại-da) duyên danh (bảy chuyển thức) sắc (thân thể của mỗi chúng ta), danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc và xúc duyên thọ. Đây chính là quả hiện tại, tức mãn nghiệp (năm thủ uẩn).

3. Ái, thủ và hữu là nhân hiện tại (Tập đế)

Với đời hiện tại này, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn tức Khổ đế. Tập đế chính là ái, thủ, hữu. Tính chất của ái, thủ, hữu là vô minh. Nghĩa là, do tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), khi ấy

thức thứ tám liền lưu giữ tất cả các loại nghiệp đó, gọi là *hữu* hay *hữu chi tập khí*. Cho nên, hữu chính là chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được thức thứ tám lưu giữ và chúng sẽ làm nhân để dẫn sinh quả sinh và lão – tử trong đời vị lai.

Y vào sáu căn tiếp xúc với sáu trần dẫn sinh sáu thức, ba thứ căn, trần và thức hoà hợp sinh khởi xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, thọ làm nhân duyên sinh khởi ái, ái làm nhân duyên sinh khởi thủ, thủ làm nhân duyên sinh khởi hữu. Chính giai đoạn này là Lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu. Hoặc đồng nghĩa với ý nghĩa đó, y vào sáu căn tiếp xúc với sáu trần sinh khởi sáu thức, ba thứ căn, trần và thức hoà hợp để sinh khởi xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng và hành (các tâm hành thiện và bất thiện như tham, sân, si, mạn, nghi…). Chính ái và thủ là thuộc về các tâm hành. Nghĩa là, do vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), khi ấy thức thứ tám liền lưu giữ

tất cả các loại nghiệp đó, gọi là *hữu* hay *hữu chi tập khí*.

4. Sinh và lão – tử là quả vị lai (Khổ đế – năm thủ uẩn)

Với đời hiện tại này, khi chúng ta xả bỏ báo thân thì các căn sẽ bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không hoạt động, khi ấy chỉ y vào *hữu* hay *hữu chi tập khí* (chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức thứ tám) làm nhân để dẫn sinh thức thứ tám vào trong các giới loại để hình thành danh sắc (năm thủ uẩn). Từ đó, chúng ta cũng sẽ dẫn đến già, bệnh và chết. Với giai đoạn này gọi là hữu duyên sinh và sinh duyên lão – tử. Đây chính là sinh và lão – tử thuộc quả vị lai.

Tóm lại, chính vô minh làm nhân duyên cho hành, thức,… cho đến sinh và lão – tử tập khởi, tức năm thủ uẩn tập khởi. Đây chính là dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau của tất cả chúng sinh trong các giới loại. Vì vậy, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Nhân Duyên*, số 334, Đức Phật dạy: "Nay Ta sẽ nói pháp nhân duyên và pháp duyên sanh.

Thế nào là pháp nhân duyên? Là cái này có nên cái kia có, như duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức, cho đến, tụ tập thuần một khối khổ lớn như vậy.

Thế nào là pháp duyên sanh? Là vô minh, hành,... dù Phật có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới. Pháp này Như Lai đã tự giác tri, thành Đẳng Chánh Giác, vì người diễn nói, chỉ dạy, hiển bày rằng: Duyên vô minh có hành, cho đến, duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

Dù Phật có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian thì pháp này vẫn thường trụ, pháp trụ, pháp giới. Pháp này Như Lai đã tự giác tri, thành Đẳng Chánh Giác, vì người diễn nói, chỉ dạy, hiển bày rằng: duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não."

III. DÒNG HOÀN DIỆT

Năm thủ uẩn hiện tại của chúng ta là Khổ đế. Còn ái, thủ và hữu đối với năm thủ uẩn là Tập đế. Để đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu

quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật thì chúng ta phải tu tập Bát Chánh đạo. Bát Chánh đạo gồm Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu. Trong đó, tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại. Còn tu tập Bát Chánh đạo vô lậu để đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật. Đây chính là dòng hoàn diệt. Với ý nghĩa tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu và tu tập Bát Chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở phần tu tập Bát Chánh đạo.

IV. LUẬN NGHĨA GIÁO PHÁP MƯỜI HAI DUYÊN KHỞI

Hiện nay, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn, tức Khổ đế – Tập đế. Bởi vì chúng ta đang có mặt ở đời hiện tại này nên cũng đã từng có mặt ở trong những đời thuộc về quá khứ và sẽ tiếp tục có mặt ở trong những đời vị lai. Như vậy, trong đời quá khứ ấy, chúng ta cũng là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn tức Khổ đế. Vô minh và hành là

Tập đế. Hành bao gồm thân hành, khẩu hành và ý hành. Vô minh là thuộc về ý nghiệp. Vì vô minh là căn bản phiền não nên sẽ dẫn sinh tham ái và chấp thủ. Vì thế, do vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), khi ấy thức thứ tám liền lưu giữ các loại nghiệp đó, gọi là tập khí (chủng tử) của nghiệp. *Luận Thành Duy Thức* gọi là "hữu chi tập khí". "Đó là chủng tử của nghiệp dẫn đến dị thục (quả) trong ba cõi. Hữu chi có hai: Một, thiện hữu lậu, tức nghiệp dẫn đến quả khả ái. Hai, bất thiện, tức nghiệp dẫn đến quả không khả ái". Tập khí (chủng tử) của nghiệp được thức thứ tám lưu giữ không để cho thất tán.

Trong đời quá khứ ấy, khi chúng ta xả bỏ báo thân (tùy thuộc báo thân nơi mỗi quốc độ) thì các căn sẽ bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức không tập khởi, lúc đó chỉ y vào tập khí hay chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức thứ tám làm nhân dẫn sinh thức A-lại-da vào trong các giới loại để hình thành danh sắc. Ví như khi dẫn sinh vào trong thai mẹ thì trong giai đoạn thai nhi này tối thiểu có bốn thức tồn tại

đó là: thức thứ tám, thức thứ bảy, thức thứ sáu và thân thức. Thức ở đây chính là thức thứ tám, danh chính là thức thứ bảy, thức thứ sáu và thân thức; sắc là bốn đại của một em bé đang ở trong bụng mẹ. Khi một em bé sinh ra đời thì các căn đã được đầy đủ nên làm điều kiện cho các thức còn lại tập khởi. Nghĩa là, một chúng sinh hữu tình thành tựu được quả báo tức mãn nghiệp (năm thủ uẩn). Quả báo của mỗi chúng sinh hữu tình ấy được khả ái như xinh đẹp, thông minh,... hay không được khả ái như không xinh đẹp, không thông minh,... đều do tập khí hay chủng tử của nghiệp được lưu giữ trong thức thứ tám làm nhân với các duyên để dẫn sinh quả, chứ không phải từ một nguyên nhân hay nhiều nguyên nhân nào khác tạo thành.

Với đời hiện tại này, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn tức Khổ đế; vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã tức Tập đế. Cho nên, do vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), khi ấy thức thứ tám liền lưu giữ các loại nghiệp đó, gọi là tập khí hay chủng tử của nghiệp.

Luận *Thành Duy Thức* gọi là "hữu chi tập khí" (tập khí của nghiệp). Hoặc y vào sáu căn của chúng ta tiếp xúc với sáu trần dẫn sinh sáu thức, ba thứ căn, trần, thức hòa hợp dẫn sinh xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng và hành. Hành chính là vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, hay vin chấp nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần nên mới tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), khi ấy thức thứ tám liền lưu giữ tất cả loại nghiệp đó, gọi là tập khí hay chủng tử của nghiệp.

Với đời hiện tại này, khi chúng ta xả bỏ báo thân thì các căn sẽ bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức sẽ không tập khởi, lúc đó chỉ y vào tập khí hay chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức thứ tám làm nhân với các duyên để dẫn sinh thức A-lại-da vào trong các giới loại để hình thành danh sắc (quả vị lai). Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Phân Biệt Nghiệp*, Đức Phật dạy: Khi chúng ta xả bỏ báo thân thì lúc đó sẽ y vào nghiệp thiện hay nghiệp bất thiện (tập khí của nghiệp) thuộc đời sống ở hiện tại, hoặc thuộc đời quá khứ (nhân của hậu báo), hoặc lúc đó tâm vương, tâm sở sinh khởi

thiện hay bất thiện để dẫn sinh kiếp sống mới. Đây chính là dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau của chúng ta và tất cả chúng sinh trong các giới loại.

Vì vậy, chúng ta muốn điều phục, đoạn trừ dòng lưu chuyển sinh tử khổ đau này thì phải tu tập đạo Thánh đế. Tuy đạo Thánh đế gồm 37 pháp nhưng trong đó Bát Chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất, vì nó thâu tóm tất cả các đạo đế còn lại như Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực và Thất giác chi. Lại nữa, Bát Chánh đạo gồm Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu. Trong đó, tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại. Còn tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính tu tập giới – định –tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu để đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu Tứ Thánh quả cho đến thành tựu quả vị Phật. Đây chính là dòng hoàn diệt.

3

NHÂN QUẢ VÀ NGHIỆP BÁO

I. Nhân quả

Nhân là nguyên nhân, quả là kết quả do năng lực của nhân và các duyên để dẫn sinh.

Sự lưu chuyển sinh tử của chúng ta và tất cả chúng sinh đều không ra ngoài nhân – duyên – quả. Để hiểu rõ nghĩa này, chỉ có Đức Thế Tôn và những bậc Thánh A-la-hán mới có đủ năng lực thấu suốt nhân – duyên – quả của tất cả chúng sinh trong ba cõi. Cho nên, theo *Trung A-hàm*, kinh *Bạt-đà-hòa-lợi*, số 194, Đức Phật dạy: "Vị ấy với sự chứng đắc định tâm thanh tịnh như vậy, không nhuế, không phiền, nhu nhuyến, an trụ vững vàng, đạt đến bất động tâm, học và chứng đắc túc mạng trí thông. Vị ấy với hành vi, với tướng mạo, nhớ lại về trước vô lượng trăm nghìn đời sống đã trải qua, một đời,

hai đời trăm đời, nghìn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành kiếp hoại kiếp". Vì thế, chúng ta là những hàng phàm phu thì không thể hiểu hết được sự sai biệt về nhân, duyên và quả của chính mình và tất cả chúng sinh. Vì lẽ đó, tôi chỉ trình bày những phần căn bản của đời sống hiện thực để chiêm nghiệm và thực tập.

1. Nhân quả đồng thời

Đó là loại nhân quả mà từ thời điểm tạo nhân để dẫn sinh đến quả cùng thời.

Do chúng ta đã sống với vô minh, tham ái, chấp thủ (Tập đế) vào năm thủ uẩn (Khổ đế) làm thực ngã nên mới tạo tác nghiệp nhân và thọ quả trong từng ý niệm. Có nghĩa là, chủng tử thiện và bất thiện trong thức thứ tám làm nhân để dẫn sinh bảy chuyển thức hiện hành (quả); khi bảy chuyển thức hiện hành thì chúng lại tạo tác nghiệp làm nhân để huân tập thành chủng tử trong bản thức (quả). Đây chính là nhân và quả đồng thời.

Với ý nghĩa đó nên là những người xuất gia và những người cư sĩ tại gia thì chúng ta cần phải

chọn cho mình một trú xứ để thực tập và nơi trú xứ đó phải có bậc thầy rõ đạo để thiết lập khuôn phép cho tứ chúng cùng tu học. Nhờ đó, tứ chúng nơi trú xứ đó mới phát triển được Chánh kiến và dẫn sinh sự an lạc của thân và tâm. Còn nếu chúng ta tu học trong một trú xứ mà nơi trú xứ ấy không có được bậc thầy rõ đạo thì Chánh kiến sẽ không sinh khởi. Bởi Chánh kiến của chúng ta không sinh khởi nên dẫn sinh nhiều khổ đau. Sự khổ đau đó là vì các duyên nên dẫn sinh nhân và quả đồng thời, tức sự tập khởi Ngũ thủ uẩn thiện ác của mỗi chúng ta.

2. Nhân quả khác thời

Đó là loại nhân quả kể từ thời điểm tạo nhân cho đến lúc thọ quả phải trải qua một khoảng thời gian nhất định. Khoảng thời gian ấy được chia làm ba thời khác nhau:

a. Hiện báo: Đó là loại nghiệp nhân tạo ra trong đời này thì sẽ dẫn đến quả báo ngay trong đời này.

Ví như khi chúng ta phát tâm quy y Tam bảo, rồi tu tập các thiện pháp như năm giới, mười giới, bốn mươi pháp thiện, cho đến tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu nên được thọ quả lành trong đời sống hiện tại (hiện báo). Với sự tu học đó, nếu chúng ta sống trong một gia đình thì sẽ được những người trong gia đình thương yêu và quý trọng. Nếu chúng ta ở trong một tổ chức thì sẽ được những người trong tổ chức đó thương yêu và quý trọng. Nếu chúng ta tu học trong một tu viện, một ngôi chùa thì sẽ được thầy tổ, huynh đệ, chị em thương yêu và quý trọng… Đây chính là nhân thiện nên dẫn sinh quả vui (hiện báo).

Còn nếu chúng ta tạo tác các nghiệp bất thiện như năm bất thiện pháp, mười bất thiện pháp và bốn mươi bất thiện pháp thì sẽ thọ quả khổ trong đời sống hiện tại (hiện báo). Với sự tạo tác đó, nếu chúng ta sống trong một gia đình thì sẽ không được những người trong gia đình thương yêu và quý trọng. Nếu chúng ta sống trong một tổ chức thì sẽ không được mọi người trong tổ chức

đó thương yêu và quý trọng... Đây chính là nhân bất thiện nên dẫn sinh quả khổ (hiện báo).

b. Sinh báo: Đó là loại nghiệp nhân tạo trong đời này nhưng phải đến đời sau mới thọ quả.

Với đời hiện tại này, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn tức Khổ đế. Tập đế chính là vô minh, tham ái, chấp thủ. Nghĩa là, do vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), khi ấy thức thứ tám liền lưu giữ tất cả các loại nghiệp đó, gọi là *hữu* hay *hữu chi tập khí*. Khi chúng ta xả bỏ báo thân thì các căn sẽ bắt đầu biến hoại, sáu chuyển thức sẽ không tập khởi, khi ấy chỉ y vào hữu (chủng tử thiện và bất thiện của nghiệp được lưu giữ trong thức thứ tám) làm nhân để dẫn sinh thức A-lại-da vào trong các giới loại để hình thành danh sắc (năm thủ uẩn). Đây chính là nhân và quả của sinh báo.

c. Hậu báo: Đó là những loại nghiệp nhân tạo trong đời này nhưng phải cho đến các đời sau nữa mới thọ quả báo.

Với đời hiện tại này, chúng ta là một chúng sinh gồm năm thủ uẩn tức Khổ đế. Tập đế chính là vô minh, tham ái và chấp thủ. Nghĩa là, do vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), khi ấy thức thứ tám liền lưu giữ tất cả các loại nghiệp đó, gọi là *hữu* hay *hữu chi tập khí*. Tuy cũng giống như ý nghĩa của sinh báo nhưng các nghiệp nhân đó không dẫn sinh quả của sinh báo, mà phải đợi đến các đời sau nữa mới thành quả. Đây chính là nhân và quả của hậu báo.

Vì thế, chúng ta là những người xuất gia và những người cư sĩ tại gia thì cần phải hiểu và tin sâu nhân quả. Bởi vì đây là một sự thật vốn luôn hiện hữu.

II. Nghiệp báo

Bởi vì tất cả chúng ta đã sống với vô minh, tham ái chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo tác những nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), để rồi phải thọ quả

vui hoặc quả khổ thuộc đời hiện tại và những đời trong tương lai.

Trong kinh Đức Phật dạy: "Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu" *(Trung Bộ Kinh, Tiểu Kinh Nghiệp Phân Biệt,* số 135*).*

Thế biệt do nghiệp sinh
Tư và tư sở tác.
Tư tức nghiệp thuộc ý.
Sở tác tức thân ngữ.

Sự sai biệt đa dạng của thế gian là sản phẩm bởi nghiệp; đó là tư và sở tác bởi tư. Tư chính là ý nghiệp; sở tác bởi tư là thân và ngữ nghiệp.

Như kinh nói, "Có hai loại nghiệp: nghiệp là tư, và nghiệp sau khi tư. Nghiệp sau khi tư là nghiệp được thực hiện bởi tư. Hai loại nghiệp như vậy được phân tích thành ba: thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp của hữu tình".

(Câu-xá-luận, trang 305 - 306, Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch và chú*)*

1. Định nghĩa

Nghiệp là gì? Nghiệp chính là nhận thức, tư duy, quyết định (ý thức) đối với các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần, rồi sau đó được dẫn sinh qua lời nói của miệng (khẩu nghiệp) và hành động của thân (thân nghiệp) nên gọi là Tam nghiệp. Như vậy, định nghĩa về nghiệp chính là những hành động của thân, lời nói của miệng được tác ý hay cố ý từ tâm.

Cho nên, trong *Trung A-hàm*, kinh *Tư*, số 15, Đức Phật dạy: "Nếu có kẻ nào cố ý tạo nghiệp, Ta nói rằng kẻ ấy phải thọ lấy quả báo, hoặc thọ ngay trong đời hiện tại, hoặc thọ vào đời sau. Nếu tạo nghiệp mà không cố ý, Ta nói rằng người ấy không nhất thiết phải thọ quả báo. Ở đây, thân cố ý tạo ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ khổ quả. Miệng có bốn nghiệp, ý có ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ báo, thọ khổ quả".

2. Phân loại nghiệp

a. Thiện nghiệp

Nếu chúng ta an trụ trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và Chánh tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) thì sẽ dẫn sinh Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, đây gọi là thiện nghiệp.

Hoặc nếu chúng ta an trụ với 11 tâm sở thiện (tín, tàm, quý, vô tham, vô sân, vô si, tinh tấn, khinh an, bất phóng dật, hành xả, bất hại) thì sẽ dẫn sanh Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, đây gọi là thiện nghiệp.

Đức Phật dạy: "Thế nào là pháp trí tuệ? Người trí tuệ có ba sự kiện: sự tướng, tiêu thức và ấn tượng trí tuệ. Tức là người đã thành tựu trí tuệ nên nói là trí tuệ.

Những gì là ba? Người trí tuệ suy nghĩ với ý nghĩ thiện, nói lời nói thiện và làm việc thiện. Vì là người trí tuệ nên được nói là trí tuệ vậy.

Nếu kẻ trí chẳng nghĩ điều thiện, không nói lời thiện và không làm việc thiện, thì người trí làm

sao biết được họ là trí? Vì người có trí tuệ nghĩ thì nghĩ thiện, nói thì nói thiện và làm thì làm thiện nên người có trí được nói là kẻ trí.

Lại nữa, người trí kia hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành. Người ấy sau khi hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, tất đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Kẻ kia đã sanh lên đó rồi, cảm thọ quả báo lành, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niệm. Nếu ai nghĩ rằng: 'Nơi nào hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niệm, nơi đó được nói là thiện xứ.' Vì sao? Vì chốn lành kia, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niệm.

Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo rời chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai bên phải, chắp tay hướng về Phật mà bạch rằng: 'Bạch Thế Tôn, thiện xứ là thế nào?'

Thế Tôn đáp: 'Này Tỳ-kheo, thiện xứ thì không thể nói hết được, nghĩa là nói về sự hoan lạc nơi thiện xứ. Chỉ có thể nói rằng nơi thiện xứ chỉ có hoan lạc.'

Tỳ-kheo lại hỏi: 'Bạch Thế Tôn, xin Ngài có thể dùng ví dụ để dễ hiểu nghĩa ấy chăng?'

Thế Tôn đáp: 'Cũng có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy. Ví dụ Chuyển luân vương thành tựu bảy báu và bốn như ý túc của loài người. Này Tỳ-kheo, ý ngươi nghĩ sao? Chuyển luân vương kia thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý túc của loài người, nơi vua kia nhân đó thân tâm có lãnh thọ hỷ lạc cùng cực chăng?'

Tỳ-kheo đáp: 'Bạch Thế Tôn, nếu ai thành tựu được một như ý túc loài người còn lãnh thọ hỷ lạc cùng cực, huống nữa là Chuyển luân vương thành tựu hết bảy báu và bốn như ý túc loài người, há chẳng phải là lãnh thọ hỷ lạc cùng cực đó sao?'

Bấy giờ, Thế Tôn tay cầm viên đá nhỏ bằng hạt đậu hỏi Tỳ-kheo: 'Ngươi thấy viên đá nhỏ bằng hạt đậu mà Ta cầm trong tay chăng?'

Tỳ-kheo đáp: 'Bạch Thế Tôn, có thấy'.

Thế Tôn lại hỏi: 'Tỳ-kheo, ý ông nghĩ sao? Viên đá nhỏ như hạt đậu mà Ta cầm đây đem so với Tuyết Sơn Vương thì cái nào lớn hơn?'

Tỳ-kheo đáp: 'Bạch Thế Tôn, viên đá nhỏ như hạt đậu mà Thế Tôn cầm đó đem so với Tuyết Sơn Vương thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm gấp ngàn, gấp vạn lần không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể so sánh được, chỉ nói là Tuyết Sơn Vương rất lớn, quá lớn thôi'.

Thế Tôn lại bảo: 'Nếu viên đá nhỏ như hạt đậu mà Ta cầm đây đem so với Tuyết Sơn Vương, nó thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm gấp ngàn, gấp vạn lần, trọn không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể ví dụ được, chỉ nói là Tuyết Sơn Vương rất lớn, quá lớn thôi. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, nếu Chuyển luân vương đã thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý túc, nơi vua kia thân tâm cảm thọ hỷ lạc cùng cực; đem so sánh với hỷ lạc ở cõi Trời, nó thật quá nhỏ, nhỏ gấp trăm gấp ngàn vạn lần, không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể ví dụ được. Nghĩa là hoan lạc nơi thiện xứ, chỉ hoàn toàn hoan lạc thôi'.

'Tỳ-kheo, thế nào là sự hoan lạc nơi thiện xứ? Có thiện thiện xứ gọi là sáu xúc. Chúng sanh sanh vào trong đó, khi đã sanh đến đó rồi, hoặc sắc được

thấy bởi sắc, mắt, khả hỷ, khả ý, khả niệm, ý nhuần ái, ý thiện lạc, thì đó là thiện xứ. Tiếng được nghe nơi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, sự xúc chạm nơi thân, pháp được biết bởi ý; khả hỷ, khả lạc, khả ý, khả niệm, ý nhuần ái thì đó là nhuần ái, ý thiện lạc thì đó là thiện lạc. Như vậy gọi là sự hoan lạc ở thiện xứ'.

'Này Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô số phương tiện để nói về thiện xứ, nói sự việc ở nơi thiện xứ cho các ngươi nghe. Song sự hoan lạc nơi thiện xứ kia không thể nào nói hết được. Chỉ nói là nơi thiện xứ hoàn toàn chỉ có hoan lạc mà thôi'.

'Này Tỳ-kheo, nếu người trí tuệ kia, có khi từ thiện xứ sanh xuống, hoặc sanh nhằm nhà rất giàu sang, tiền tài vô số, nuôi nhiều tôi tớ và súc mục, phong hộ, thực ấp, thóc lúa đầy đủ và biết bao các thứ nhu dụng sinh tồn khác. Họ là người hạng nào? Là nhà đại trưởng giả cư sĩ, nhà trưởng giả dòng Sát-đế-lị, nhà trưởng giả dòng Bà-la-môn và các nhà đại phú gia khác, tiền của vô số, nuôi nhiều tôi tớ và súc mục, phong hộ thực ấp, thóc lúa đầy đủ và biết bao các thứ nhu dụng sinh tồn khác.

Sanh nhằm nhà như vậy, đoan chánh, khả ái, nhiều người kính thuận, danh vang cùng khắp, có oai đức lớn, nhiều người kính mến, nhiều người nhắc đến. Rồi người ấy lại hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành. Sau khi hành thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành rồi, do nhân duyên đó khi thân hoại mạng chung trở lại thiên xứ, sanh lên Thiên giới" (*Trung A-hàm,* kinh *Si Tuệ Địa*, số 199, Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch).

b. Ác nghiệp

Nếu chúng ta an trụ trong tà định (tà tinh tấn, tà niệm và tà định) và tà tuệ (tà kiến và tà tư duy) thì sẽ dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, đây gọi là bất thiện nghiệp.

Hoặc nếu chúng ta sống với các căn bản phiền não (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến) thì sẽ dẫn sanh tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, đây gọi là bất thiện nghiệp.

Đức Phật dạy:

"Thế nào là pháp ngu si? Người ngu si có ba: sự tướng, tiêu thức ngu si và ấn tượng ngu si. Tức là người thành tựu sự ngu si thì nói là ngu si.

Những gì là ba? Người ngu si suy tư bằng tư niệm ác, nói bằng lời nói ác, và làm việc ác. Do đó, người ngu si được gọi là ngu si. Nếu người ngu si không suy nghĩ ý nghĩ ác, không nói lời nói ác, và không làm việc ác, như vậy thì làm sao người ngu si được nói là ngu si? Vì người ngu si suy nghĩ ý nghĩ ác, nói lời nói ác và làm việc làm ác, cho nên người ngu si được nói là ngu si" (*Trung A-hàm,* kinh *Si Tuệ Địa số 199,* Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Anh Vũ số 170,* Đức Phật đã dạy cụ thể về những nghiệp nhân để dẫn sinh nghiệp quả như sau: "Bạch Cồ Đàm, do nhân gì, do duyên gì, chúng sanh kia đều thọ thân người mà có người cao kẻ thấp, có người đẹp kẻ xấu. Vì sao vậy? Bạch Cồ Đàm, tôi thấy có kẻ sống lâu, người chết yểu; có kẻ nhiều bệnh, người ít bệnh; lại thấy có kẻ thân hình đoan chánh, có người không đoan chánh; lại thấy có kẻ có oai đức, người không oai đức; lại thấy có kẻ sanh nhằm dòng dõi

tôn quý, có người sanh nhằm dòng dõi ti tiện; lại thấy có kẻ giàu có, có người nghèo hèn; lại thấy có kẻ thiện trí, có người ác trí'.

Đức Thế Tôn trả lời:

'Chúng sanh kia do nơi hành nghiệp của chính mình, nhân bởi nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp, tùy theo nơi nghiệp xứ có cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp'.

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch Thế Tôn rằng:

'Sa-môn Cồ Đàm nói vắn tắt quá, không phân biệt một cách rộng rãi, tôi không thể hiểu hết được. Mong Sa-môn Cồ Đàm nói một cách rộng rãi cho tôi nghe để tôi được hiểu rõ ý nghĩa'.

Đức Thế Tôn bảo:

'Này Ma-nạp, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt một cách rộng rãi cho ông nghe'.

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch: 'Kính vâng, tôi xin vâng lời lắng nghe'.

Đức Phật nói:

'Này Ma-nạp, do nhân gì, do duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất ngắn ngủi?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu, ý nghĩ ác hại, không có tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh, cho đến các loài côn trùng. Người ấy lãnh thọ nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào trong Địa ngục. Mãn kiếp Địa ngục rồi, lại sanh vào Nhân gian, tuổi thọ rất ngắn ngủi.

Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự đoản thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu. Này Ma-nạp, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất dài?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát, bỏ hẳn dao gậy, có tâm tàm, có tâm quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng. Người ấy thọ nghiệp này, tạo tác nghiệp ấy đầy đủ rồi đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào

trong cõi Trời. Mãn kiếp ở cõi Trời, lại sanh vào Nhân gian, thọ mạng rất dài.

Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự trường thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát. Này Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ đa phần có tật bệnh?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nhiễu hại chúng sanh; người ấy hoặc nắm tay, hoặc dùng cây đá, hoặc dùng dao gậy nhiễu hại chúng sanh. Người ấy thọ nghiệp này, tạo thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong Địa ngục. Mãn kiếp Địa ngục, lại sanh vào Nhân gian, chịu nhiều tật bệnh. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến chỗ chịu nhiều bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào nhiễu hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có tật bệnh?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không nhiễu hại chúng sanh, người ấy không dùng tay nắm, không dùng cây đá, không dùng dao gậy nhiễu hại chúng sanh. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi Trời. Mãn kiếp ở cõi Trời rồi, lại sanh vào Nhân gian, không có tật bệnh.

Vì sao vậy? Con đường này đưa đến hưởng thọ không tật bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không nhiễu hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình không đoan chánh?

Nếu có kẻ nam hay người nữ mà tánh nóng nảy, hay bực dọc, vừa nghe chút ít đã nổi cơn giận dữ, nổi ganh ghét mà sanh lo buồn, nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ lấy nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong Địa ngục. Mãn kiếp Địa ngục, lại sanh vào Nhân gian, hình thể không đoan chánh.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể không đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào tánh nóng nảy, hay bực dọc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình đoan chánh?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không hay bực dọc, người ấy nghe lời nói êm ái hay thô bỉ cục cằn không nổi cơn giận dữ, không ganh ghét sanh ra buồn rầu, không nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ nghiệp, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi Trời. Mãn kiếp ở cõi Trời lại sanh vào Nhân gian, hình thể đoan chánh.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không nhiều bực dọc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có oai đức?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố; người ấy thấy kẻ khác được cung kính, cúng dường liền sanh lòng tật đố; nếu thấy kẻ khác có của thì muốn làm sao của ấy được về mình. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong Địa ngục. Mãn kiếp Địa ngục rồi, lại sanh vào trong Nhân gian, không có oai đức.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có oai đức lớn?

Nếu có kẻ nam hay người nữ không ôm lòng tật đố, người ấy thấy kẻ khác được cung kính cúng dường không sanh lòng tật đố. Nếu thấy kẻ khác có của, không có lòng ham muốn của ấy được về ta. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên

chỗ lành, sanh vào trong cõi Trời. Mãn kiếp ở cõi Trời rồi, lại sanh vào Nhân gian, có oai đức lớn.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không ôm lòng tật đố. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh vào dòng dõi ti tiện?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, ngã mạn, người đáng cung kính thì không cung kính, đáng tôn trọng thì không tôn trọng, đáng quý thì không quý, đáng phụng thờ thì không phụng thờ, đáng cúng dường thì không cúng dường, đáng nhường lối thì không nhường lối, đáng nhường chỗ ngồi thì không nhường chỗ ngồi, đáng chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì không chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong Địa ngục. Mãn kiếp Địa ngục, lại sanh vào Nhân gian, sanh nhằm dòng dõi ti tiện.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi ti tiện, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, đại mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh nhằm dòng dõi tôn quý?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không có lòng kiêu ngạo, đại mạn, người đáng cung kính thì cung kính, đáng tôn trọng thì tôn trọng, đáng quý thì quý, đáng phụng thờ thì phụng thờ, đáng cúng dường thì cúng dường, đáng nhường lối thì nhường lối, đáng nhường chỗ thì nhường chỗ, đáng chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian nhằm dòng dõi tôn quý.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi tôn quý, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không kiêu ngạo, đại mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có của cải?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không làm thí chủ, không thực hành bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, cho kẻ nghèo cùng đơn độc ở xa đến xin những thứ như đồ ăn, thức uống, quần áo, chăn mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong Địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào Nhân gian, không có của cải.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không biết làm người thí chủ, không thực hành bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có nhiều của cải?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào biết làm người thí chủ, biết thực hành bố thí. Người ấy bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và kẻ nghèo cùng,

cô độc từ xa tới xin những thứ như đồ ăn, thức uống, áo quần, chăn mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy thọ nhận nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi Trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào Nhân gian, có nhiều của cải.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có nhiều của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào làm người chủ bố thí, biết thực hành hạnh bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ kém cỏi?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không thường đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn danh đức, người ấy không thường đến nơi đó hỏi đạo nghĩa rằng: Thưa chư tôn, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng? Thế nào là đen? Trắng đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo

hiện tại như thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai như thế nào? Ý nghĩa quả báo hậu thế là người hay bố thí như thế nào?

Giả sử có hỏi nhưng không chịu thực hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong Địa ngục. Mãn kiếp Địa ngục, lại sanh vào Nhân gian, có trí tuệ kém cỏi.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo trí tuệ kém cỏi, nghĩa là kẻ nam hay người nữ ấy không có thường đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ tốt đẹp?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn danh đức, người ấy thường đến nơi ấy mà hỏi đạo nghĩa rằng: Thưa chư tôn, thế nào là nghiệp thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là tội? Thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng? Thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại

là thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai là thế nào? Ý nghĩa quả báo hậu thế như thế nào? Hỏi xong lại thường thực hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi Trời, mãn kiếp ở cõi Trời, lại sanh vào Nhân gian, có trí tuệ tốt đẹp.

Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có trí tuệ tốt đẹp, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Ma-nạp nên biết, tạo tác nghiệp tương xứng với đoản thọ, tất chịu đoản thọ. Tạo nghiệp tương xứng với trường thọ, tất được trường thọ. Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều tật bệnh, tất phải chịu nhiều tật bệnh. Tạo ác nghiệp tương xứng với ít tật bệnh, tất được ít tật bệnh. Tạo tác nghiệp tương xứng với sự không đoan chánh, tất phải thọ sự không đoan chánh. Tạo tác nghiệp tương xứng với đoan chánh, tất được đoan chánh. Tạo tác nghiệp tương xứng với không oai đức, tất phải chịu không oai đức. Tạo tác nghiệp tương xứng với oai đức,

tất được oai đức. Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi ti tiện, tất phải sanh nhằm dòng dõi ti tiện. Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi tôn quý, tất được sanh vào dòng dõi tôn quý. Tạo tác nghiệp tương xứng với không của cải, tất bị không của cải. Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều của cải, tất được nhiều của cải. Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ kém cỏi, tất bị trí tuệ kém cỏi. Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ tốt đẹp, tất được trí tuệ tốt đẹp.

Này Ma-nạp, đó là những điều Ta đã nói từ trước rằng: Chúng sanh do hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên nơi nghiệp, tùy theo nghiệp xứ cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp".

c. Vô ký nghiệp

Ngoài thiện nghiệp và bất thiện nghiệp còn có nghiệp vô ký không dẫn đến quả dị thục. Nói theo nghĩa rộng thì tất cả ba nghiệp thân, ngữ và ý đều có đủ ba tính chất thiện, bất thiện và vô ký. Phật không nói đến nghiệp vô ký vì chỉ nhắm đến mục đích giải thoát. Các bộ nhắm giải thích luôn cả

những hiện tượng sinh hoạt thường nhật, như đi đứng, các thao tác luyện tập, không bị thúc đẩy bởi tham, sân, si hay vô tham, vô sân, vô si. Hoặc định nghĩa theo *A-tỳ-đàm Tâm Luận*: "Nghiệp tác động bởi tư tương ưng với tâm thiện gọi là nghiệp thiện; với tâm bất thiện được gọi là nghiệp bất thiện; với tâm vô ký được gọi là nghiệp vô ký". Luận này cũng nói rõ, thân biểu vô ký, thân bị tác động bởi tâm vô ký như các hoạt động đi, đứng, nằm, ngồi; hay công xảo xứ là các hoạt động có tính chất kỹ thuật hay nghệ thuật.

Những hành vi như đi, đứng, nằm, ngồi, nếu liên hệ đến các nghiệp đạo thì không thể gọi là oai nghi lộ. Như bước đi với mục đích sát sanh hay trộm cắp; đi như vậy là gia hành của nghiệp đạo bất thiện về sát hoặc trộm. Công xảo xứ cũng vậy, luyện võ công với mục đích giết người hay để hành nghề cướp bóc; những thao tác này là gia hành của nghiệp đạo sát và trộm cướp. Hoặc như vẽ tranh hay tạc tượng Phật với tâm cung kính, mục đích để thờ phụng chứ không phải để trang trí; những thao tác này thuộc diệu hành. Nếu luyện

tập võ nghệ với mục đích dưỡng sinh, hoặc vẽ hay tạc tượng Phật để trang trí hay buôn bán đổi chác, những thao tác này hoặc thuộc oai nghi lộ, hoặc công xảo xứ; chúng thuộc loại vô ký".

(Phần vô ký nghiệp này hoàn toàn trích từ *Câu-xá Luận*, trang 287-288, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú)

3. Các loại nghiệp dẫn sinh khi chết

Đức Phật dạy: "Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi Trời. Ấy là nếu trước kia nó đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ, cho nên ở trong đời hiện tại thọ báo xong, họ sanh về nơi đó (cõi lành). Hoặc do hậu báo cho nên người kia không vì nhân này, không vì duyên này mà thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi Trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do xả ly và thủ hộ nên chưa

tiêu hết, cần phải thọ báo ở chốn lành; kia do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi Trời. Hoặc khi chết khởi các tâm và tâm sở hữu pháp thuộc thiện tương ưng với Chánh kiến; kia nhờ nhân này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi Trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong Địa ngục. Người ấy do trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do sự xả ly, thủ hộ cho nên ở trong đời hiện tại họ thọ báo xong, cho nên sanh về nơi đó. Hoặc do bởi hậu báo cho nên họ không vì nhân này, duyên này mà thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong Địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do không xả ly và không thủ hộ nên chưa tiêu hết, phải thọ báo ở Địa ngục; họ do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác,

sanh trong Địa ngục. Hoặc khi chết sanh tâm và các tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, do nhân này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong Địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong Địa ngục. Kia do chính nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong Địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ mà chưa tiêu hết, nên phải thọ báo ở Địa ngục; kia do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong Địa ngục. Hoặc khi chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, kia do nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong Địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi Trời. Kia nhờ chính nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi Trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, nhờ có xả ly, có thủ hộ mà chưa tiêu hết, phải được thọ báo thiện; kia nhờ nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi Trời. Hoặc đến lúc chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp thiện tương ưng với Chánh kiến, kia do nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi Trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy".

(Trích *Trung A-hàm*, kinh *Đại Phân Biệt Nghiệp*)

"Già-di-ni, con Trời A-tư-la bạch Phật rằng:

'Bạch Thế Tôn, các người Bà-la-môn tự cao, thờ chừng ấy Trời. Họ cho rằng, nếu có chúng sanh nào mạng chung, họ có thể làm cho tự do qua lại các thiện xứ, sanh lên cõi Trời. Thế Tôn là

Pháp chủ, mong Thế Tôn làm cho chúng sanh khi mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi Trời'.

Thế Tôn bảo rằng:

'Này Già-di-ni, nay Ta hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Già-di-ni, ý ông nghĩ thế nào? Nếu ở trong thôn ấp, hoặc có kẻ nam, người nữ biếng nhác, không tinh tấn, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện, là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Người ấy khi mạng chung, nếu có số đông người đến, thảy đều chắp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn, nói như thế này: 'Các người, nam hoặc nữ, biếng nhác, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm nói dối, cho đến tà kiến. Mong các người nhân việc này, duyên việc này, khi thân hoại mạng chung tất đi đến thiện xứ, sanh lên cõi Trời'. Như vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ biếng nhác kia, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến; có

thể nào vì được số đông người đều đến chắp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi Trời không?'

Già-di-ni thưa rằng:

'Không thể được, bạch Thế Tôn.'

Phật khen rằng:

'Lành thay, Già-di-ni, vì sao thế? Những người nam hay nữ kia, biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Nếu được số đông người đến chắp tay hướng về chúng, mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy khi thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ sanh lên cõi Trời. Việc đó không thể có.

Này Già-di-ni, cũng như cách thôn không bao xa, có vực nước sâu, nơi đó có một người ôm tảng đá lớn và nặng ném vào trong nước. Nếu có số đông người đến đều chắp tay hướng về tảng đá mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: 'Mong tảng đá

nổi lên, mong tảng đá nổi lên'. Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Tảng đá lớn nặng ấy có thể nào vì được số đông người đến đều chắp tay hướng về nó và kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà sẽ nổi lên không?'

Già-di-ni trả lời rằng:

'Không thể được, bạch Thế Tôn!'

'Cũng vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia biếng nhác, không tinh tấn, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, nếu được số đông người đều đến chắp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà lúc thân hoại mạng chung, được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi Trời; điều đó không thể có được.

Vì sao thế? Bởi vì mười loại nghiệp đạo bất thiện này vốn đen, có quả báo đen, tự nhiên đi thẳng xuống, chắc chắn đi đến ác xứ.

Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Nếu như trong thôn ấp hoặc có người nam hay nữ, tinh tấn

siêng tu, lại thực hành diệu pháp thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, xa lìa lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến xa lìa tà kiến, được Chánh kiến. Người ấy khi mạng chung nếu có số đông người đến đều chắp tay hướng về người đó mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: 'Này các người, nam hoặc nữ, các người đã tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến cũng đều xa lìa, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Các người nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung, hãy đi đến ác xứ, sanh vào Địa ngục'. Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Các người nam nữ kia, tinh tấn siêng tu lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được Chánh kiến. Có thể nào vì bị số đông người đến chắp tay hướng về người đó mà ca ngợi cầu xin, nhân việc đó, duyên việc đó, mà khi thân hoại mạng chung sẽ đi đến ác xứ, sanh vào Địa ngục không?'

Già-di-ni trả lời rằng:

'Không thể được, bạch Thế Tôn!'

Thế Tôn khen rằng: 'Lành thay, Già-di-ni! Vì sao vậy? Này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia siêng năng tinh tấn, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp thiện đạo là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến đều xa lìa, được Chánh kiến. Nếu được số đông người đến chắp tay hướng về người đó mà kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung sẽ đi đến ác xứ, sanh vào Địa ngục. Điều này không thể có. Vì sao vậy? Này Già-di-ni, bởi vì mười nghiệp đạo thiện là trắng, có quả báo trắng, tự nhiên thăng lên, chắc chắn đến thiện xứ.

Này Già-di-ni, cũng như cách thôn không xa có vực nước sâu, nơi đó có người đem hũ dầu ném vào nước; hũ bị vỡ, sành cặn chìm xuống, dầu bơ nổi lên trên. Cũng vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho,

tà dâm, nói dối, cho đến xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được Chánh kiến. Người ấy khi mạng chung, thân thể là sắc thô nặng, thuộc về bốn đại, do cha mẹ sanh, nuôi lớn bằng cơm áo, chống dựa khi ngồi nằm, chăm sóc bằng tắm gội, là pháp phá hoại, là pháp diệt tận, là pháp ly tán. Sau khi mạng chung, hoặc chim quạ rỉa mổ, hoặc hùm sói ăn, hoặc bị đốt, hoặc bị chôn. Tất cả trở thành cát bụi. Tâm ý thức của người ấy thường được huân tập bởi tín, tinh tấn, đa văn, bố thí, trí tuệ. Người ấy, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà tự nhiên thăng lên cao, sanh đến thiện xứ.

Này Già-di-ni, người ấy đối với việc sát sanh, đã xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết. Đó là con đường vườn hoa, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ. (*Trung A-hàm*, kinh *Già-di-ni*, số 17, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch)

Theo kinh *Đại Phân Biệt Nghiệp*, Đức Phật dạy một người khi chết được dẫn sinh bởi các loại nghiệp như sau:

a. Hạng người thứ nhất

Nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cắp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ nói thô ác, không từ bỏ nói lưỡi đôi chiều, không từ bỏ nói lời thêu dệt, không từ bỏ tham, không từ bỏ sân và không từ bỏ tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi lành. Quả báo này sẽ được dẫn sinh do từ một trong ba nguyên nhân sau:

1. Khi chết, vị này không y vào nghiệp nhân hiện tại để thọ quả, vì nghiệp nhân hiện tại của vị ấy thọ quả đã hết.

2. Hoặc trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các thiện nghiệp, có những thiện nghiệp đã chín thành quả và có những thiện nghiệp chưa thành quả, chính các thiện nghiệp này là nhân thuộc quả của hậu báo, cho nên khi chết y vào nhân ấy để dẫn sinh về cõi lành.

3. Hoặc khi lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi chánh kiến nên y vào nhân này để dẫn sinh về cõi lành.

b. Hạng người thứ hai

Nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói thô ác, từ bỏ nói lưỡi đôi chiều, từ bỏ nói lời thêu dệt, từ bỏ tham, từ bỏ sân và từ bỏ tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi xấu. Quả báo này sẽ được dẫn sinh do từ một trong ba nguyên nhân sau:

1. Khi chết, vị này không y vào nghiệp nhân hiện tại để thọ quả, vì nghiệp nhân hiện tại của vị ấy thọ quả đã hết.

2. Hoặc trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các bất thiện nghiệp, có những bất thiện nghiệp đã chín thành quả và có những bất thiện nghiệp chưa thành quả, chính các bất thiện nghiệp này là nhân thuộc về quả của hậu báo, cho nên khi chết y vào nhân ấy để dẫn sinh về cõi xấu.

3. Hoặc khi lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi tà kiến nên y vào nhân này để dẫn sinh về cõi xấu.

c. Hạng người thứ ba

Nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cắp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ nói thô ác, không từ bỏ nói lưỡi đôi chiều, không từ bỏ nói lời thêu dệt, không từ bỏ tham, không từ bỏ sân và không từ bỏ tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi xấu. Quả báo này sẽ được dẫn sinh do từ một trong ba nguyên nhân sau:

1. Khi chết, vị này y vào nghiệp nhân hiện tại để dẫn sinh vào cõi xấu.

2. Hoặc trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các bất thiện nghiệp nhưng vì các bất thiện nghiệp đó là nhân thuộc quả của hậu báo, cho nên khi chết dẫn sinh về cõi xấu.

3. Hoặc khi lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi tà kiến nên y vào nhân này dẫn sinh về cõi xấu.

d. Hạng người thứ tư

Nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói thô ác, từ

bỏ nói lưỡi đôi chiều, từ bỏ nói lời thêu dệt, từ bỏ tham, từ bỏ sân và từ bỏ tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi lành. Quả báo này sẽ được dẫn sinh do từ một trong ba nguyên nhân sau:

1. Khi chết, vị này y vào nghiệp nhân hiện tại để dẫn sinh vào cõi lành.

2. Hoặc trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các thiện nghiệp nhưng vì các thiện nghiệp đó là nhân thuộc về quả của hậu báo, cho nên khi chết y vào nhân ấy dẫn sinh về cõi lành.

3. Hoặc khi lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi chánh kiến nên y vào nhân này để dẫn sinh về cõi lành.

LỜI KẾT

Bởi vì vô minh, tham ái chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), để rồi phải thọ quả báo sinh tử khổ đau trong các giới loại. Trong tiến trình sinh tử ấy, chúng ta đã từng sinh ra trong các giới loại, nhưng rồi sau đó cũng phải dẫn đến già, bệnh và chết hàng triệu triệu lần. Bởi vì hiểu được điều đó nên chúng ta mới khởi tâm dũng mãnh tu tập đạo Thánh đế. Đạo Thánh đế gồm đạo Thánh đế hữu lậu và đạo Thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo Thánh đế hữu lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo Thánh đế vô lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu để đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu Tứ Thánh quả cho đến quả vị Phật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Tiểu Tạng Thanh Văn* do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú.
2. Luận *Thành Duy Thức* do Hòa thượng Tuệ sỹ dịch và chú.
3. Luận *Câu-xá* do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú.
4. *Phật Học Khái Luận* của Hòa thượng Thích Chơn Thiện.
5. *Phật Học Ứng Dụng* của Hòa thượng Thích Thái Hòa.

TU TẬP BÁT CHÁNH ĐẠO HỮU LẬU và BÁT CHÁNH ĐẠO VÔ LẬU

Tác giả: Thích Thắng Giải

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (024)37822845
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Giám đốc - ThS. Nguyễn Hữu Có**
Chịu trách nhiệm nội dung: **Tổng biên tập - Lê Hồng Sơn**
Biên tập viên nhà xuất bản: **Vũ Văn Hiếu**

Sửa bản in:	Minh Thuận
Thiết kế bìa:	Hoàn Thanh Tú
Trình bày:	Thu Hiền

Đối tác liên kết
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ
119 C5 Tô Hiệu - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: (024) 3793 0480; Fax: (024) 6287 3238
Website: www.thaihabooks.com

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thích Thắng Giải

Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu và Bát chánh đạo vô lậu / Thích Thắng Giải. - H. : Tôn giáo ; Công ty Sách Thái Hà, 2025. - 256 tr. ; 21 cm

1. Đạo Phật 2. Giáo lí 3. Tu hành

294.3444 - dc23

TOM0016p-CIP

In 300 bản khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty Cổ phần In Bắc Sơn. Địa chỉ: Số 262 Phúc Diễn, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội. Số đăng ký KHXB: 148-2025/CXBIPH/08-02/TG. Quyết định xuất bản số: 153/QĐ-NXBTG cấp ngày 26 tháng 02 năm 2025. In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.

ISBN: 978-604-941-197-7